

KẾT SỨC MẠNH *Nối* THÀNH CÔNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2023



MỤC LỤC ↙

CONT
TENT



nafoods
Group

- 04 Danh mục viết tắt
- 06 Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị văn hóa
- 08 Thông điệp của CEO

01 Giới thiệu tổng quan Nafoods Group

- 12 Tổng quan về Nafoods Group
- 14 Lịch sử hình thành và phát triển
- 16 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 36 Vị thế & Giải thưởng
- 38 Các chỉ tiêu tài chính 2019 – 2023
- 40 Tổ chức và nhân sự
- 56 Thông tin cổ phần & Cơ cấu cổ đông
- 60 Định hướng chiến lược 2023 – 2028

02 Báo cáo hoạt động 2023 & kế hoạch 2024

- 68 Tổng quan nền kinh tế 2023 và triển vọng 2024
- 72 Tổng quan ngành rau quả xuất khẩu 2023 và triển vọng 2024
- 76 Báo cáo của Ban Điều hành
- 88 Báo cáo của Hội đồng quản trị

03 Báo cáo quản trị công ty

- 96 Hội đồng quản trị
- 99 Ủy ban Kiểm toán
- 101 Kiểm toán nội bộ & Quản trị rủi ro
- 104 Các giao dịch, thù lao, tiền thưởng và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH 2023
- 106 Đánh giá thực hiện các quy định về quản trị công ty 2023

04 Báo cáo tác động môi trường và xã hội (ESG)

- 112 Tuyên bố về trách nhiệm môi trường & xã hội
- 112 Báo cáo tác động môi trường
- 115 Trách nhiệm cộng đồng, xã hội

05 Báo cáo tài chính

- 120 Báo cáo tài chính

Danh mục viết tắt Acronyms

• Các từ và cụm từ viết tắt được sử dụng trong bản báo cáo được liệt kê theo thứ tự từ a đến z.

• a

AIJN (European Fruit Juice Association): Hiệp hội ngành nước trái cây liên minh Châu Âu

• b

BCTC: Báo cáo tài chính
BRC (British Retailer Consortium): Hiệp hội bán lẻ Anh quốc

• c

CBCNV: Cán bộ công nhân viên
CFA (the Chartered Financial Analyst): Chuyên gia phân tích tài chính
CRM (Customer Relationship Management): Quản lý quan hệ Khách hàng
CTCP: Công ty cổ phần
CNC: công nghệ cao

• d

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

• e

EBITDA (Earnings Before Interest, Taxes, Depreciation and Amortization) : Thu nhập trước lãi vay, thuế và khấu hao

• g

GDP (Gross Domestic Product): Tổng sản phẩm quốc nội

• h

HCNS, HR (Human Resources): Hành chính nhân sự
HĐQT: Hội đồng quản trị

• i

IFC (International Finance Corporation): Tổ chức Tài chính quốc tế
IQF (Individual Quick Frozen): Cấp đông nhanh từng cá thể
ISO (International Organization for Standardization): Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế
IT (Information Technology): Công nghệ thông tin

• m

M&A (Mergers & Acquisitions): Mua lại & Sáp nhập

• n

NFC (Not From Concentrate): Không cô đặc
NN & PTNT: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

• q

QLDN: Quản lý doanh nghiệp
QTRR: Quản trị rủi ro

• r

R&D (Research & Development): Nghiên cứu và Phát triển
ROA (Return on total Assets): Tỷ số lợi nhuận ròng trên tổng Tài sản
ROE (Return on Equity): Tỷ số lợi nhuận ròng trên Vốn chủ sở hữu

• s

SGF (Safe – Global - Fair): Tổ chức kiểm tra và đánh giá chất lượng thực phẩm
SKU (Stock Keeping Unit): Mã hàng hóa
SRM (Supplier Relationship Management): Quản lý quan hệ Nhà cung cấp

• u

UBKT: Ủy ban kiểm toán

• w

WBG (World Bank Group) Nhóm Ngân hàng thế giới

Tầm nhìn

Là tập đoàn tiên phong phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp số hoá, xanh và bền vững.

Sứ mệnh

Cung cấp các sản phẩm nông nghiệp tự nhiên và an toàn cho người tiêu dùng trên toàn thế giới và mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người, đặc biệt là nông dân.



Giá trị văn hóa

Chính trực

Chúng tôi tuân thủ kỷ luật, nội quy, các quy trình và chính sách của tập đoàn; Cam kết hoàn thành công việc một cách tốt nhất, đảm bảo sự nhất quán, hiệu quả, công bằng trong công ty.

Kiến thức

Chúng tôi đề cao tinh thần dám nghĩ dám làm, khuyến khích và ghi nhận tinh thần học hỏi, chia sẻ, đúc kết kinh nghiệm, tư duy đổi mới và sáng tạo để hướng tới khát vọng nâng tầm tổ chức.

Cam kết

Chúng tôi cam kết nỗ lực hết mình để đạt được thành công, luôn gắn bó với tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu của Nafoods Group; Nâng cao năng lực đội ngũ, dịch vụ chăm sóc khách hàng; Đem lại chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt nhất và cuộc sống tốt đẹp cho công ty, cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và bà con nông dân.

Phát triển

Chúng tôi tập hợp và phát triển đội ngũ nhân sự có đủ tâm - trí - tài, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách phúc lợi, cơ chế đãi ngộ và đảm bảo cơ hội phát triển công bằng, góp phần phát triển công ty theo hướng phát triển chuỗi nông nghiệp xanh, bền vững.

Chất lượng

Chúng tôi cung cấp sản phẩm và chịu trách nhiệm với sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn chất lượng cam kết; Chủ động nghiên cứu và cải tiến sản phẩm, phát triển sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu của thị trường và khách hàng (nội bộ và bên ngoài).

Hiệu quả

Chúng tôi làm việc với 100% năng lực của mình, luôn hướng đến kết quả, không bỏ cuộc cho đến khi đạt được kết quả tốt nhất cho khối / phòng ban và công ty. Áp dụng tư duy khác biệt và làm chủ, tiếp cận vấn đề với tinh thần và thái độ sẵn sàng chinh phục mục tiêu thách thức; sẵn sàng thích ứng và thay đổi.



“

ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, VIỆC ĐẦU TIÊN VÀ QUAN TRỌNG NHẤT LÀ THIẾT LẬP MỘT HỆ THỐNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP MẠNH MẼ, TRÁCH NHIỆM, CÔNG BẰNG VÀ MINH BẠCH; BẰNG CÁCH ÁP DỤNG CÁC THÔNG LỆ TỐT NHẤT, NHƯNG VẪN ĐẢM BẢO PHÙ HỢP VỚI QUY MÔ VÀ BỐI CẢNH CỦA TẬP ĐOÀN.

”

Thông điệp của CEO

Kính gửi Quý cổ đông!

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm, lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt. Bên cạnh đó, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine tiếp tục diễn biến phức tạp hơn. Bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng. Điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam nói chung và Nafoods nói riêng.

Trong bối cảnh đó, với tâm thế dám **“Vượt nguy, tận cơ, bắt nhịp xu thế”** và tinh thần **“Kết sức mạnh, nổi thành công”**, chúng tôi đã tập trung, dồn trọng tâm cho việc thiết lập, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị tiên tiến. Bằng cách áp dụng các thông lệ tốt nhất để thiết lập hệ thống quy trình và quản trị doanh nghiệp phù hợp với đặc thù của bối cảnh của Tập đoàn, bao gồm: (1) Thiết lập cơ cấu tổ chức linh hoạt và hiệu quả, kèm theo quy trình phối hợp và phân quyền rõ ràng; (2) Đầu tư vào quản lý nhân sự, đào tạo, tuyển dụng gắn với xây dựng văn hóa và giá trị cốt lõi, đánh giá hiệu quả thông qua cơ chế KPI minh bạch, rõ ràng; và (3) Thiết lập và duy trì các chính sách, quy trình, cơ sở hạ tầng, và quản lý ngân sách hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này chính là động lực chính đem lại cho chúng tôi những kết quả kinh doanh tích cực.

Cụ thể, dù chịu ảnh hưởng từ xung đột Nga – Ukraine khiến doanh số mảng kinh doanh sấy xuất khẩu sụt giảm mạnh, doanh thu thuần năm 2023 của Công ty vẫn duy trì ở mức 1.733,3 tỷ đồng, tương đương năm trước nhờ vẫn tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng và khẳng định vị thế, uy tín thương hiệu của ngành kinh doanh các sản phẩm nước ép và rau củ quả đông lạnh (kinh doanh công nghiệp). Bên cạnh đó, trong năm, chúng tôi cũng đã đặt những nền móng đầu tiên cho chiến lược tái định vị thương hiệu Nafoods tại thị trường nội địa với việc ra mắt thành công 24 dòng sản phẩm tiêu dùng mới, chủ lực là trái cây sấy và các loại hạt dinh dưỡng, với mẫu mã bao bì đa dạng và bắt mắt, mở ra các cơ hội tăng trưởng mới trong tương lai.

Hiệu quả lợi nhuận cũng được cải thiện mạnh nhờ việc quản trị rủi ro chuỗi cung ứng tốt hơn, từ đầu ra đến đầu

vào, quản trị tài chính, nguồn vốn hiệu quả, giúp tiết giảm chi phí, tận dụng được các cơ hội tốt từ thị trường.

Kết quả, lợi nhuận gộp của Công ty đạt 469,7 tỷ đồng, tăng 25,0% so với năm trước. Biên lãi gộp đạt 27,1%, tăng 5,8 điểm % so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 109,9 tỷ đồng, tăng 37,4% so với cùng kỳ, vượt 3,7% kế hoạch ĐHCĐ giao phó. Đây cũng là năm đầu tiên đánh dấu cột mốc lợi nhuận sau thuế của Nafoods vượt ngưỡng 100 tỷ đồng kể từ khi thành lập.

Bước sang năm 2024, môi trường kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ vẫn còn nhiều khó khăn, diễn biến khó lường. Tăng trưởng thương mại toàn cầu tiếp tục xu hướng thấp, chịu ảnh hưởng từ cạnh tranh địa chính trị diễn biến căng thẳng, khó lường. Áp lực từ giá dầu thô, lương thực biến động mạnh, tăng lãi suất kéo dài ở nhiều quốc gia... Điều này dự kiến tiếp tục mang đến những rủi ro, thách thức cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam nói chung và Nafoods nói riêng.

Tuy nhiên, với nền tảng hệ thống quản trị đã thiết lập được trong năm 2023, cùng thông điệp **“Nâng cao kiến thức, vận hành hiệu quả, tăng tốc độ xử lý công việc”**, và sự đoàn kết, đồng lòng của tập thể Ban lãnh đạo, CBCNV toàn Tập đoàn; chúng tôi tin rằng, hiệu quả vận hành sẽ tiếp tục được cải thiện, giúp chúng tôi đạt được mục tiêu doanh thu 2.200 tỷ (+26,9%), và lợi nhuận sau thuế 129 tỷ (+17,3%) mà HĐQT và ĐHCĐ đã giao phó.

Thay mặt Ban lãnh đạo, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự đồng hành, ủng hộ, hợp tác trên mọi phương diện của Quý cơ quan, ban ngành, công ty, đối tác, cổ đông và bà con nông dân trong suốt thời gian qua. Xin gửi lời tri ân chân thành đến toàn thể đội ngũ cán bộ, nhân viên đã luôn nỗ lực, kề vai sát cánh cùng chúng tôi vượt qua mọi thử thách để chinh phục mục tiêu. Chúng tôi hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự đồng hành của Quý vị trên chặng đường mới, để chúng ta cùng gặt hái và chia sẻ những “quả ngọt” trong tương lai.

Phó CT HĐQT/ Tổng giám đốc



NGUYỄN MẠNH HÙNG

01

Tổng quan về Nafoods Group

- 12** Thông tin khái quát
- 14** Lịch sử hình thành và phát triển
- 16** Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 36** Vị thế & Giải thưởng
- 38** Các chỉ tiêu tài chính 2019 – 2023
- 40** Tổ chức và nhân sự
- 56** Thông tin cổ phần & Cơ cấu cổ đông
- 60** Định hướng chiến lược 2023 – 2028





Tổng quan về Nafoods Group

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP
Tên tiếng Anh	NAFOODS GROUP JOINT STOCK COMPANY
Mã chứng khoán	NAF
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	2900326375
Vốn điều lệ	629.230.850.000 đồng (tại ngày 31/12/2023)
Vốn chủ sở hữu	987.962.227.446 đồng (tại ngày 31/12/2023)



Trụ sở chính	Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
Văn phòng đại diện	196A Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM, Việt Nam.
Số điện thoại	02837 447 666
Ngày thành lập	26/08/1995
Website	www.nafoods.com

Lịch sử hình thành & phát triển

Lịch sử hình thành & phát triển



1995

(01)

Công ty TNHH Thành Vinh - tiền thân của Nafoods Group JSC được thành lập, chuyên sản xuất và phân phối đồ uống, nước giải khát.



2000

(02)

Công ty CP thực phẩm Nghệ An được thành lập với ngành nghề sản xuất, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp



2003

(03)

Khánh thành nhà máy chế biến rau quả đầu tiên giai đoạn 1 tại xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Hệ thống dây chuyền máy móc đạt chuẩn Châu Âu với dây chuyền sản xuất nước ép trái cây.



2009

(04)

Nghiên cứu và phát triển thành công các dòng sản phẩm mới liên quan đến chanh leo.



2013

(05)

Khánh thành nhà máy chế biến rau quả giai đoạn 2 với dây chuyền IQF, đa dạng sản phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu.



2014

(06)

Viện giống chanh leo công nghệ cao chính thức đi vào hoạt động, chủ động cung ứng giống cho vùng nguyên liệu do công ty sở hữu và các vùng liên kết, trọn vẹn chuỗi giá trị khép kín mà doanh nghiệp theo đuổi.



2015

(07)

Cổ phiếu Nafoods Group (Mã CK: NAF) được niêm yết và giao dịch thành công trên sàn HOSE.



2017

(08)

Xuất khẩu thành công những lô hàng chanh leo đầu tiên sang Châu Âu, đánh dấu bước ngoặt cho sản phẩm quả tươi. Đạt Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam.



2018

(09)

Khánh thành nhà máy chế biến rau quả thứ 2 của Nafoods - nhà máy Nasoco tại tỉnh Long An gồm 2 hệ thống thiết bị, máy móc công nghệ Châu Âu cho sản phẩm nước ép và IQF.



2019

(10)

Hợp tác đầu tư thành công với IFC - thành viên ngân hàng thế giới với khoản đầu tư 8 triệu USD và gần 500.000 USD vốn đầu tư vào cổ phiếu phổ thông của Endurance Capital Vietnam Limited.



2020

(11)

Hợp tác đầu tư thành công với Quỹ Finnfund với khoản đầu tư 5 triệu USD để đầu tư vào hệ thống dây chuyền sản xuất các sản phẩm tại nhà máy Nasoco, Long An.



2021

(12)

Hoàn tất chuyển đổi sổ giai đoạn 1 toàn tập đoàn. Top 100 giải thưởng Sao Vàng Đất Việt.



2022

(13)

Triển khai phát triển và mở rộng diện tích vùng trồng, kết thúc giai đoạn 1 chuyển đổi sổ.



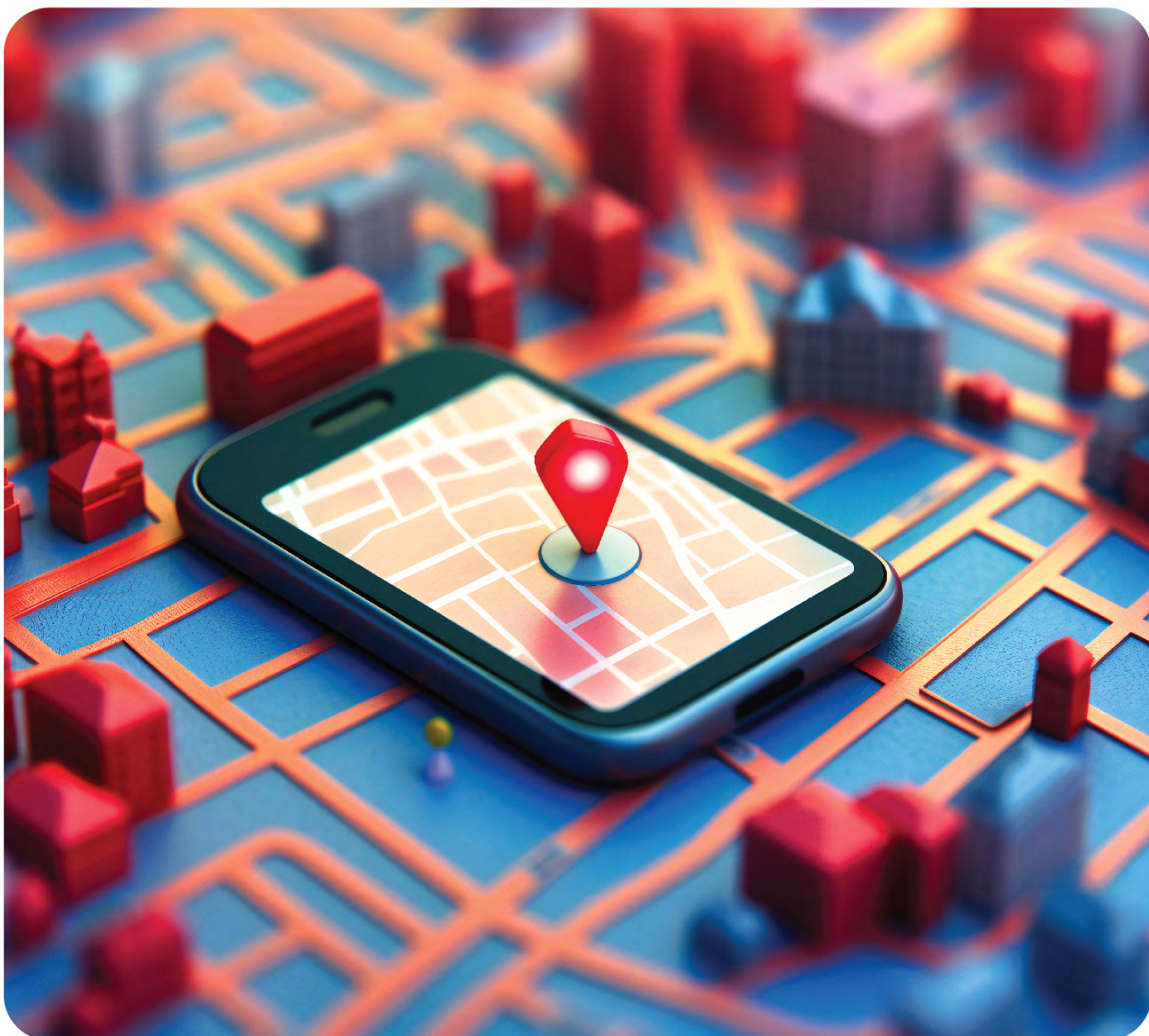
2023

(14)

Đưa vào vận hành dự án tổ hợp sản xuất khu liên hợp nông nghiệp CNC Nafoods Tây Nguyên. Tái định vị thương hiệu Nafoods tại thị trường nội địa với việc tung ra 24 SKUs sản phẩm kinh doanh tiêu dùng mới.

Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh



Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại nước ép trái cây; sản phẩm rau củ quả đông lạnh; Trái cây sấy dẻo; Trái cây tươi; và sản xuất kinh doanh Giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

Chi tiết ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

MÃ NGÀNH	NGÀNH NGHỀ ĐÃ ĐĂNG KÝ
4632 (Chính)	Bán buôn thực phẩm (ngoại trừ các hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công thương)
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (ngoại trừ các hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công thương)
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi (ngoại trừ: xây dựng, vận hành nhà máy thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)
0149	Chăn nuôi khác Chi tiết: Chăn nuôi bò sữa và các gia súc khác
4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Kinh doanh siêu thị (ngoại trừ các hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công thương)
4690	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Mua bán giống cây trồng, vật nuôi
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (ngoại trừ các hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công thương)
2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (ngoại trừ sản xuất phân bón NPK, các dịch vụ liên quan tới sản xuất khí ga công nghiệp như ô-xi, nitơ CO2 (rắn hay lỏng); các dịch vụ liên quan tới sản xuất sô-đa ăn mòn NaOH (lỏng))
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chế phẩm sinh học
6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (ngoại trừ kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng)
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
0150	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (ngoại trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật hay cây trồng này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (ngoại trừ các hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công thương)
1040	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật
1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng

Sản phẩm chính

Các sản phẩm chính của Tập đoàn bao gồm các sản phẩm Nước ép trái cây cô đặc, nước ép trái cây puree/NFC, rau củ quả đông lạnh IQF, trái cây sấy dẻo, các loại hạt và cây giống chanh dây.

NƯỚC ÉP CÔ ĐẶC

Các sản phẩm nước ép cô đặc chính của công ty bao gồm: chanh dây, quýt (tắc), thanh long đỏ, sơ ri, vải, chanh chua...



NƯỚC ÉP CÔ ĐẶC CHANH DÂY



NƯỚC ÉP CÔ VẢI



NƯỚC ÉP CÔ ĐẶC DỨA



NƯỚC ÉP CÔ ĐẶC THANH LONG



NƯỚC ÉP CÔ ĐẶC QUÍT



NƯỚC ÉP CÔ ĐẶC XOÀI



NƯỚC ÉP CÔ ĐẶC SƠ RI



NƯỚC ÉP CÔ ĐẶC CHANH CHUA



NƯỚC ÉP CÔ ĐẶC

Đóng gói công nghiệp



20kg túi PE
Thùng nhựa



20kg túi PE /
Thùng carton



230 - 250kg ủ đông,
vô trùng

ĐÓNG GÓI HÀNG HOẠT / OEM



PUREE / NFC

Các sản phẩm nước ép Puree chính của Công ty bao gồm chanh dây, măng cầu xiêm, quất, vải, thanh long, xoài, dưa, dưa hấu...



PUREE CHANH DÂY



PUREE CHANH DÂY
CÓ HẠT



PUREE THANH LONG ĐỎ
CÓ HẠT



PUREE XOÀI



PUREE DỪA



PUREE QUẤT



PUREE SƠ RI



PUREE VẢI



PUREE MĂNG CẦU

PUREE / NFC

Đóng gói công nghiệp



18kg túi PE
Thùng nhựa



20kg túi PE /
Thùng carton



180 - 190kg ủ đông,
vô trùng

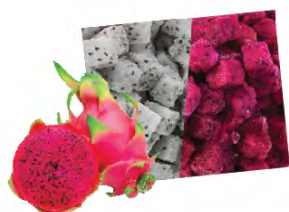
ĐÓNG GÓI HÀNG HOẠT / OEM



TRÁI CÂY ĐÔNG LẠNH IQF

Nafoods cung cấp trái cây IQF cho một số công ty, siêu thị và người tiêu dùng lớn nhất thế giới ở châu Âu, Nhật Bản và Mỹ. Chúng tôi cung cấp các loại trái cây IQF chất lượng không có bất kỳ sự pha trộn nào với giá cả cạnh tranh.

Các sản phẩm IQF chính của Công ty bao gồm: thanh long đỏ, xoài, chuối, dứa, chanh dây, dưa, cà rốt...



IQF THANH LONG



IQF XOÀI



IQF CHANH DÂY



IQF DỨA



IQF CHUỐI



IQF DỨA



IQF DỨA HẤU



IQF SẦU RIÊNG



IQF VẢI

TRÁI CÂY ĐÔNG LẠNH IQF

Đóng gói công nghiệp



300g - 500g
Túi zip



10kg / 20kg túi PE
Thùng carton

ĐÓNG GÓI LẺ / ĐÓNG GÓI HÀNG LOẠT / OEM



TRÁI CÂY SẤY

Với kinh nghiệm xuất khẩu nông sản trong hơn 28 năm, chúng tôi có thể đáp ứng tất cả các thị trường lớn trên thế giới với chất lượng cao. Sản phẩm trái cây sấy của Nafoods có nguồn gốc rõ ràng và được chế biến theo tiêu chuẩn quốc tế nghiêm ngặt như Kosher, ISO, Halal. Tập đoàn Nafoods tự hào cung cấp các sản phẩm sấy dẻo với chất lượng cao đến từ các vùng trồng trên khắp cả nước.



CHANH DÂY SẤY DẸO
Túi 100g / Túi 500g



DỨA SẤY DẸO
Túi 100g / Túi 500g



MĂNG CẦU SẤY DẸO
Túi 100g / Túi 500g



THANH LONG SẤY DẸO
Túi 100g / Túi 500g



XOÀI SẤY DẸO
Túi 100g / Túi 500g



ĐU ĐỦ SẤY DẸO
Túi 100g / Túi 500g



XOÀI SẤY DẸO
Túi 100g / Túi 500g



THANH LONG ĐỎ SẤY DẸO
Túi 100g / Túi 500g



XOÀI SẤY DẸO
Hũ 186g



CHANH DÂY SẤY DẸO
Hũ 186g



DỨA SẤY DẸO
Hũ 186g



XOÀI SẤY DẸO
Hũ 186g

TRÁI CÂY SẤY NAFOODS

Đóng gói công nghiệp



100g / 200g / 500g / 1kg
Túi zip



150g / 250g / 500g
Hũ nhựa



5kg / 10kg túi PE
Thùng carton

ĐÓNG GÓI HÀNG HOẠT / OEM



HẠT ĐIỀU NAFOODS

Được chế biến từ nguồn nguyên liệu hạt điều Bình Phước cao cấp, có độ giòn vượt trội, chắc hạt và giá trị dinh dưỡng cao. Quy trình sản xuất đồng bộ và kiểm soát chặt chẽ, không sử dụng dầu khi chế biến giúp hạt điều giữ trọn hương vị thơm ngon, an toàn cho sức khỏe.



HẠT ĐIỀU
Tomyum - Túi 30g



HẠT ĐIỀU
Rang muối - Túi 30g



HẠT ĐIỀU
Rang mộc - Túi 30g



HẠT ĐIỀU
Bơ tỏi - Túi 30g



HẠT ĐIỀU
Trà xanh - Túi 30g



HẠT ĐIỀU
Phô mai - Túi 30g



HẠT ĐIỀU NAFOODS
Hộp 180g gồm 6 túi 30g



CÂY GIỐNG CHANH DÂY

Nafoods là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam chọn tạo thành công giống chanh dây bằng phương pháp lai hữu tính và đã được Bộ NN-PTNT cấp bằng bảo hộ độc quyền. Hiện tại, công ty cung ứng ra thị trường 4 loại giống chanh dây, mỗi loại giống có những đặc tính ưu việt, nổi trội riêng, phù hợp với điều kiện và mục đích canh tác đa dạng.



GIỐNG CHANH DÂY
ĐÀI NÔNG 1



GIỐNG CHANH DÂY
TẠI NON ONE



GIỐNG CHANH DÂY
NAFOODS 1



GIỐNG CHANH DÂY
QUẾ PHONG 1

GIỐNG CHANH DÂY NAFOODS CHẤT LƯỢNG CAO



Chuỗi giá trị

Nafoods Group tự hào về việc hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín cho sản phẩm chanh leo. Bắt đầu từ Nghiên cứu & phát triển các loại cây giống chanh leo & các chế phẩm sinh học hỗ trợ canh tác; đến Sản xuất & kinh doanh cây giống và các vật tư nguyên liệu đầu vào; Cung cấp giống, vật tư nông nghiệp đầu vào và tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật canh tác cho người nông dân để đảm bảo năng suất và chất lượng tốt nhất; Thu mua sản lượng quả sau thu hoạch từ người nông dân với giá cả cạnh tranh; Đưa nguyên liệu quả về chế biến các sản phẩm tại các nhà máy; và Phân phối sản phẩm đến tay khách hàng.

Với chuỗi giá trị khép kín này, chúng tôi có thể quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn khắt khe nhất, đảm bảo truy xuất nguồn gốc rõ ràng, đáp ứng yêu cầu ngày một cao của khách hàng và đảm bảo thu nhập ổn định cho người nông dân. Trong tương lai, Nafoods sẽ tiếp tục mở rộng chuỗi giá trị cho các loại quả khác như thanh long, xoài, dưa, đu đủ, sầu riêng...



Chuỗi giá trị Nafoods Group



VIỆN NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

Viện Nghiên cứu & Phát triển nông nghiệp của chúng tôi được thành lập với sự tham gia của các giáo sư, chuyên gia hàng đầu lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam, đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu và phát triển các loại cây giống mới có năng suất, chất lượng cao; đồng thời cung cấp dịch vụ đào tạo, tư vấn kỹ thuật canh tác tiên tiến để phục vụ chuỗi giá trị sản xuất bền vững, gia tăng giá trị và thân thiện với môi trường.

Hiện tại, Viện Nghiên cứu & Phát triển nông nghiệp Nafoods đã nghiên cứu ra 06 loại cây giống chanh leo được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn cấp bằng bảo hộ, trong đó có 02 giống được cấp phép lưu hành (Nafoods 1 và Quế Phong 1). Bên cạnh đó, Viện còn nghiên cứu các loại giống cây khác như Dứa, Đu đủ, Bơ... và nghiên cứu phát triển các loại chế phẩm sinh học hỗ trợ cho việc canh tác, trồng trọt, đảm bảo năng suất và chất lượng cây trồng.

CUNG ỨNG CÂY NÔNG NGHIỆP

Cung ứng Cây giống, vật tư là một trong những nhà sản xuất hàng đầu nhất Châu Á, với 02 viện giống cây trồng và Tổ hợp khu nông nghiệp công nghệ cao với công suất 12 triệu cây giống chanh leo của chúng tôi hiện nay đang được phân phối, được thị trường đánh giá cao về năng suất, năng kháng virus, chống chịu bệnh.

Trong tương lai, chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư thêm các giống cây tiềm năng, mở rộng hợp tác với các nhà nông nghiệp an toàn, thân thiện với môi trường để cung cấp cho người nông dân bộ sản phẩm hoàn chỉnh, giúp nâng cao năng suất và thu nhập của nông dân.



THU MUA

Trong chuỗi giá trị của Tập đoàn, hoạt động thu mua đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn nguyên liệu chất lượng và bền vững cho sản xuất. Ngoài việc thu mua từ các nhà cung cấp trong vùng trồng, chúng tôi đã xây dựng và phát triển một hệ thống nhà cung cấp đa dạng và chất lượng, bao gồm các đối tác được lựa chọn kỹ lưỡng.

Mỗi đối tác đều phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc và các yêu cầu khắt khe khác của thị trường và khách hàng. Chúng tôi đề cao việc cùng hợp tác phát triển, chia sẻ tầm nhìn và sứ mệnh, tạo ra một môi trường làm việc tích cực và lâu dài cho cả hai bên. Điều này không chỉ giúp tăng cường quyền lợi kinh doanh mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của toàn bộ chuỗi cung ứng.

SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN

Hiện tại, hệ thống nhà máy sản xuất của chúng tôi bao gồm 04 nhà máy, với tổng công suất sản xuất đạt 18.800 tấn nước ép chanh leo/năm, 18.800 tấn rau củ quả đông lạnh IQF/năm, cùng 02 cơ sở đóng gói và 5.000 m2 hệ thống nhà kho lạnh bảo quản đi kèm. Các nhà máy này đã được đầu tư bài bản với hệ thống thiết bị, công nghệ hiện đại, nhập khẩu từ nước ngoài, thống quy trình sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe nhất trong lĩnh vực sản xuất thực phẩm. Các chứng chỉ AIJN, Halal, Kosher, BRC, SIF, ISO 22000, và tối ưu chi phí vận chuyển và logistics. Các nhà máy này của chúng tôi nằm ở vùng nguyên liệu trái cây trải dài từ Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên đến

GIỐNG, VẬT TƯ

Nông nghiệp: Hiện tại chúng tôi xuất cây giống chanh leo lớn ở Quế Phong – Nghệ An và nông nghiệp cao Tây Nguyên, tổng mỗi năm. Sản phẩm cây giống đang giữ vị thế đứng đầu về thị giá cao nhờ năng suất và khả năng chống bệnh.

Mở rộng sản xuất kinh doanh khác, bao gồm giống Dứa, Đu đủ, phân phối các sản phẩm vật tư nông nghiệp... nhằm cung cấp sản phẩm và gói tư vấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu nhập cho người

PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ VÙNG TRỒNG

Với mục tiêu ổn định nguồn cung nguyên liệu đầu vào (trái cây) về các nhà máy sản xuất trong hệ thống, đảm bảo số lượng và chất lượng đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu, đảm bảo truy suất được nguồn gốc; đồng thời giúp người nông dân nâng cao hiệu quả đầu tư, ổn định thu nhập, năm 2023 chúng tôi đã phát triển hơn 2.500 ha diện tích vùng trồng (2.500 ha chanh leo và 150 ha thanh long đỏ). Các hộ nông dân thông qua các Hợp tác xã/Tổ hợp tác sẽ ký hợp đồng quản lý và phát triển vùng trồng với chúng tôi, theo đó, sẽ được chúng tôi cung cấp cây giống chất lượng với giá cả hợp lý; được đội ngũ cán bộ phát triển vùng trồng của chúng tôi hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật canh tác hiệu quả, đảm bảo năng suất & chất lượng; được chúng tôi cam kết thu mua sản lượng với giá cả cạnh tranh.

Mục tiêu đến năm 2028, chúng tôi sẽ phát triển lên tới 30.000 ha diện tích vùng trồng, với các loại quả chủ lực bao gồm Chanh leo, Thanh long, Xoài, Dứa, Sầu riêng...



CHẾ BIẾN:

Sản xuất của chúng tôi bao gồm năng suất 7.800 tấn nước ép cô đặc Puree, NFC/năm, 12.000 tấn nước ép/năm, 850 tấn trái cây sấy khô gói được cấp mã số đăng ký GMP và nguyên liệu, kho thành phẩm, các nhà máy của chúng tôi đều được dây chuyền, máy móc thiết kế nhập khẩu từ Đức, Italia; cùng hệ thống hầu hết các tiêu chuẩn khắt khe xuất và chế biến trái cây như HACCP, ISO 22000:2005,... Nhằm đảm bảo chất lượng nguyên liệu, chúng tôi cũng được đặt cạnh các nhà máy dài khắp cả nước, từ Tây Bắc, đến Đông Nam Bộ.

BÁN HÀNG, PHÂN PHỐI

Ở thị trường xuất khẩu, sản phẩm của chúng tôi đã có mặt trên khắp 5 châu lục và được phân phối đến hơn 70 quốc gia, với tệp khách hàng truyền thống chất lượng, trong đó có 70% doanh số bán hàng trực tiếp. Trong khi đó, ở thị trường nội địa, các sản phẩm kinh doanh tiêu dùng của chúng tôi đã được phân phối vào hơn 120 điểm bán trên toàn quốc qua các chuỗi siêu thị, trung tâm thương mại, hệ thống các cửa hàng tiện lợi, các trạm dừng chân, sân bay. Đối với sản phẩm cây giống chanh leo, chúng tôi cũng đã thiết lập hơn 100 điểm chuyển giao công nghệ và đại lý trên toàn quốc, nâng cao hiệu quả trong việc phân phối sản phẩm.

Hệ thống nhà máy



NHÀ MÁY NAFOODS TÂY BẮC | MỘC CHÂU - SƠN LA

Diện tích: 4ha

Sản phẩm: dịch chanh dây có hạt



VIỆN GIỐNG QUẾ PHONG | QUẾ PHONG - NGHỆ AN

Diện tích: 6ha

Sản phẩm: cây giống chanh dây



NHÀ MÁY NASOCO (NAFOODS MIỀN NAM) | ĐỨC HÒA - LONG AN

Diện tích: 6,5 ha

Sản phẩm: nước ép puree, rau củ quả đông lạnh IQF, trái cây sấy dẻo

Tiêu thụ: 42.000 tấn nguyên liệu đầu vào/năm





NHÀ MÁY THỰC PHẨM NGHỆ AN (NAPROD) | QUỲNH LƯU – NGHỆ AN

Diện tích: 5ha

Sản phẩm: nước ép cô đặc, rau củ quả đông lạnh IQF, trái cây sấy dẻo

Tiêu thụ: **35.000 tấn** nguyên liệu đầu vào (trái cây)/năm



TỔ HỢP NÔNG NGHIỆP CNC TÂY NGUYÊN | PLEIKU – GIA LAI

Bao gồm:

- + Trung tâm nghiên cứu giống cây trồng CNC
- + Nhà máy phân loại, tách, đóng gói và bảo quản trái cây xuất khẩu
- + Khu nông nghiệp công nghệ cao

Diện tích: 10ha

Sản phẩm: cây giống chanh dây, nước ép chanh dây

Tiêu thụ: **65.000 tấn** nguyên liệu đầu vào/năm

Chứng chỉ của các nhà máy



Thị trường

80% - 90% doanh số của Tập đoàn đến từ các thị trường xuất khẩu. Các sản phẩm nước ép trái cây, rau củ quả đông lạnh IQF, trái cây sấy dẻo của chúng tôi đã chinh phục hơn 70 thị trường các quốc gia trên khắp 5 châu lục, trong đó có các thị trường khó tính như Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Đông, Úc...

Tại thị trường nội địa, ngoài việc cung cấp cây giống, chúng tôi đang tiếp cận thị trường với các sản phẩm kinh doanh tiêu dùng như trái cây sấy, các loại hạt, nước ép Juice Smile...



BẢN ĐỒ X



KUẤT KHẨU 2023



Vị thế



Ngành giống chanh leo
với quy mô và thị phần
lớn nhất toàn ngành



Doanh nghiệp xuất khẩu
các sản phẩm chanh leo
công nghiệp về sản lượng



Doanh nghiệp sản xuất,
chế biến trái cây và
rau củ quả xuất khẩu



Tiên phong trong việc
số hóa chuỗi giá trị
nông nghiệp, truy xuất
nguồn gốc vùng trồng

Giải thưởng



Bảng khen thành tích
xuất sắc chuyên đề
của bộ NN & PTNT



Bảng khen đã có
thành tích xuất sắc trong
công tác xuất khẩu năm
2023 của tỉnh Nghệ An



Top 5 doanh nghiệp
quản trị công ty
tốt nhất 2023



Top 7 doanh nghiệp
xuất khẩu uy tín
do Bộ Công Thương
bình chọn



Top 50 doanh nghiệp
tăng trưởng nhanh nhất
Việt Nam 2023



Top 500 doanh nghiệp
lợi nhuận tốt nhất
Việt Nam 2023



Top 500 nhà Tuyển
dụng hàng đầu Việt Nam

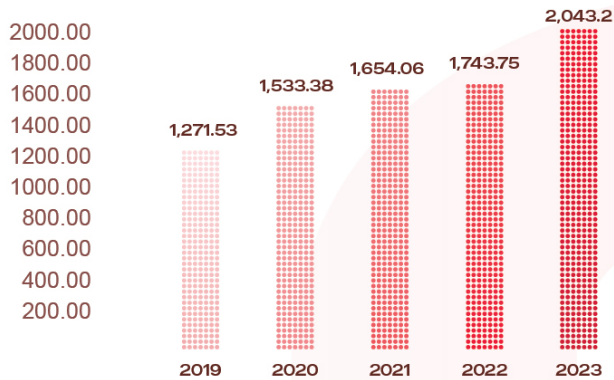


Thương hiệu vàng nông
nghiệp Việt Nam 2023

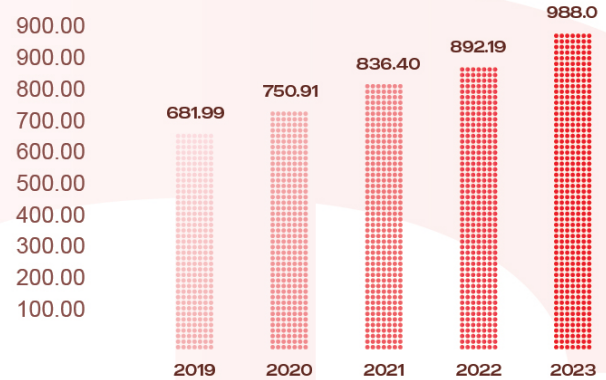


Chỉ số tài chính

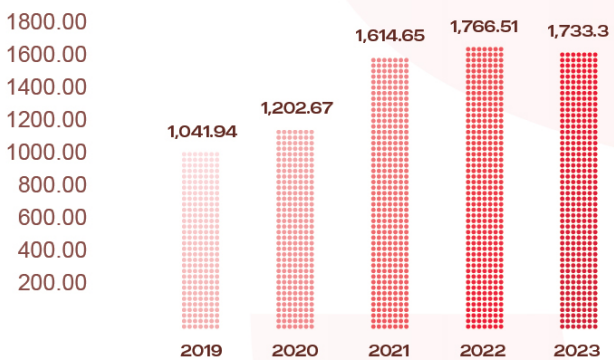
CHỈ TIÊU	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.271,5	1.533,4	1.654,1	1.743,7	2.043,2
- Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	819,5	972,4	1.029,3	1.166,8	1.016,6
- Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	452,0	561,0	624,7	577,0	1.026,6
Nợ phải trả	Tỷ đồng	589,5	782,5	817,7	851,6	1.055,3
- Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	464,6	594,8	700,8	772,3	964,5
- Nợ dài hạn	Tỷ đồng	125,0	187,7	116,8	79,3	90,8
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	682,0	750,9	836,4	892,2	988,0
KẾT QUẢ KINH DOANH						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.041,9	1.202,7	1.614,7	1.766,5	1.733,3
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	233,1	254,9	291,5	375,9	469,7
Chi phí Bán hàng & QLDN	Tỷ đồng	147,9	143,5	182,6	256,4	305,4
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	41,2	53,6	42,2	49,0	75,6
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	52,4	65,1	90,4	92,9	132,4
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	47,9	61,3	77,6	79,8	109,9
EBITDA	Tỷ đồng	115,8	138,9	160,1	163,9	248,9
CƠ CẤU VỐN						
Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,46	0,51	0,49	0,49	0,52
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,86	1,04	0,98	0,95	1,07
Tổng nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,67	0,70	0,68	0,73	0,82
Tổng nợ vay/EBITDA	Lần	3,96	3,78	3,53	3,99	3,25
KHẢ NĂNG THANH TOÁN						
Tỷ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,76	1,63	1,47	1,51	1,05
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	1,45	1,34	1,28	1,31	0,78
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Vòng quay phải thu khách hàng	Lần	3,11	2,63	3,22	3,98	4,63
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	7,02	5,87	8,58	9,57	5,95
Vòng quay phải trả người bán	Lần	7,68	6,62	6,81	8,91	12,25
Vòng quay Tổng tài sản	Lần	0,90	0,86	1,01	1,04	0,92
TỶ SUẤT SINH LỜI						
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	%	4,60%	5,10%	4,81%	4,52%	6,34%
Tỷ suất EBITDA	%	11,11%	11,55%	9,91%	9,28%	14,36%
ROE	%	7,03%	8,17%	9,28%	8,95%	11,13%
ROA	%	3,77%	4,00%	4,69%	4,58%	5,38%



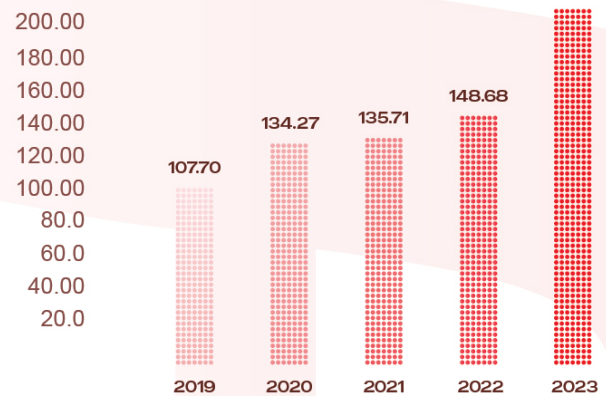
TỔNG TÀI SẢN
(Tỷ đồng)



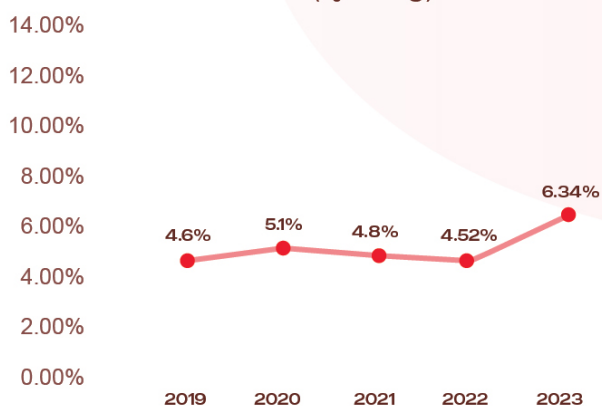
VỐN CHỦ SỞ HỮU
(Tỷ đồng)



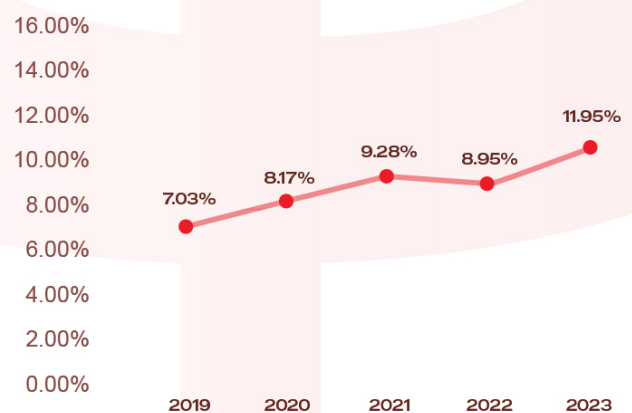
DOANH THU THUẦN
(Tỷ đồng)



EBITDA



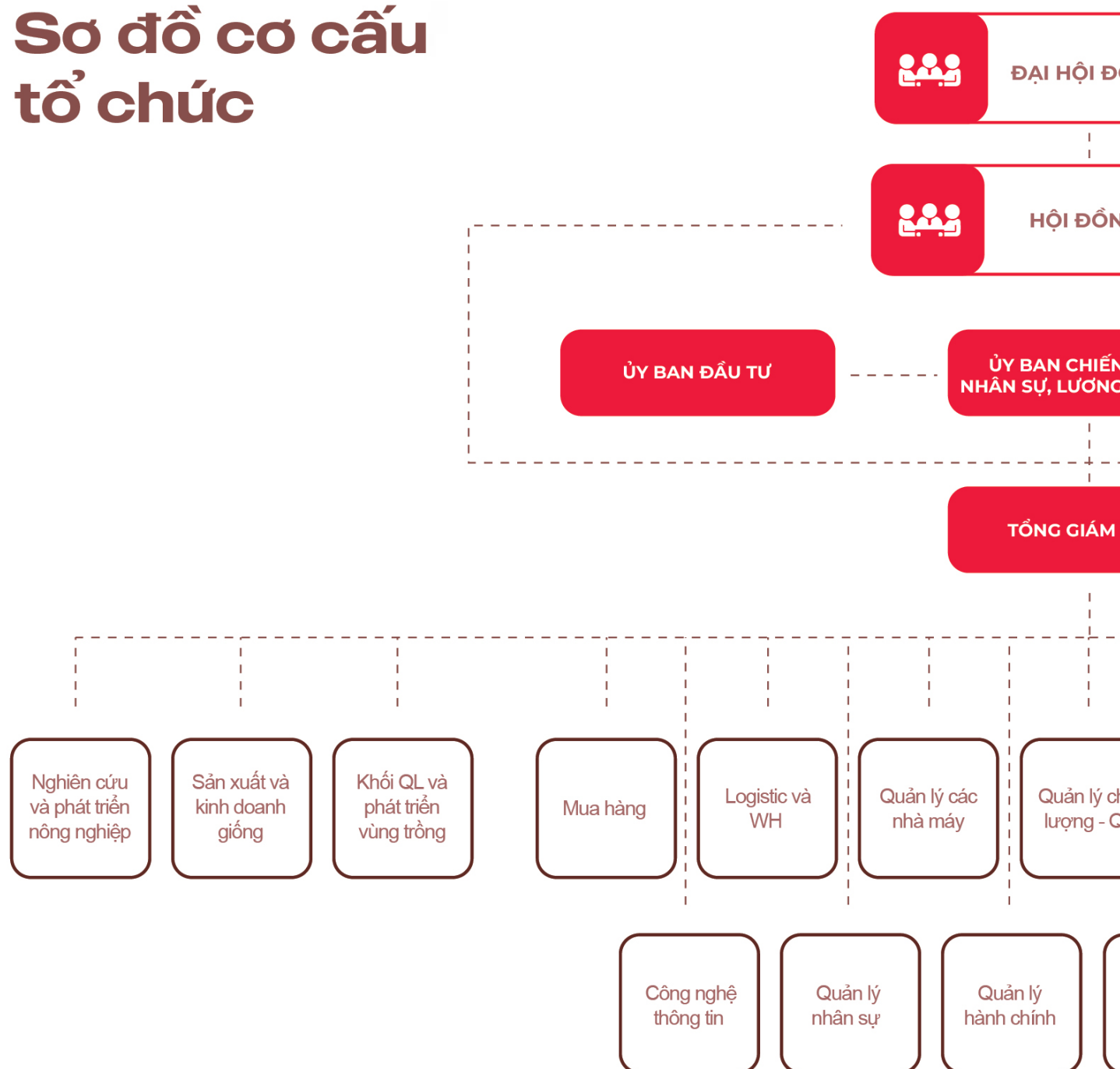
**TỶ SUẤT LỢI NHUẬN
SAU THUẾ (%)**

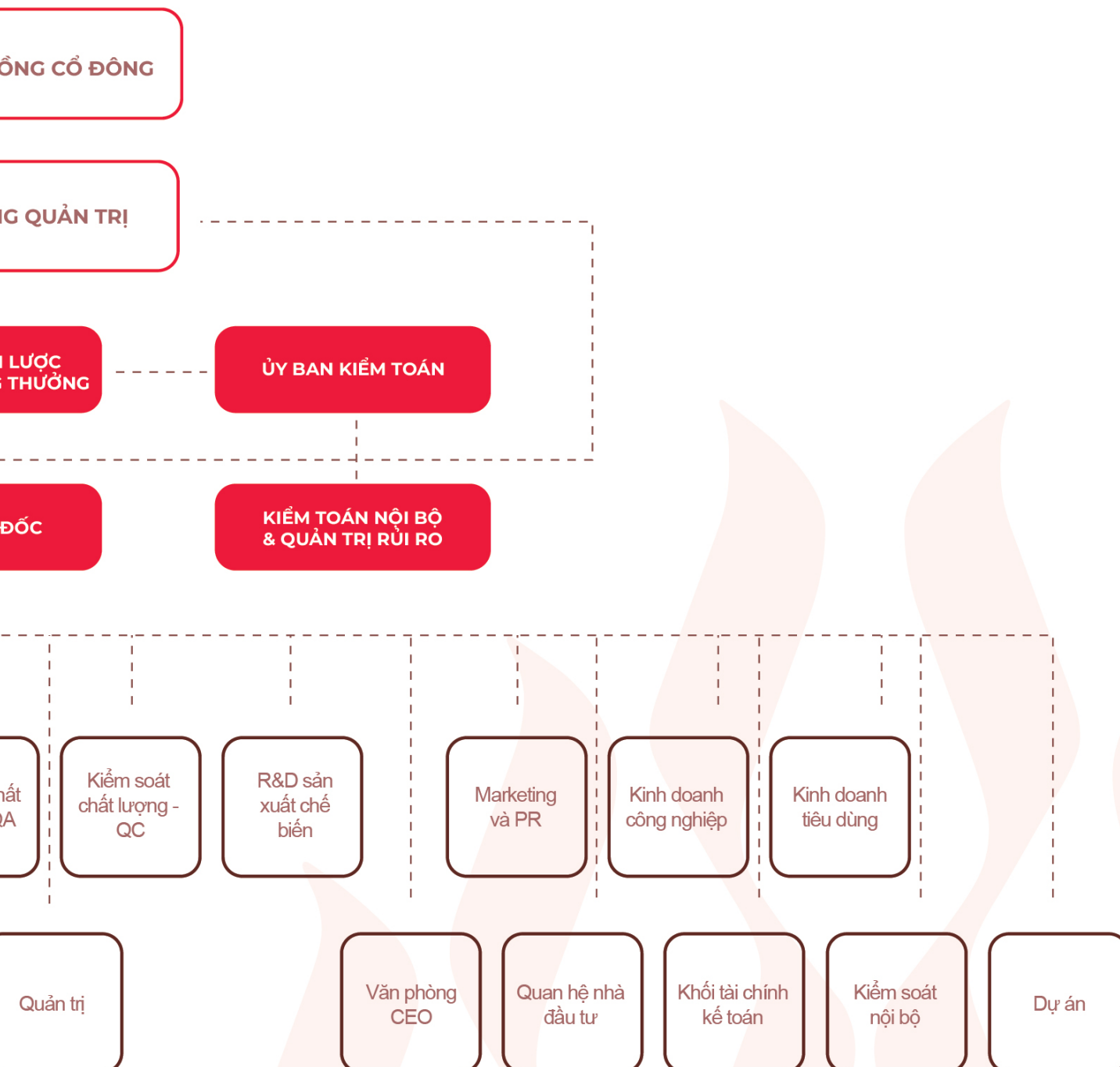


ROE (%)

Tổ chức và nhân sự

Sơ đồ cơ cấu tổ chức





Công ty con và công ty liên kết

Cấu trúc sở hữu tập đoàn



99,8%

CTCP
CHANH LEO
NAFOODS

99,8%

CTCP
NAFOODS
MIỀN NAM

99,86%

CTCP
NAFOODS
TÂY NGUYÊN

99,8%

CT
THỰC PHẨM
NGHỆ AN

Danh sách công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
CTCP Chanh leo NafoodsCTCP Chanh leo Nafoods	47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	Trồng trọt, sản xuất
CTCP Nafoods Miền Nam	Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Long An	Sản xuất, chế biến hoa quả và rau củ
CTCP Nafoods Tây Nguyên	834 Lê Duẩn, Xã Chư Á, Pleiku, Gia Lai	Sản xuất giống cây trồng; Sản xuất các loại nước uống
CTCP Thực phẩm Nghệ An	47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	Sản xuất, chế biến hoa quả và rau củ
CTCP Nafoods Tây Bắc	Tiểu khu 84-85 Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Sơn La	Sản xuất kinh doanh các loại nước ép trái cây
CT TNHH MTV Quốc tế Nafoods	47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	Sản xuất, chế biến hoa quả và rau củ
CTCP Đầu tư - Phát triển Giá trị Gia tăng Nông nghiệp	47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	Sản xuất kinh doanh các loại nước ép trái cây



99%	99,9%	100%	99%
CTCP SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP AN	CTCP NAFOODS TÂY BẮC	CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TẾ NAFOODS	CTCP ĐT - PT GIÁ TRỊ GIA TĂNG NÔNG NGHIỆP

Loại hình doanh nghiệp chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của NFG
Sản xuất giống cây trồng	60 tỷ đồng	99.80%
Biến các sản phẩm nước ép củ quả đông lạnh	170 tỷ đồng	99.80%
Kinh doanh cây trồng; Hoạt động dịch vụ sản xuất kinh doanh và xuất khẩu ép hoa quả	85.86 tỷ đồng	99.86%
Biến các sản phẩm nước ép củ quả đông lạnh	62 tỷ đồng	99.90%
Kinh doanh giống cây trồng và các sản phẩm hoa quả	50 tỷ đồng	99.90%
Biến các sản phẩm nước ép củ quả đông lạnh	60 tỷ đồng	100,00%
Kinh doanh các loại sản phẩm giá	5 tỷ đồng	99.00%

Giới thiệu Hội Đồng

Thành viên HĐQT điều hành

Bà
ĐIỀN THỊ LAN PHƯƠNG

Chủ tịch HĐQT



Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

Kinh nghiệm

Bà có hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán ở vị trí quản lý cao cấp cho các loại hình doanh nghiệp, chủ yếu là các công ty đa quốc gia có mặt tại thị trường Việt Nam, như: KFC Việt Nam, Universal Dầu khí Việt Nam (UP), Puratos Việt Nam, PPG PMC Việt Nam, METRO Cash & Carry Vietnam. Tại những tổ chức này, Bà đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn về quản trị tài chính, quản trị rủi ro, kinh nghiệm xây dựng và quản trị hệ thống quản trị nội bộ hiệu quả, tiên tiến và đã đem áp dụng, triển khai thành công ở những tập đoàn lớn tại Việt Nam trong những năm gần đây, như: Công ty Bán lẻ VINMART, Tập đoàn Lộc Trời, Tập đoàn Tân Hiệp Phát.

Quá trình công tác

2/1998 – 4/2002: Kế toán trưởng KFC Việt Nam
4/2002 – 11/2002: Kế toán trưởng Universal Dầu khí Việt Nam (UP)
1/2002 – 12/2004: Giám đốc tài chính Puratos Việt Nam
12/2004 – 3/2008: Tổng Giám đốc Puratos Việt Nam
5/2008 – 6/2010: Giám đốc tài chính PPG PMC Việt Nam
10/2010 – 11/2014: Trưởng phòng Tài chính, Trưởng phòng Kế toán và Kiểm soát METRO Cash & Carry Vietnam
11/2014 – 1/2016: Giám đốc tài chính Vinmart
6/2016 – 10/2016: Giám đốc tài chính CTCP vàng bạc đá quý Bến Thành (BTJ)
10/2016 – 5/2017: Giám đốc tài chính Tập đoàn Tân Hiệp Phát
7/2018 – 9/2019: Giám đốc tài chính Tập đoàn Lộc Trời
09/2020 – 08/2021: Giám đốc tài chính Tập đoàn Tân Hiệp Phát
09/2021 – 08/2023: Thành viên HĐQT độc lập CTCP NFG
10/2022 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Group

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Ông
NGUYỄN MẠNH HÙNG

Phó chủ tịch HĐQT
Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Kinh nghiệm

Ông là người sáng lập và dẫn dắt thành lập cho đến nay. Trải qua nhiều năm triển, Ông đã định hướng, lãnh đạo và vận hành hoạt động cho toàn hệ thống hoạt động khép kín, đưa thương hiệu Nafoods trở thành thương hiệu quốc tế.

Quá trình công tác

1996 - 1997: Giám đốc Nhà máy chế biến thực phẩm của Nafoods Group)
1998 - 2008: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Nafoods Vinh (tiền thân của Nafoods Group)
2009 - 2014: Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Group
2014 – 5/2020: Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Group
5/2020 – 4/2021: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc CTCP Nafoods Group
4/2021 – 9/2022: Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Group
9/2022 - nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nafoods Group

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT CTCP Chanh Lẻ
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Nafoods
- Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods
- Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods
- Chủ tịch HĐQT CTCP ĐT – PT

Quản Trị

NG



sỹ kinh tế

đặt Nafoods Group từ ngày đầu
gần 30 năm hình thành và phát
tạo và xác định kim chỉ nam hành
ng theo chuỗi giá trị nông nghiệp
foods khẳng định vị thế trên thị

ay nước giải khát Festi (tiền thân

n Giám đốc Công ty TNHH Thành
up)

CP ChoaViet (tiền thân của NFG)

QT kiêm Tổng giám đốc CTCP

HĐQT thường trực kiêm Tổng

T CTCP Nafoods Group

QT CTCP Nafoods Group kiêm
Group

ổ chức khác:

eo Nafoods

Quốc Tế Nafoods

Miền Nam

Tây Nguyên

– GTGT Nông nghiệp

Ông

NGUYỄN PHI BẰNG



Thành viên HĐQT
Giám đốc Tài chính

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính, Anh Quốc | CFA
charterholder

Kinh nghiệm

Với nền tảng kiến thức chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp, Ông có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc ở các vị trí thuộc lĩnh vực tài chính và quản trị trong ngành nông nghiệp.

Quá trình công tác

2013 – 2015: Chuyên viên tài chính – Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời.

2015 – 2018: Phó trưởng ban tài chính – Công ty CP tập đoàn Lộc Trời.

2018 - 6/2022: Trưởng ban tài chính/Phụ trách tài chính - Công ty CP tập đoàn Lộc Trời

2020 – 2022: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty CP Địa ốc An Giang

7/2022 – 12/2023: Giám đốc tài chính – Công ty CP Nafoods Group.

11/2023 – 12/2023: Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Group

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Thành viên HĐQT không điều hành

Ông
JOHAN NYVENE

Thành viên HĐQT độc lập
Chủ tịch Ủy Ban Kiểm Toán



Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

Kinh nghiệm

Ông là người thành lập và lãnh đạo Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán của Ngân hàng HSBC Việt Nam và được coi là một trong những người đi tiên phong tham gia vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn đầu. Ông có hơn 15 năm nắm giữ vị trí lãnh đạo cấp cao tại Công ty Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HSC), một trong những công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam.

Quá trình công tác

1990 - 1998: Tổng Giám đốc CoreStates First Union – Hoa kỳ
1998 - 2007: Giám đốc HSBC Việt Nam
2007 – 2021: Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán TP HCM (HSC)
4/2021 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán TP HCM (HSC)
5/2020 – nay: Thành viên HĐQT độc lập CTCP Nafoods Group

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Thành phố HCM (HSC)
- Thành viên HĐQT CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)

Ông
PHẠM DUY THÁI

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Kinh nghiệm

Gia nhập vào Nafoods Group từ năm 2006, có kinh nghiệm tại nhiều vị trí khác nhau trong lĩnh vực kế toán, nông nghiệp và 10 năm kinh nghiệm hành mǎng kinh doanh cây giống.

Quá trình công tác

2006 - 2008: Kế toán Tổng hợp
2008 - 2012: Thư ký Tài chính và Kế toán
phẩm Nghệ An
2010 - 2013: Kế toán trưởng CTCP Nafoods Group
2014 – 8/2021: Phó Tổng giám đốc CTCP Nafoods Group
1/2019 – 8/2021: Chánh Văn phòng CTCP Nafoods Group
8/2021 – 12/2023: Giám đốc Quản lý và Phát triển
Group
4/2019 - 12/2023: Thành viên HĐQT độc lập Nafoods Group

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:



kinh tế nông nghiệp

năm 2004, Ông có gần 20 năm
nhau trong lĩnh vực tài chính, kế
kinh nghiệm làm Giám đốc điều
g của Tập đoàn.

CTCP Thực phẩm Nghệ An
của Tổng Giám đốc CTCP Thực

CTCP ChoaViet
m đốc phụ trách Nông nghiệp

phòng Hội đồng quản trị CTCP

uản trị và Đầu tư CTCP Nafoods

Hội đồng quản trị CTCP Nafoods

tổ chức khác: Không



Giới thiệu cán bộ chủ chốt



BÀ. HỒ THỊ LOAN

Giám đốc Kinh doanh Công nghiệp
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



ÔNG. LÊ TUẤN

Giám đốc Kinh doanh Tiêu dùng
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

2007 - 2008: NVKD công ty Trimmers Corp

2008 - 2010: NVKD xuất nhập khẩu Công ty VietNam TBI., JSC

2010 - 2015: NVKD CTCP Nafoods Group

2016 - 2017: Trưởng phòng dịch vụ khách hàng CTCP Nafoods Group

2017 – 8/2021: Trưởng phòng kinh doanh truyền thống CTCP Nafoods Group

8/2021 – nay: Giám đốc Khối kinh doanh sản phẩm công nghiệp CTCP Nafoods Group

Quá trình công tác

2014 - 2015: Chuyên viên phát triển kinh doanh nhóm khách hàng Trader Metro Cash & Carry Vietnam

2015 - 2016: Quản lý phát triển kinh doanh nhóm khách hàng Trader Metro Cash & Carry Vietnam

2016 - 2018: Trưởng Phòng Phát Triển Nhóm Khách Hàng Trọng Điểm (HoReCa và Trader) MM Mega Market VietNam

2018 - 2022: Trưởng Phòng Chiến Lược Phát Triển Hệ Thống B2B, CT MM Mega Market VietNam

2022 - nay: Giám đốc kinh doanh tiêu dùng Cty CP Nafoods Group



ÔNG. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

Giám đốc Marketing
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Marketing



BÀ. ĐINH THỊ HOA NGÂN

Giám đốc mua hàng
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thực phẩm

Quá trình công tác

8/2015 – 3/2016: Trợ lý TGD CTCP Đông Y Tuệ Đức

4/2016 – 6/2018: Trợ lý TGD CTCP Nafoods Group

7/2018 – 9/2018: Trưởng nhóm Truyền thông & Quảng cáo – Marketing KIA & Mazda – CTCP Tập đoàn Trường Hải

9/2018 – 3/2019: Trợ lý Marketing – Kinh doanh xe Mazda – CTCP Tập đoàn Trường Hải

4/2019 – 2/2020: Trợ lý Marketing CTCP THADI

3/2022 – 8/2023: Trưởng phòng Marketing CTCP Nafoods Group

8/2023 – nay: Giám đốc Marketing CTCP Nafoods Group

Quá trình công tác

6/2002 - 5/2008: Nhân viên phòng quản lý chất lượng Cty CP sữa Hà Nội- HANOIMILK

5/2008 - 8/2013: Quản lý ngành hàng trái cây- rau củ Cty TNHH Metro Việt Nam- Metro

8/2013 - 7/2014: Quản lý mua hàng miền Bắc (ngành hàng tươi sống) Cty CP Trung tâm thương mại Lotte Việt Nam- Lotte Mart

7/2014 - 8/2023: Trưởng phòng mua hàng Fresh food Cty CP dịch vụ tổng hợp Wincommerce - Winmart

10/2023 - Nay: Giám đốc mua hàng CTCP Nafoods Group





ÔNG. NGÔ SỸ MẠNH

Giám đốc điều hành nhà máy Nafoods Miền Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện công nghiệp

Quá trình công tác

4/2003 – 11/2003: Công nhân kỹ thuật vận hành nhà máy Thực phẩm Nghệ An

2003 - 2007: Tổ trưởng tổ trích ly NM Thực phẩm Nghệ An

2017 - 2018: Tổ trưởng tổ công nghệ xây dựng nhà máy Nafoods Miền Nam

2019 - 2020: Phó GD nhà máy Thực phẩm Nghệ An

5/2019 - 12/2019: Quyền GD CTCP Nafoods Miền Nam

2020 - 12/2022: GD nhà máy Thực phẩm Nghệ An

8/2021 – 6/2022: Giám đốc khối Vận hành Sản xuất và Công nghệ CTCP Nafoods Group

7/2022 – 3/2023: GD các nhà máy – Công ty CP Nafoods Group

3/2023 - nay: Giám đốc nhà máy Nafoods Miền Nam



BÀ. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HỒNG

Giám đốc nhà máy Thực phẩm Nghệ An
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán kiểm toán

Quá trình công tác

2003 - 2004: Nhân viên kế toán CTCP Thực Phẩm Nghệ An

2005 - 10/2015: Trưởng phòng Tài Chính – Kế toán CTCP Thực phẩm Nghệ An

11/2015 - 2018: Kế toán trưởng CTCP Thực Phẩm Nghệ An

9/2018 – 8/2021: Trưởng phòng Kế hoạch điều phối CTCP Nafoods Group

4/2016 – 4/2021: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Nafoods Group

8/2021 – 6/2022: Giám đốc Kế hoạch và Cung ứng CTCP Nafoods Group

7/2022 - 12/2022: Giám đốc mua hàng CTCP Nafoods Group

3/2023 - nay: Giám đốc Nhà máy Thực phẩm Nghệ An



BÀ. NGUYỄN THỊ TRANG

Kế toán trưởng kiêm TP Kế toán & Ngân quỹ
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



ÔNG. HỒ HẢI QUÂN

Giám đốc Nhân sự
Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD thương mại

Quá trình công tác

6/2008 - 6/2009: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Phân phối thông minh

6/2009 - 1/2010: Chuyên viên quản lý dự án Công ty CP Phần mềm Việt

1/2010 - 3/2013: Kế toán tổng hợp CTCP ChoaViet (nay là CTCP Nafoods Group)

4/2013 - 7/2020: Kế toán trưởng CTCP ChoaViet (nay là CTCP Nafoods Group)

7/2020 - 8/2021: Phó Giám đốc Tài chính CTCP Nafoods Group

8/2021 - 7/2022: Giám đốc khối Tài chính – Kế toán – Ngân quỹ CTCP Nafoods Group

7/2022 - Nay: Trưởng phòng Kế toán – Ngân quỹ CTCP Nafoods Group

4/2023 - Nay: Kế toán trưởng CTCP Nafoods Group

Quá trình công tác

2002 - 2004: Giáo viên Tin học tại Công ty Cổ phần tin học Quang Hùng

2004 - 2007: Phó phòng Hành chính Nhân sự, kiêm IT; Thư ký ISO tại CTCP Thực phẩm Nghệ An

2007 - 2009: Trưởng phòng HCNS, Kiêm quản lý IT, Thư ký Ban ISO tại CTCP Thực phẩm Nghệ An

2010 - 2016: Trưởng phòng HCNS kiêm trưởng phòng IT tại CTCP Thực phẩm Nghệ An

1/2017 - Nay: Giám đốc Nhân sự CTCP Nafoods Group

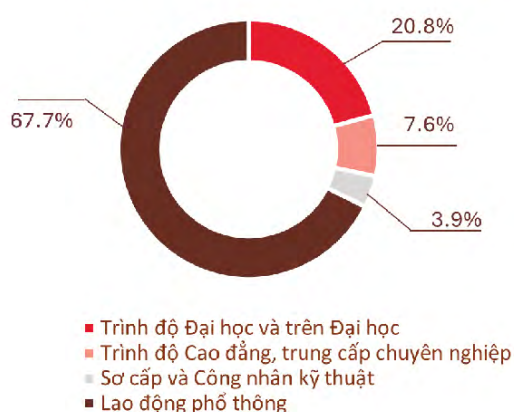


Cơ cấu nhân sự

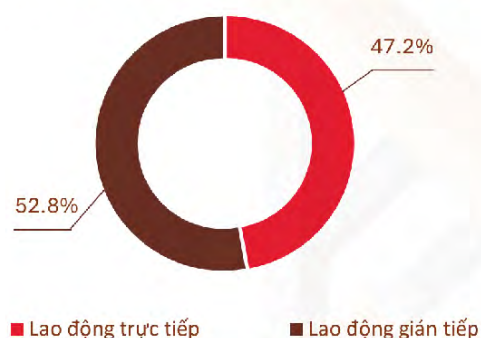
Tại thời điểm 31/12/2023, tổng số lượng CBCNV toàn Tập đoàn là 1.395 người, tăng 54,1% so với năm trước, chủ yếu do trong năm hợp nhất thêm 02 công ty con là Công ty CP Thực phẩm Nghệ An và Công ty CP Nafoods Tây Bắc. Nếu loại trừ 02 đơn vị này, tổng số lượng CBCNV năm nay là 1.066 người, tăng 17.8% so với năm trước.

CBCNV chủ yếu tập trung tại các công ty thành viên với số lượng lao động phổ thông chiếm đa số. Điểm nổi bật trong số liệu này là chúng tôi đã và đang đảm bảo sự tham gia và hoà nhập của nữ giới vào lực lượng lao động của chúng tôi khi mà lao động nữ chiếm tới hơn 56%.

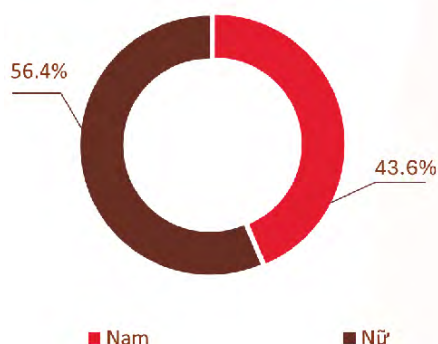
Cơ cấu lao động theo trình độ



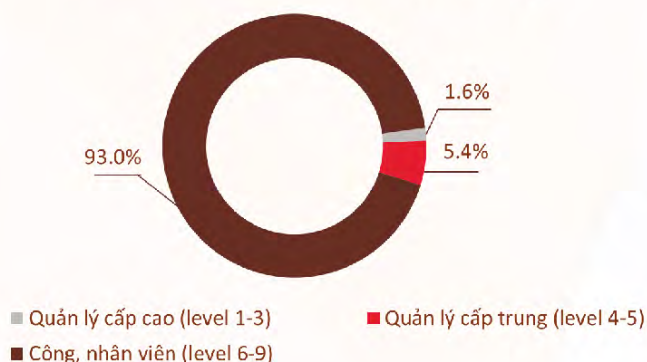
Cơ cấu lao động theo đối tượng



Cơ cấu lao động theo giới tính



Cơ cấu lao động theo cấp quản lý



Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc:

Bộ phận gián tiếp làm việc 5 ngày/tuần (nghỉ thứ 7 và chủ nhật), 8h/ngày, nghỉ trưa 1.5h. Bộ phận trực tiếp làm việc 6 ngày/tuần (nghỉ ngày chủ nhật), 8h/ngày, nghỉ trưa 1.5h. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc:

Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, Bảo hộ lao động phù hợp, đảm bảo vệ sinh lao động, an toàn lao động.



Chính sách đào tạo tuyển dụng

Chính sách đào tạo:

Lấy phương pháp thể điểm cân bằng BSC để điều hành doanh nghiệp, trong đó Nafoods Group tập trung vào khía cạnh gốc rễ “Học hỏi và Phát triển”, vì vậy chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là đào tạo nội bộ.

- Đối với nhân sự từ level 1 - level 5: Công ty chú trọng đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và năng lực quản lý chung nhằm tạo ra đội ngũ nhân sự kế cận vững chắc, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Để thực hiện mục tiêu trên, Hàng tháng, Công ty tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng quản lý, kỹ năng kiểm soát công việc, Bên cạnh đó, khuyến khích các nhân sự tham gia các khóa đào tạo bên ngoài.

- Đối với nhân sự từ level 6, 7: chú trọng các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực chuyên môn thông qua hình thức đạo nội bộ, cũng như các chương trình đào tạo bên ngoài phù hợp với yêu cầu công việc. Ngoài ra, CBCNV tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

- Đối với nhân sự level 8, 9: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Chính sách tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc. Tăng cường tuyển dụng mạng lưới nhân sự thực tập sinh để tìm kiếm nhân sự tiềm năng, thích nghi môi trường văn hóa, bên cạnh đó góp phần tiết giảm chi phí nhân sự. Ưu tiên tuyển dụng nhân sự địa phương phù hợp với xu thế chuyển dịch lao động hiện nay, nhằm tạo sự ổn định và gắn kết.

Minh bạch trong hoạt động tuyển dụng. Tuân thủ các điều khoản liên quan tới chính sách môi trường và xã hội, chính sách bình đẳng giới trong hoạt động tuyển dụng.



Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Chính sách lương:

Công ty áp dụng chính sách lương 3P (chính sách lương tiến bộ nhất hiện nay) để tạo động lực cho người lao động, Cụ thể:

- Lương P1: Trả theo vị trí người lao động đang nắm giữ trong doanh nghiệp, bằng cấp, thâm niên công tác.
- Lương P2: Trả theo năng lực (đánh giá 1 năm/lần theo công cụ KPI để quản trị mục tiêu doanh nghiệp gắn với việc quản trị chỉ tiêu trọng yếu giao đến từng phòng ban và từng cá nhân)
- Lương P3: Trả theo hiệu quả công việc của khối/phòng và của từng cá nhân. Hằng tháng/quý/năm, Công ty sẽ đánh giá hiệu quả công việc dựa trên tiêu chí được xây dựng riêng cho mỗi khối/phòng, và chi lương P3 cho khối/phòng đó. Khối/phòng dựa trên kết quả đóng góp của nhân viên để phân thưởng về từng cá nhân.

Chính sách thưởng:

Nhằm thúc đẩy tinh thần, khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đã áp dụng chính sách thưởng KPI quý/năm, thưởng theo hiệu quả tập đoàn dựa trên kết quả đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Mặt khác Công ty cũng tổ chức xét thưởng cho các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động công ty.

Chính sách bảo hiểm và phúc lợi:

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết, ... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.



Thông tin cổ phần & Cơ cấu cổ đông

Thông tin cổ phần

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 62.923.085 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 62.923.023 cổ phần, trong đó:
 - Cổ phần phổ thông: 50.564.090 cổ phần
 - Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 12.358.933 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 62 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Vốn điều lệ: 629.230.850.000 đồng
- Vốn hóa thị trường: 778.686.986.000 đồng
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 1.198.520 cổ phần (cổ phần phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động còn bị hạn chế chuyển nhượng đến 02/11/2024)
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 100%

Tình hình thay đổi của chủ sở hữu đầu tư

Trong năm, Công ty có kế hoạch tăng vốn cổ phần nhưng chưa thực hiện được. Do đó, vốn đầu tư của chủ sở hữu không có thay đổi trong năm.

Lịch sử quá trình tăng vốn

Ngày 29/06/2010, Công ty chuyển đổi từ Công ty TNHH sang công ty cổ phần với vốn điều lệ 40 tỷ đồng. Trải qua quá trình phát triển, vốn điều lệ của Công ty hiện nay là 629.239.850.000 đồng. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty kể từ thời điểm hoạt động theo hình thức công ty cổ phần như sau:

● Tăng vốn lần 1

- Tháng 03/2015 tăng vốn từ 40 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 18/QĐ-CHOAVI-ET ngày 07/12/2014
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An
- Vốn điều lệ trước phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 200.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ phát hành: 1:4
- Số lượng cổ phần phát hành: 16.000.000 cổ phần

● Tăng vốn lần 2

- Tháng 06/2015 tăng vốn từ 200 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02 ngày 12/05/2015
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An
- Vốn điều lệ trước phát hành: 200.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 300.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ phát hành: 2:1
- Số lượng cổ phần phát hành: 100.000.000 cổ phần

● Tăng vốn lần 3

- Tháng 05/2018 tăng vốn từ 300 tỷ đồng lên 315 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/09/2017
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Vốn điều lệ trước phát hành: 300.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 315.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ phát hành: 100:5
- Số lượng cổ phần phát hành: 1.500.000 cổ phần
- Số cổ đông được phân phối cổ phần: 548 cổ đông

● Tăng vốn lần 4

- Tháng 05/2018 tăng vốn từ 315 tỷ đồng lên 330 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/09/2017
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Vốn điều lệ trước phát hành: 315.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 330.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 1.500.000 cổ phần
- Số người lao động được phân phối: 27 người

● Tăng vốn lần 5

- Tháng 11/2018 tăng vốn từ 330 tỷ đồng lên 362.997.820.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2018
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Vốn điều lệ trước phát hành: 330.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 362.997.820.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ phát hành: 10:1
- Số lượng cổ phần phát hành: 3.299.782 cổ phần
- Số cổ đông được phân phối cổ phần: 640 cổ đông

● Tăng vốn lần 6

- Tháng 06/2019 tăng vốn từ 362.997.820.000 đồng lên 417.444.770.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Vốn điều lệ trước phát hành: 362.997.820.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 417.444.770.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ phát hành: 100:15
- Số lượng cổ phần phát hành: 5.444.695 cổ phần
- Số cổ đông được phân phối cổ phần: 709 cổ đông

● Tăng vốn lần 7

- Tháng 06/2019 tăng vốn từ 417.444.770.000 đồng lên 435.594.630.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Vốn điều lệ trước phát hành: 417.444.770.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 435.594.630.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 1.814.986 cổ phần

● Tăng vốn lần 8

- Tháng 09/2019 tăng vốn từ 435.594.630.000 đồng lên 567.988.450.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ
- Cơ quan chấp thuận: UB Chứng khoán Nhà nước
- Vốn điều lệ trước phát hành: 435.594.630.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 567.988.450.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- SL cổ phần phát hành: 13.239.382 cổ phần, trong đó:
- Cổ phần phổ thông: 880.449 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 12.358.933 cổ phần
- Giá phát hành: Cổ phần phổ thông: 13.043 đồng/cổ phần - Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 15.000 đồng/cổ phần

● Tăng vốn lần 9

- Tháng 06/2020 tăng vốn từ 567.988.450.000 đồng lên 577.047.950.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2020
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Vốn điều lệ trước phát hành: 567.988.450.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 577.047.950.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 905.950 cổ phần, trong đó:
- Giá phát hành: 13.043 đồng/cổ phần

● Tăng vốn lần 10

- Tháng 07/2020 tăng vốn từ 577.047.950.000 đồng lên 599.267.850.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2020
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Vốn điều lệ trước phát hành: 577.047.950.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 599.267.850.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 2.221.990 cổ phần

● Tăng vốn lần 11

- Tháng 11/2021 tăng vốn từ 599.267.850.000 đồng lên 629.230.850.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết HĐQT số 06/2021/NQ-HĐQT ngày 14/07/2021
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Vốn điều lệ trước phát hành: 599.267.850.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 629.230.850.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 2.996.300 cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông

(Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 20/03/2024)

Cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trở lên)

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT
I	Nguyễn Mạnh Hùng	23.527.223	46,5%

Cơ cấu cổ đông theo đối tượng

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU	SL CỔ ĐÔNG	TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
I	Cổ đông lớn	23.527.223	37,4%	1	-	
	Trong nước	23.527.223	37,4%	1	-	
	Nước ngoài	-	-	-	-	
II	Cổ phiếu quỹ	62	0,0%	1	1	
III	Cổ đông ưu đãi	12.358.933	19,6%	1	1	
	Trong nước	-	-	-	-	
	Nước ngoài	12.358.933	19,6%	1	1	
IV	Cổ đông khác	27.036.867	43,0%	3,363	23	3,340
	Trong nước	26.438.244	42,0%	3,317	13	3,304
	Nước ngoài	598.623	1,0%	46	10	
IV	Tổng	62.923.085	100,0%	3,366	15	3,341
	Trong nước	49.965.529	79,4%	3,319	14	3,305
	Nước ngoài	12.957.556	20,6%	47	11	

Sở hữu cổ phần của HĐQT và các cán bộ chủ chốt

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT	220.000	0,3%
Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	23.527.223	37,4%
Johan Nyvene	Thành viên HĐQT độc lập	50.000	0,1%
Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	494.276	0,8%
Nguyễn Phi Bằng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính	-	0,0%
Hồ Hải Quân	Giám đốc nhân sự	84.704	0,1%
Hồ Thị Loan	Giám đốc Kinh doanh công nghiệp	8.007	0,0%
Lê Tuấn	Giám đốc KD tiêu dùng	80.000	0,1%
Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc Marketing	105.400	0,2%
Ngô Sỹ Mạnh	Giám đốc Nhà máy Nafoods Miền Nam	164.991	0,3%
Nguyễn Thị Phương Hồng	Giám đốc Nhà máy Thực phẩm Nghệ An	23.632	0,0%
Đinh Thị Hoa Ngân	Giám đốc mua hàng	-	0,0%
Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng	226.541	0,4%
Đặng Thị Thắm	Thư ký công ty	53.720	0,1%

Định hướng phát triển

Tầm nhìn và mục tiêu chiến lược



Với tầm nhìn là tập đoàn tiên phong phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp số hoá, xanh và bền vững; và sứ mệnh mang lại thu nhập ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nông dân; đáp ứng nhu cầu cho từng phân khúc khách hàng, thị trường; đồng hành và phát triển cùng đối tác; là khoản đầu tư an toàn, minh bạch, có tiềm năng tăng trưởng cho cổ đông; và đảm bảo thu nhập, phát triển cá nhân, đội ngũ cho người lao động; NAFOODS GROUP đặt ra các mục tiêu chiến lược đến năm 2028 như sau:



Là nhà xuất khẩu sản phẩm trái cây chế biến số 1 Việt Nam



Là nhà cung cấp cây giống chanh leo số 1 Việt Nam về sản lượng & chất lượng



Là doanh nghiệp Top 1 hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp có trình độ quản trị doanh nghiệp tiên tiến



Mở rộng thành công tầm ảnh hưởng của thương hiệu Nafoods trên thị trường thế giới



Xây dựng thành công thương hiệu sản phẩm tiêu dùng Nafoods tại thị trường nội địa



Đạt 6.000 tỷ doanh thu và 400 tỷ lợi nhuận sau thuế (tăng trưởng trung bình 27%/năm)

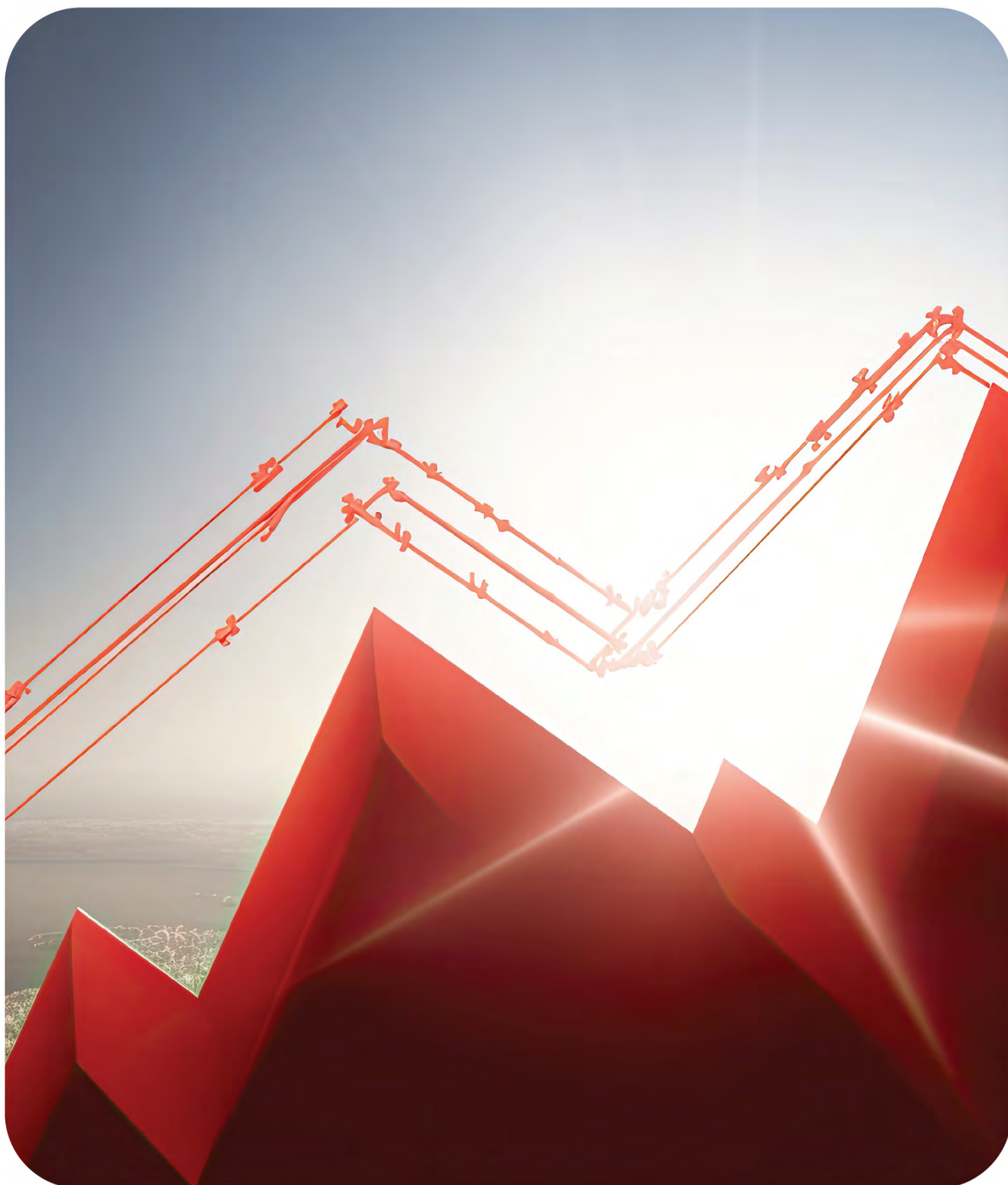


Chuỗi cung ứng được số hóa bằng hệ thống Bền vững & hiệu quả cho các bên tham gia



Là nhà quản trị vùng trồng sản phẩm nông nghiệp hàng đầu Việt Nam, chuyên gia canh tác cây trồng các loại quả chủ lực

Định hướng chiến lược 2023 – 2028: “CHUYỂN ĐỔI & TĂNG TRƯỞNG”



Giai đoạn 2024 - 2025

CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- Xây dựng tập trung lược kinh doanh: Xác định các yếu tố trọng yếu cho chiến lược
- Thiết lập và hoàn thiện mô hình quản trị tập trung
- Thiết lập và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, hướng đến chuyên môn hóa, hệ thống quản trị doanh nghiệp và QTRR
- Các nguồn lực bao gồm tài nguyên và con người được chuẩn bị cho giai đoạn tập trung tăng trưởng

Giai đoạn 2024 - 2025

CẢI THIỆN HIỆU QUẢ VẬN HÀNH

- Phát triển nhanh vùng trồng và lực lượng tư vấn kỹ thuật
- Đầu tư hoạt động R&D cho các sản phẩm chiến lược
- Xây dựng và củng cố chuỗi ứng dụng bền vững & hiệu quả
- Nâng cao các chỉ số hoạt động hiệu quả của các nhà máy
- Tập trung hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, phần mềm quản trị doanh nghiệp
- Nâng cao năng lực M&A đón đầu các cơ hội mua bán & sát nhập

Giai đoạn 2026 - 2028

NẮM BẮT CÁC CƠ HỘI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN

- Hợp đồng chiến lược với các nhà phân phối quan trọng tại các thị trường
- Danh mục sản phẩm đa dạng cho các yêu cầu của nhiều phân khúc thị trường, khách hàng
- Thực hiện M&A các dự án tiềm năng cùng với tối ưu nội lực để tăng trưởng doanh số & độ phủ
- Tập trung tăng trưởng Lợi nhuận, số tuyệt đối

Các ưu tiên chiến lược đến 2028

VIỆN NGHIÊN CỨU

- Cải tiến liên tục để giữ vững vị thế trên thị trường về chất lượng giống chanh leo và các cây giống khác
- Chuẩn hóa & triển khai cho đội ngũ tư vấn vùng trồng các chương trình kỹ thuật canh tác
- Nghiên cứu các chế phẩm sinh học hỗ trợ cho canh tác

PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU

- Hướng đến xây dựng vùng canh tác bền vững, tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng, tạo vị thế cho nông sản Việt Nam
- Nâng tầm vị thế trái cây Việt, nông sản Việt trên thị trường thế giới
- Theo đuổi mục tiêu bền vững ESG – Môi trường, xã hội, quản trị, vì lợi ích cho xã hội, cho Nafoods và người lao động

SẢN XUẤT & R&D

- Tối ưu hóa hiệu suất & công suất máy, tạo khác biệt & đa dạng trong sản phẩm
- Áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, giá vốn cạnh tranh cho các phân khúc và dòng sản phẩm
- Tăng năng lực sản xuất, tăng danh mục sản phẩm mới

CHUỖI CUNG ỨNG

- Quản lý từ vùng trồng đến sản phẩm chế biến đầu ra
- Xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng, hệ thống nhà cung cấp có hợp đồng chiến lược và hợp đồng dài hạn
- Nguồn vốn chi phí thấp, linh hoạt cung ứng cho hoạt động của chuỗi
- Tăng năng lực hệ thống kho và logistic tiêu chuẩn

THỊ TRƯỜNG

- Tập trung phát triển phân khúc thị trường trung & cao cấp bên cạnh thị trường truyền thống
- Xây dựng & phát triển tệp khách hàng chiến lược tại các thị trường truyền thống và mới
- Tăng độ phủ trên các kênh phân phối cho sản phẩm tiêu dùng nội địa



02

Báo cáo hoạt động 2023 và kế hoạch 2024

- 68** Tổng quan nền kinh tế 2023 và triển vọng 2024
- 72** Tổng quan ngành rau quả xuất khẩu 2023 và triển vọng 2024
- 76** Báo cáo của Ban Điều hành
- 88** Báo cáo của Hội đồng quản trị





Tổng quan kinh tế vĩ 2023 & triển vọng 2024

Kinh tế thế giới

Năm 2023, kinh tế toàn cầu phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Bất ổn địa chính trị gia tăng khi cuộc chiến Nga – Ukraine tiếp tục lâm vào bế tắc, và xung đột mới bùng phát ở Trung Đông, Biển Đỏ trong các tháng cuối năm. Tình trạng thời tiết cực đoan diễn ra ở nhiều nơi, hạn hán kéo dài trên phạm vi rộng, bão lũ, thiên tai ở các quốc gia làm cho sản xuất và tiêu dùng lương thực mất cân đối. Thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động. Lạm phát tiếp tục neo ở mức cao, tăng trưởng thương mại yếu và niềm tin người tiêu dùng chậm phục hồi. Trong bối cảnh ấy, nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt để ưu tiên kiềm chế lạm phát. Tổng cầu suy yếu, kinh tế tăng trưởng chậm ở nhiều nước, kể cả các nền kinh tế lớn trong khi thị trường tài chính tiền tệ, bất động sản tại một số nước tiềm ẩn nhiều rủi ro. Theo IMF, tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 ở mức 3,1%, giảm so với mức 3,5% của năm 2022.

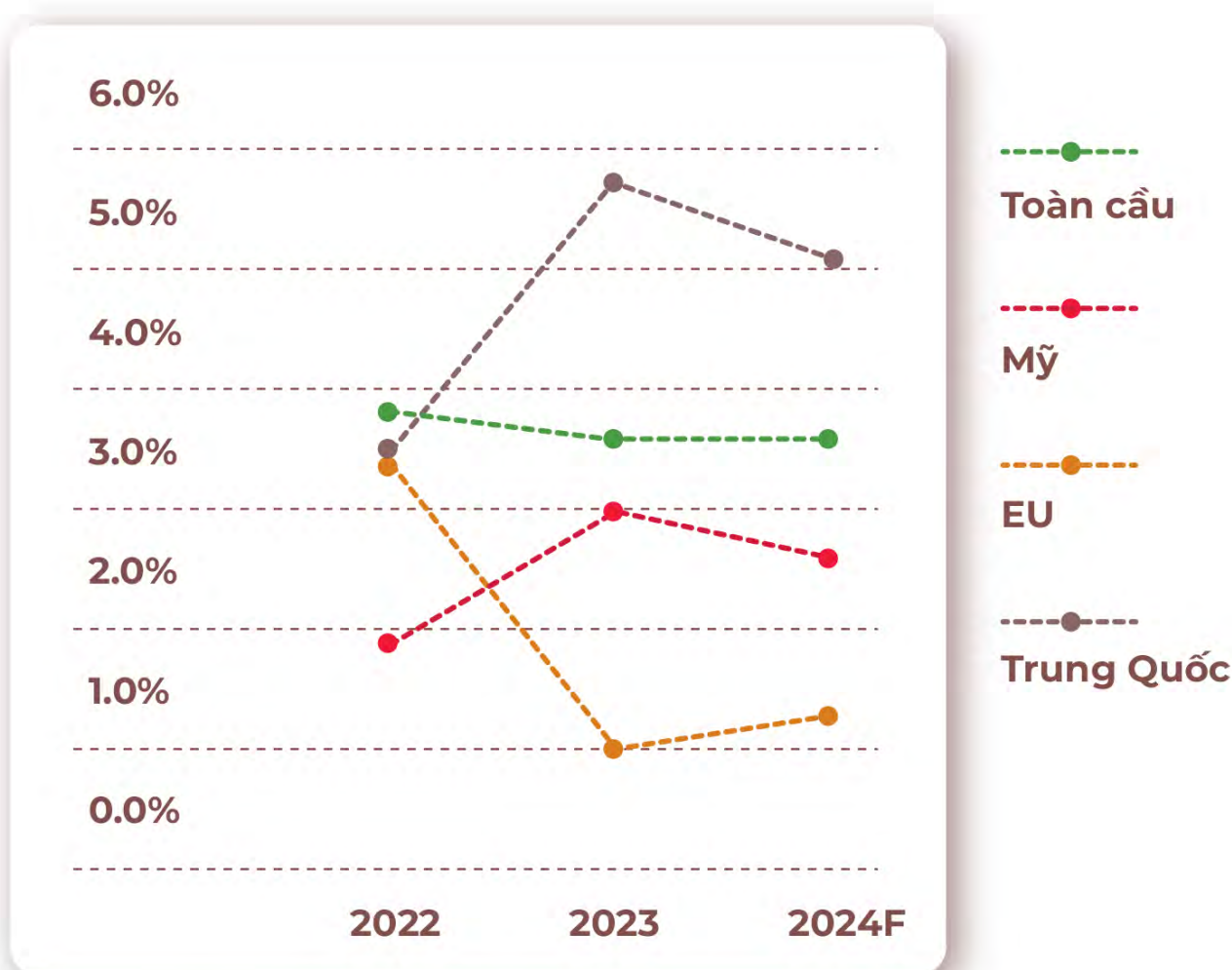
Năm 2023 cũng chứng kiến sự sụt giảm của tăng trưởng thương mại thế giới. Theo IMF, so với năm trước, tăng trưởng thương mại thế giới năm 2023 ước tính đạt 0,9%, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 4,9% của giai đoạn 2000-2019. Sự suy giảm trong năm 2023 không chỉ phản ánh xu hướng nhu cầu toàn cầu mà còn phản ánh sự thay đổi cơ cấu thương mại đối với các dịch vụ trong nước; tác động trễ của việc tăng giá đồng đô la làm chậm tăng trưởng thương mại do thanh toán chủ yếu được thực hiện bằng đô la Mỹ; các rào cản thương mại ngày càng gia tăng (các nước đã áp đặt lần lượt 3.200 và 3.000 biện pháp hạn chế thương mại trong năm 2022 và 2023, tăng khá cao từ khoảng 1.100 biện pháp hạn chế thương mại trong năm 2019).

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 được hầu hết các tổ chức quốc tế dự báo thấp hơn năm 2023. Trong Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu, WB dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2024 đạt 2,4%, thấp nhất trong ba năm liên tiếp (từ mức 6,0% năm 2021 xuống 3,0% năm 2022, 2,6% năm 2023 và 2,4% năm 2024). Mức sụt giảm tăng trưởng này phản ánh tác động trễ của các chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiềm chế lạm phát cao, các điều kiện tín dụng hạn chế cũng như thương mại và đầu tư toàn cầu yếu. Triển vọng năm 2024 cũng cho thấy mức tăng trưởng chậm lại ở các nền kinh tế phát triển (dự báo chỉ đạt 1,2%), nhưng cải thiện phần nào tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển (dự báo đạt 3,9%).

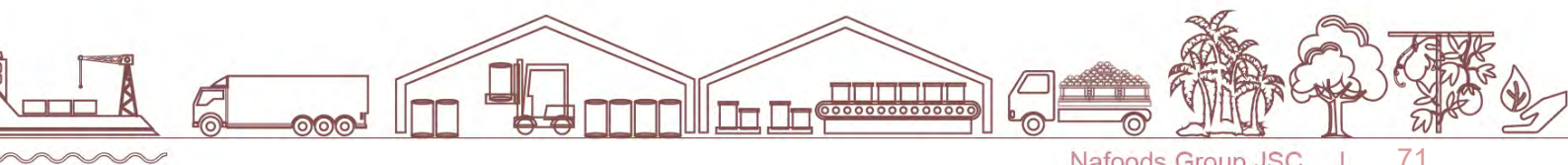
Thương mại toàn cầu được dự báo tiếp tục tăng trưởng yếu trong năm 2024. Xung đột ở Trung Đông có thể leo thang sâu hơn, ảnh hưởng tới các khu vực sản xuất khoảng 35% lượng dầu và 14% lượng khí đốt xuất khẩu của thế giới. Các cuộc tấn công liên tục ở Biển Đỏ, nơi chiếm 11% dòng chảy thương mại toàn cầu, và xung đột ở Ukraine có nguy cơ tạo ra những cú sốc bất lợi mới về nguồn cung đối với sự phục hồi toàn cầu, do chi phí lương thực, năng lượng và vận chuyển tăng đột biến. Sự phân mảnh địa kinh tế ngày càng tăng có thể hạn chế dòng hàng hóa xuyên biên giới, gây thêm biến động giá cả. Những cú sốc thời tiết cực đoan hơn, bao gồm lũ lụt và hạn hán, cùng với hiện tượng El Nino, cũng có thể khiến giá lương thực tăng cao, làm trầm trọng thêm tình trạng mất an ninh lương thực và làm gián đoạn quá trình giảm lạm phát trên toàn cầu.



mô 2024

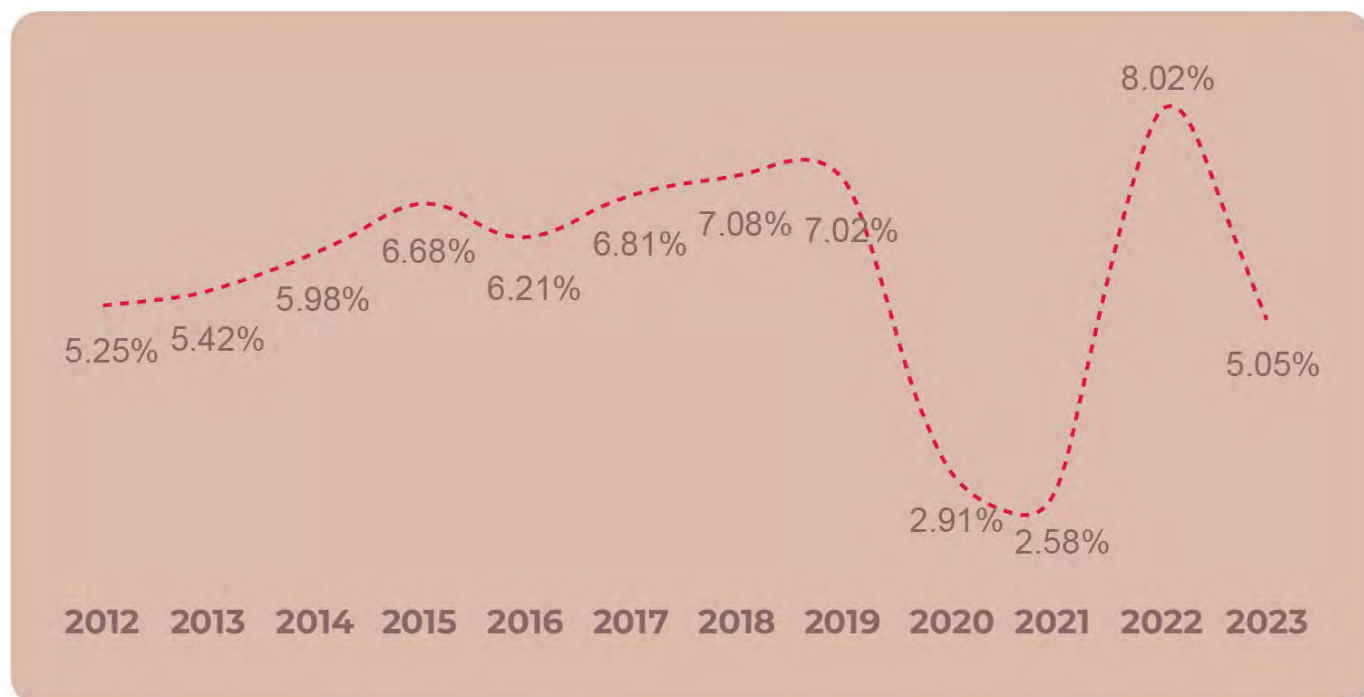


Tăng trưởng GDP toàn cầu & các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam



Kinh tế Việt Nam

Tăng trưởng GDP cả năm 2023 đạt khoảng 5,05%, thấp nhất từ năm 2011 đến nay trừ hai năm covid, và thấp hơn so với mục tiêu Quốc hội đề ra từ đầu năm (khoảng 6,5%) do các nguyên nhân chính: (1) Nhu cầu từ bên ngoài suy yếu do lạm phát tăng nhanh trên toàn cầu khiến các nền kinh tế lớn liên tục tăng lãi suất để thực hiện thắt chặt chính sách tiền tệ, nhu cầu tiêu dùng và mở rộng đầu tư theo đó cũng suy giảm; (2) Nhu cầu trong nước hồi phục chậm trên cả hai lĩnh vực tiêu dùng và đầu tư, biểu hiện qua các chỉ số tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng và tăng trưởng tín dụng đều đạt mức tăng thấp so với tốc độ tăng của cùng kỳ năm trước.



Tăng trưởng GDP Việt Nam (Nguồn: GSO)

Cả năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 327,5 tỷ USD, giảm 8,9% so với năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 ước tính xuất siêu 28 tỷ USD (năm 2022 xuất siêu 12,1 tỷ USD).

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2023 ước tăng khoảng 3,3% so với năm 2022, tương đương với tốc độ tăng CPI bình quân của năm 2022 so với năm 2021, và thấp hơn nhiều so với mục tiêu đề ra (dưới 4,5%) chủ yếu do yếu tố cầu chậm hồi phục.

Năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có 4 lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành với tổng mức giảm từ 0,5 - 2%/năm. Việc giảm lãi suất điều hành tạo điều kiện để các ngân hàng thương mại giảm lãi suất huy động, từ đó giảm lãi suất cho vay. Tính đến cuối tháng 12-2023, mặt bằng lãi suất cho vay toàn hệ thống giảm từ 1 - 2% so với đầu năm. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn vốn tín dụng với chi phí lãi vay thấp hơn để mở rộng sản xuất, kinh doanh.

Tỷ giá tiền đồng trong năm chịu áp lực lớn từ sự tăng giá của đồng USD trên thị trường quốc tế, chênh lệch lãi suất USD - VND trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất huy động USD trong nước và nước ngoài. Tỷ giá đã có nửa đầu năm bình lặng, bắt đầu gợn sóng vào đầu Quý III và bật tăng mạnh từ tháng 8, có thời điểm tỷ giá đã tiến gần với mức đỉnh ghi nhận trong năm 2022, sau đó hạ nhiệt vào cuối năm. Tính đến cuối năm 2023, VND mất giá khoảng 3% so với USD, thấp hơn nhiều so với các đồng tiền khác trên thế giới.

Sang năm 2024, Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng GDP khoảng 6 – 6,5%. Nhìn chung, theo các tổ chức quốc tế, triển vọng tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2024 cũng như trong trung hạn được đánh giá tích cực nhờ sự phục hồi của tiêu dùng nội địa, xuất nhập khẩu hàng hóa và việc đẩy mạnh đầu tư công, gia tăng nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Dù vậy, rủi ro với tăng trưởng vẫn tiềm ẩn khi tăng trưởng tiêu dùng có thể chưa đạt kỳ vọng do niềm tin của người tiêu dùng vẫn còn yếu. Sự gia tăng của chi phí logistics quốc tế đối với thương mại hàng hóa do xung đột Trung Đông, mặc dù mang tính thời điểm tạm thời, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu của Việt Nam và sự phục hồi của nền kinh tế.

Lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục được giữ ổn định ở mức khoảng 4%, dù có một số áp lực từ giá năng lượng, lương thực diễn biến theo chiều hướng tăng do thời tiết cực đoan, xung đột địa chính trị, cùng với lộ trình điều chỉnh giá Nhà nước quản lý (điện, học phí, giáo dục).

Tỷ giá tiếp tục đối mặt với áp lực từ chênh lệch lãi suất USD – VND đặc biệt trong 6 tháng đầu năm khi lãi suất của Fed được dự báo sẽ tiếp tục được neo ở mức cao ít nhất đến Quý II/2024. Tuy vậy, với sự hỗ trợ từ cán cân thương mại thặng dư, dòng vốn FDI, kiều hối, và chính sách tiền tệ dần nới lỏng của Fed, tỷ giá được kỳ vọng sẽ tiếp tục được giữ ở mức ổn định trong năm 2024 (tăng khoảng 2% so với năm trước).

“

**TRONG BỐI CẢNH KHÓ
KHĂN, KINH TẾ VIỆT NAM
Vẫn là điểm sáng
trong bức tranh
không mấy sáng sủa
của thế giới.**

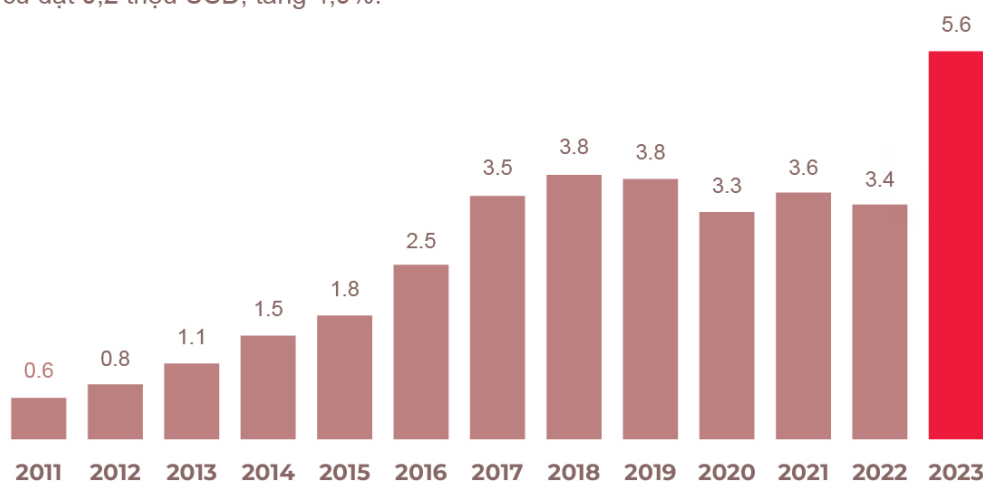
”



Tổng quan ngành rau quả và triển vọng năm 2024

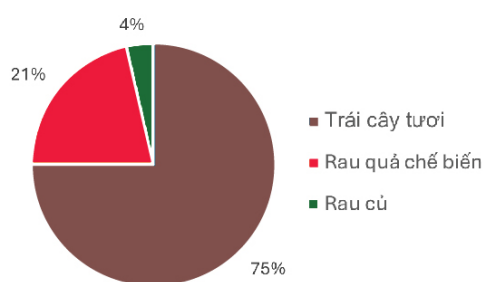
Tổng quan ngành rau quả xuất khẩu

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, năm 2023, kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam đạt kỷ lục mới 5,6 tỷ USD, tăng tới 66,5% so với năm 2022. Về chủng loại rau quả xuất khẩu năm 2023, so với cùng kỳ năm 2022 nhóm hàng trái cây (tươi và đông lạnh) đạt 4,2 tỷ USD, tăng 112%; tiếp theo là nhóm hàng rau quả chế biến đạt gần 1,2 tỷ USD, tăng 18%; nhóm rau củ đạt 0,2 triệu USD, tăng 4,9%.

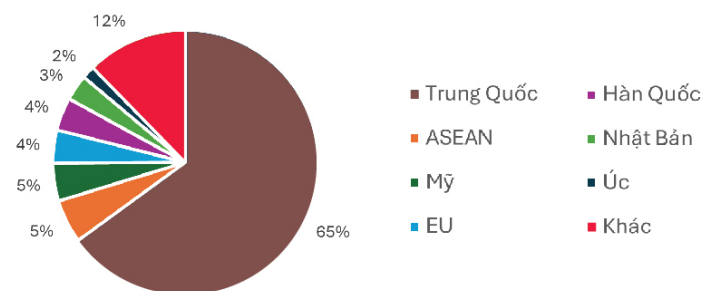


Kim ngạch xuất khẩu rau quả (tỷ USD)

Xuất khẩu hàng rau quả tăng chủ yếu do xuất khẩu quả sầu riêng tăng cao đột biến. Tính chung năm 2023, xuất khẩu quả sầu riêng đạt 2,1 tỷ USD, tăng tới 1,82 tỷ USD so với con số 288 triệu USD của năm trước. Trong đó, quả sầu riêng của Việt Nam chủ yếu xuất sang Trung Quốc với 2,03 tỷ USD, chiếm 99,4% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước.



Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu



Cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả

Rau quả xuất khẩu 2024

Trung Quốc vẫn là thị trường chính của rau quả Việt Nam xuất khẩu, chiếm 65% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước. Trong năm 2023, xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt gần 3,64 tỷ USD, tăng mạnh 138,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Đứng sau thị trường chủ đạo Trung Quốc là thị trường ASEAN đạt trên 297,7 triệu USD, giảm 11,9% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 5,3%. Thị trường Mỹ đạt 257,77 triệu USD, tăng 4%, chiếm 4,6%; EU đạt 227,7 triệu USD, tăng 22,3%, chiếm 4,1%; Hàn Quốc đạt 225,81 triệu USD, tăng 24,9%, chiếm 4,0%; Nhật Bản đạt 176,17 triệu USD, tăng 6,7%, chiếm 3,1%...

Nhìn chung, ngoại trừ thị trường ASEAN có sự sụt giảm, xuất khẩu rau quả sang đa số các thị trường trong năm 2023 đều tăng kim ngạch so với năm 2022.

Theo Hiệp hội Rau quả Việt Nam (Vnfruit), xuất khẩu rau quả tăng do trình độ sản xuất, trồng trọt, chế biến của người dân, doanh nghiệp được nâng cao; người dân, doanh nghiệp tăng cường áp dụng công nghệ cao vào trồng trọt, chế biến, tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap, Global gap...

Ngoài ra, Việt Nam tham gia hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới thông qua việc ký kết nhiều Hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương. Cùng với đó là các cơ quan chức năng đẩy mạnh xúc tiến, mở rộng thị trường, thúc đẩy các giải pháp tạo thuận lợi thương mại...sang thị trường Trung Quốc, giúp xuất khẩu rau quả tăng tốc.

Triển vọng tăng trưởng 2024

Về triển vọng xuất khẩu rau quả trong năm 2024, dù dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn đối mặt nhiều khó khăn, nhưng ngành hàng rau quả lại có nhiều dư địa để hướng tới kim ngạch xuất khẩu hơn 6 tỷ USD.

Mặt hàng chủ lực sầu riêng được dự báo sẽ có sản lượng cao hơn năm nay. Năm 2024 sẽ có thêm nhiều diện tích trồng sầu riêng đến kỳ thu hoạch, đồng thời nhu cầu tiêu thụ ở thị trường lớn nhất là Trung Quốc vẫn rất lớn.

Ngoài ra, Việt Nam cũng đang đàm phán với phía Trung Quốc để có thêm mặt hàng được xuất khẩu chính ngạch sang thị trường này.

Cùng với thị trường xuất khẩu lớn nhất là Trung Quốc, Việt Nam cũng tiếp tục thúc đẩy việc mở rộng xuất khẩu rau quả sang nhiều thị trường quan trọng như Hoa Kỳ, EU, Australia, Hàn Quốc, các nước thuộc Trung Đông...

Một yếu tố quan trọng khác là cơ sở hạ tầng, hệ thống logistics... cũng đang được phát triển mạnh ở Việt Nam sẽ tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa nói chung, trong đó có xuất khẩu hàng nông sản.

Điều quan trọng nữa là nhu cầu của người tiêu dùng thế giới đang chuyển sang sử dụng các món ăn có nguồn gốc thực vật, đây cũng là điều kiện thuận lợi cho ngành rau quả trong năm 2024 và những năm tới.

Báo cáo của Ban Điều Hành

Kết quả kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2023	KẾ HOẠCH 2023	% THỰC HIỆN/KẾ HOẠCH
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.733,3	2.125,0	81,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	109,9	106,0	103,7%

Năm 2023, doanh thu thuần của công ty đạt 1.733,3 tỷ đồng, bằng 81,6% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 giao phó. Lợi nhuận sau thuế đạt 109,9 tỷ đồng, vượt 3,7% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 giao phó. Nguyên nhân doanh thu thuần không đạt kế hoạch chủ yếu là do doanh số ngành kinh doanh sấy xuất khẩu sụt giảm mạnh do ảnh hưởng bởi xung đột Nga – Ukraine.

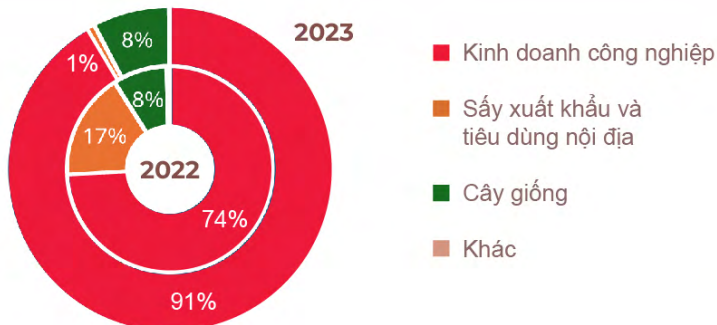
Kết quả thực hiện so với năm trước

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2023		THỰC HIỆN 2022		% TĂNG TRƯỞNG 2023 SV 2022
	Tỷ đồng	% Doanh thu thuần	Tỷ đồng	% Doanh thu thuần	
Doanh thu thuần	1.733,3	100,0%	1.766,5	100,0%	-1,9%
Lợi nhuận gộp	469,7	27,1	375,9	21,3%	25,0%
Thu nhập tài chính	34,7	2,0%	28,7	1,6%	21,0%
Chi phí tài chính	75,6	4,4%	49,0	2,8%	54,3%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	45,7	2,6%	27,4	1,6%	66,7%
Chi phí bán hàng	135,2	7,8%	190,4	10,8%	-29,0%
Chi phí quản lý	170,2	9,8%	66,0	3,7%	157,9%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	123,5	7,1%	98,4	5,6%	25,5%
Lợi nhuận khác	8,9	0,5%	(5,5)	-0,3%	-261,8%
Lợi nhuận trước thuế	132,4	7,6%	92,9	5,3%	42,5%
Lợi nhuận sau thuế	109,9	6,3%	79,8	4,5%	37,7%

Năm 2023, dù gặp khó khăn ở thị trường Nga khiến doanh số ngành kinh doanh các sản phẩm trái cây sấy xuất khẩu tiếp tục sụt giảm mạnh, nhưng nhờ Ngành kinh doanh các sản phẩm nước ép và rau quả đông lạnh IQF (Kinh doanh Công nghiệp) có sự tăng trưởng tốt (+21,2%), Doanh thu thuần vẫn duy trì ở mức 1.733,3 tỷ đồng, giảm nhẹ 1.9% so với năm trước.



DOANH THU THEO NGÀNH HÀNG (TỶ ĐỒNG)



CƠ CẤU DOANH THU 2023



Lợi nhuận gộp đạt 469,7 tỷ đồng, tăng 93,9 tỷ đồng (+25,0%) so với năm trước. Biên lợi nhuận gộp đạt 27,1%, tăng 5,8 điểm % so với năm trước nhờ việc quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả hơn, giúp tận dụng được các cơ hội tốt từ thị trường.

Chi phí bán hàng ở mức 135,2 tỷ đồng, giảm 55,2 tỷ đồng (-29,0%) so với năm trước. Tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu ở mức 7,8%, giảm 2,0 điểm % so với năm trước, chủ yếu do chi phí cước biển, logistic giảm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp ở mức 170,2 tỷ đồng, tăng 104,2 tỷ đồng (+157,9%) so với năm trước. Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu ở mức 9,8%, tăng 6,1 điểm % so với năm trước, chủ yếu do công ty tăng cường các hoạt động kiểm soát, quản trị rủi ro, tăng chi phí trích lập dự phòng.

Chi phí tài chính ở mức 75,6 tỷ đồng, tăng 26,6 tỷ đồng (+54,3%) so với năm trước, chủ yếu do chi phí lãi vay tăng 18,3 tỷ đồng (+66,7%). Tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu đạt 2,6%, tăng 1,0 điểm % so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 lần đầu tiên vượt mốc 100 tỷ đồng kể từ khi niêm yết (năm 2015), khi đạt 109,9 tỷ đồng, tăng 30,1 tỷ đồng (+37,7%) so với năm trước. Biên lợi nhuận sau thuế đạt 6,3%, tăng 1,8 điểm % so với năm 2022.

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Nafoods Group hoạt động theo mô hình tập đoàn và tổ chức quản lý theo mô hình tập trung. Theo đó Công ty mẹ đóng vai trò như một “Trung tâm dịch vụ chia sẻ”, hỗ trợ kết nối và đảm bảo sự vận hành xuyên suốt, để đạt được các mục tiêu chiến lược chung của cả Tập đoàn. Do đó, hoạt động đầu tư ở Công ty mẹ chủ yếu bao gồm các hoạt động M&A, tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con, đơn vị thành viên, hoặc góp vốn đầu tư phát triển các dự án mới để hoàn thiện chuỗi giá trị của Tập đoàn.

Trong khi đó, tại các công ty con, đơn vị thành viên có sở hữu các nhà máy và hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp, hoạt động đầu tư chủ yếu là đầu tư dự án xây dựng nhà máy mới, mở rộng công suất, và các hoạt động đầu tư thường xuyên khác như sửa chữa, bảo trì nhà xưởng, máy móc thiết bị...

Hoạt động đầu tư dự án

Năm 2023, về hoạt động đầu tư dự án, Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên – Công ty con của Công ty – đã hoàn thành đưa vào vận hành tổ hợp nông nghiệp công nghệ cao Tây Nguyên (từ tháng 06/2023), giúp nâng cao công suất xử lý nguyên liệu quả chanh leo, với mục tiêu trở thành trung tâm chanh leo của Châu Á.



Hoạt động M&A

Về hoạt động M&A, trong năm, Nafoods Group đã hoàn tất các giao dịch M&A quan trọng như sau:

Nâng sở hữu tại Công ty CP Thực phẩm Nghệ An

Mục đích: Công ty CP Thực phẩm Nghệ An sở hữu nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An có diện tích 5ha, công suất 7.000 tấn sản phẩm nước ép cô đặc/năm và 4.000 tấn sản phẩm IQF/năm. Đây là đơn vị chuyên gia công các sản phẩm nước ép, IQF từ Chanh leo, Dứa, Chuối, Vải, Gấc... cho Tập đoàn từ năm 2002 đến nay, đóng góp phần lớn trong tổng sản lượng và doanh thu hàng năm của Tập đoàn.

Việc nâng sở hữu tại đơn vị này từ 5% lên 99,9% giúp Nafoods kiểm soát hoàn toàn đơn vị này, quản lý và vận hành theo mô hình quản trị tập trung của Tập đoàn, qua đó dễ dàng hơn trong việc thống nhất các đường lối chính sách, định hướng phát triển và phê duyệt dự án đầu tư.

Phương thức giao dịch: Mua cổ phần từ các cổ đông hiện hữu khác để nâng sở hữu từ 5% lên 99,9%

Giá trị đầu tư: 217,7 tỷ đồng

Thời gian thực hiện: Giao dịch được thực hiện vào ngày 01/07/2023. Kể từ ngày này, Công ty CP Thực phẩm Nghệ An chính thức trở thành công ty con và được hợp nhất vào Báo cáo tài chính Hợp nhất của Tập đoàn.

Nâng sở hữu tại Công ty CP Thực phẩm Tây Bắc

Mục đích: Công ty CP Nafoods Tây Bắc sở hữu nhà máy sản xuất dịch Chanh leo có hạt tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có diện tích 2ha và công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm. Đây là công ty liên kết (Nafoods sở hữu 35%) chuyên thu mua nguyên liệu quả chanh leo tại khu vực Tây Bắc và Bắc Trung Bộ về sản xuất/gia công sản phẩm dịch chanh leo cho Tập đoàn.

Việc nâng sở hữu tại đơn vị này từ 35% lên 99,9% (từ công ty liên kết thành công ty con) giúp Nafoods kiểm soát hoàn toàn đơn vị này, quản lý và vận hành theo mô hình quản trị tập trung của Tập đoàn, qua đó dễ dàng hơn trong việc thống nhất các đường lối chính sách, định hướng phát triển và phê duyệt dự án đầu tư.

Phương thức giao dịch: Mua cổ phần từ các cổ đông hiện hữu khác để nâng sở hữu từ 35% lên 99,9%

Giá trị đầu tư: 64,9 tỷ đồng

Thời gian thực hiện: Giao dịch được thực hiện vào ngày 01/07/2023. Kể từ ngày này, Công ty CP Nafoods Tây Bắc chính thức trở thành công ty con và được hợp nhất vào Báo cáo tài chính Hợp nhất của Tập đoàn.

Các giao dịch này đều đã được HĐQT thông qua và công bố thông tin theo quy định. Giá mua được quyết định dựa trên đánh giá của Ban điều hành và Báo cáo định giá của đơn vị định giá độc lập uy tín.



Tình hình tài chính

Cơ cấu tài sản

Quy mô tổng tài sản hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023 đạt 2.043,2 tỷ đồng, tăng 17,2% so với năm trước, Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 12,9%, tài sản dài hạn đạt tăng 77,9% so với cuối năm 2022

CHỈ TIÊU	31/12/2023		31/12/2022		TĂNG TRƯỞNG
	Tỷ đồng	% Tổng tài sản	Tỷ đồng	% Tổng tài sản	+/-%
Tài sản ngắn hạn	1.016,6	49,8%	1.166,8	66,9%	12,9%
Tiền và tương đương tiền	62,4	3,1%	54,0	3,1%	15,6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	119,9	5,9%	12,5	0,7%	861,5%
Phải thu ngắn hạn	497,6	24,4%	907,8	52,1%	45,2%
Hàng tồn kho	267,2	13,1%	157,8	9,0%	69,4%
Tài sản ngắn hạn khác	69,5	3,4%	34,7	2,0%	100,5%
Tài sản dài hạn	1.026,6	50,2%	577,0	33,1%	77,9%
Các khoản phải thu dài hạn	105,6	5,2%	98,5	5,6%	7,2%
Tài sản cố định	664,1	32,5%	418,1	24,0%	58,8%
Tài sản dở dang dài hạn	12,4	0,6%	3,0	0,2%	319,0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,0	0,1%	21,0	1,2%	90,5%
Tài sản dài hạn khác	242,6	11,9%	36,4	2,1%	566,6%
Tổng tài sản	2.043,2	100,0%	1.743,7	100,0%	17,2%

Tài sản ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2023, tài sản ngắn hạn đạt 1.016,6 tỷ đồng, giảm 12,9% so với thời điểm 31/12/2022, chủ yếu do phải thu ngắn hạn giảm mạnh. Tài sản ngắn hạn chiếm 49,8% trong cơ cấu tổng tài sản, giảm so với mức 66,9% năm 2022.

Tổng các khoản Tiền & tương đương tiền và Đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi ngân hàng) cuối năm 2023 đạt 182,3 tỷ đồng, tăng 2,7 lần so với cuối năm trước, chiếm 8,9% tổng tài sản, so với mức 3,8% của năm 2022.

Phải thu ngắn hạn tại 31/12/2023 đạt 497,6 tỷ đồng, giảm mạnh 45,2% so với cuối năm trước, chỉ còn chiếm 24,4% tổng tài sản, so với mức 52,1% của năm trước. Phải thu ngắn hạn giảm chủ yếu do các khoản phải thu khác giảm sau giao dịch M&A Công ty CP Thực phẩm Nghệ An và Công ty CP Nafoods Tây Bắc. Trong khi các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 12,9%, đạt 348,4 tỷ cuối năm 2023, do chính sách công nợ phải thu của Công ty được kiểm soát chặt chẽ hơn. Đồng thời Công ty cũng tăng cường trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu có rủi ro chậm thu hồi như các khoản phải thu đối với các khách hàng ở mảng sẩy xuất khẩu thị trường Nga bị ảnh hưởng bởi chiến tranh.

Hàng tồn kho tại 31/12/2023 đạt 267,2 tỷ đồng, tăng 69,4% so với cuối năm trước, chiếm 13,1% tổng tài sản. Hàng tồn kho tăng chủ yếu do biến động mang tính thời điểm khi cuối năm nay, Công ty chủ động tích trữ hàng tồn kho cao hơn để tận dụng các cơ hội tốt từ thị trường.

Tài sản dài hạn

Tại thời điểm 31/12/2023, tài sản dài hạn hợp nhất của Công ty đạt 1.026,6 tỷ đồng, tăng 77,9% so với cuối năm trước, chủ yếu do giao dịch hợp nhất Công ty CP Thực phẩm Nghệ An và Công ty CP Nafoods Tây Bắc làm tài sản cố định và khoản lợi thế thương mại tăng mạnh. Tỷ lệ tài sản dài hạn trong cơ cấu tổng tài sản đạt 50,2%, tăng so với mức 33,1% cuối năm 2022.



Cơ cấu nguồn vốn

CHỈ TIÊU	31/12/2023		31/12/2022		TĂNG TRƯỞNG 2023 sv 2022
	Tỷ đồng	% Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	% Tổng nguồn vốn	+/-%
Nợ phải trả	1.055,3	51,6%	851,6	48,8%	23,9%
Nợ ngắn hạn	964,5	47,2%	772,3	44,3%	24,9%
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	80,0	3,9%	126,3	7,2%	-36,7%
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	746,9	36,6%	578,5	33,2%	29,1%
<i>Các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác</i>	137,7	6,7%	67,5	3,9%	104,1%
Nợ dài hạn	90,8	4,4%	79,3	4,5%	14,5%
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	62,4	3,1%	74,9	4,3%	-16,6%
<i>Các khoản nợ phải trả dài hạn khác</i>	28,3	1,4%	4,4	0,3%	540,7%
Vốn chủ sở hữu	988,0	48,4%	892,2	51,2%	10,7%
Vốn góp của chủ sở hữu	629,2	30,8%	629,2	36,1%	0,0%
Thặng dư vốn cổ phần	67,2	3,3%	67,2	3,9%	0,0%
Quỹ đầu tư phát triển	59,1	2,9%	59,1	3,4%	0,0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	231,5	11,3%	135,9	7,8%	70,4%
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0,9	0,0%	0,7	0,0%	20,8%
Tổng Nguồn vốn	2.043,2	100,0%	1.743,7	100,0%	17,2%

Vốn chủ sở hữu hợp nhất tại ngày 31/12/2023 đạt 988,0 tỷ đồng, tăng 10,7% so với năm trước, chiếm 48,4% tổng nguồn vốn.

Tổng nợ vay ngắn và dài hạn tại ngày 31/12/2023 đạt 809,3 tỷ đồng, tăng 23,9% so với năm trước. Tổng nợ vay trên tổng nguồn vốn đạt 39,6%, tăng so với mức 37,5% của năm 2022.



Chỉ số tài chính

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2023	31/12/2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Chỉ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,05	1,51
Chỉ số thanh toán nhanh	Lần	0,78	1,31
Chỉ tiêu về cấu trúc vốn			
Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,52	0,49
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,07	0,95
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,82	0,73
Nợ vay/EBITDA	Lần	3,25	3,99
Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu khách hàng	Vòng	4,63	3,98
Vòng quay khoản phải trả nhà cung cấp	Vòng	12,25	8,91
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,95	9,57
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,92	1,04
Chỉ tiêu về tỷ suất sinh lời			
Biên lợi nhuận sau thuế	%	6,3%	4,5%
Biên EBITDA	%	14,4%	9,3%
ROE	%	11,1%	8,9%
ROA	%	5,4%	4,6%

Khả năng thanh toán

Chỉ số thanh toán ngắn hạn của Công ty giảm khá mạnh trong năm 2023 chủ yếu do hoạt động đầu tư M&A trong kỳ. Tuy nhiên, chỉ số này vẫn duy trì trên ngưỡng 1.0 lần, cho thấy rủi ro mất thanh khoản thấp.

Cấu trúc vốn

Dù các chỉ tiêu đòn cân nợ tăng so với năm trước, nhưng chỉ tiêu Nợ vay/EBITDA trong năm giảm về mức 3.25 lần, nhờ EBITDA cải thiện mạnh, cho thấy khả năng trả nợ của Công ty đang dần cải thiện.

Hiệu quả hoạt động

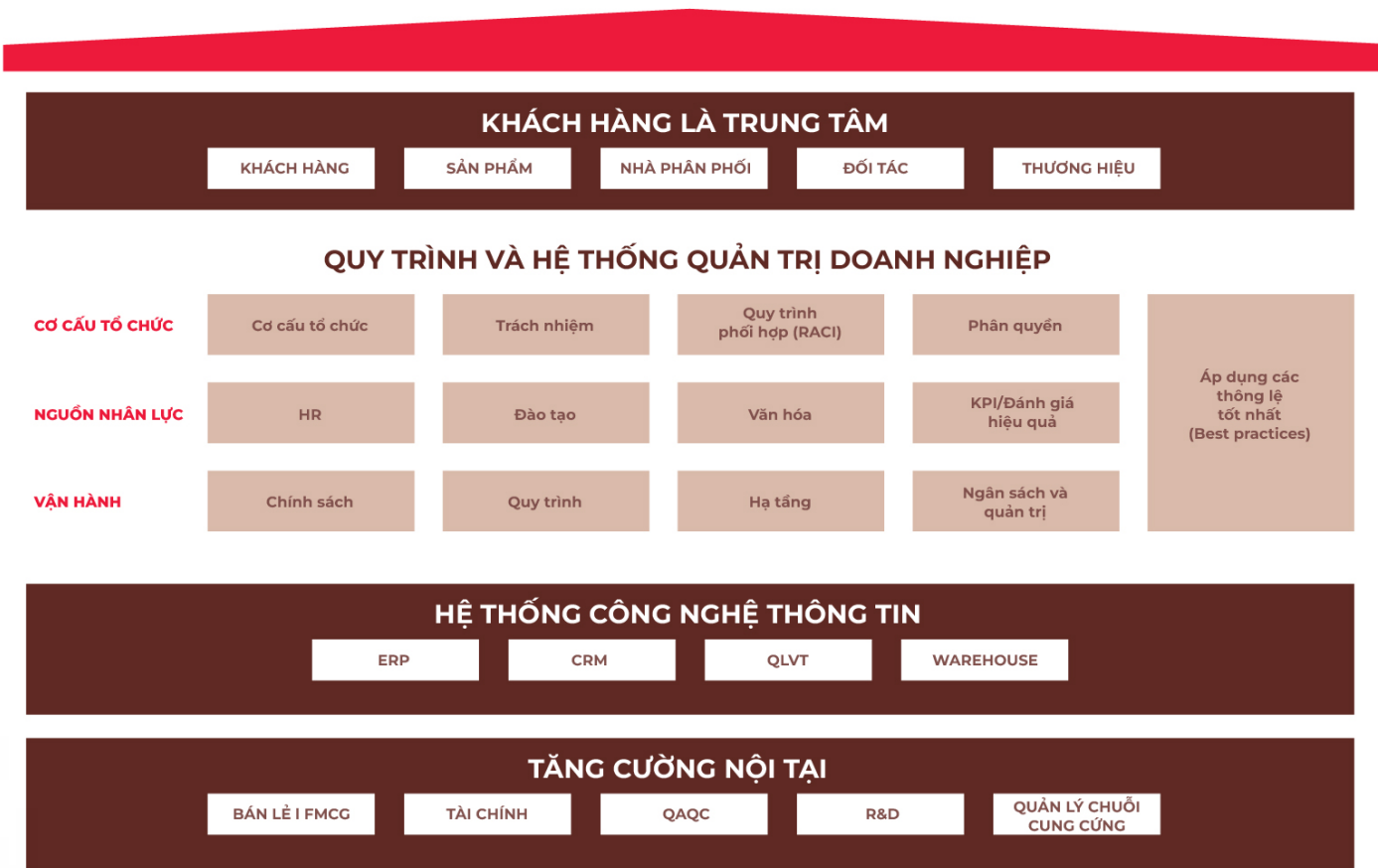
Vòng quay khoản phải thu khách hàng năm qua cải thiện nhờ chính sách thu hồi công nợ được kiểm soát chặt chẽ hơn. Trong khi vòng quay khoản phải trả nhà cung cấp tăng khá do trong năm Công ty mua nhiều nguyên liệu quả từ người nông dân và các tổ hợp tác/hợp tác xã với số ngày thanh toán thấp hơn.

Tỷ suất sinh lời

EBITDA và Lợi nhuận sau thuế tăng giúp cải thiện mạnh các chỉ tiêu tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu và tổng tài sản.

Cải tiến về hệ thống quản trị

Năm 2023, ngoài việc đạt được kết quả kinh doanh khả quan, Nafoods Group còn đạt được thành tựu quan trọng trong định hướng chiến lược 2023 – 2028, khi cơ bản hoàn tất quá trình chuyển đổi mô hình quản trị doanh nghiệp, làm tiền đề cho giai đoạn mở rộng và tăng trưởng sắp tới. Sự chuyển đổi này tập trung vào bốn trọng tâm chính bao gồm:



Khách hàng là trung tâm: tập trung vào việc hiểu rõ nhu cầu, mong muốn, và phản hồi của khách hàng thông qua việc thu thập dữ liệu và tương tác chặt chẽ. Phát triển sản phẩm dựa trên thông tin thu thập được từ khách hàng, với mục tiêu cải thiện trải nghiệm và tăng cường giá trị cho khách hàng. Xây dựng mối quan hệ mạnh mẽ với nhà phân phối và đối tác để đảm bảo sản phẩm được phân phối và cung cấp một cách hiệu quả.

Tăng cường năng lực nội tại: Đầu tư vào việc phát triển và nâng cao năng lực trong các lĩnh vực quan trọng như bán lẻ, tài chính, kiểm soát chất lượng, nghiên cứu và phát triển, quản lý chuỗi cung ứng.

Hệ thống công nghệ thông tin: Triển khai và tối ưu hóa các hệ thống công nghệ thông tin như ERP (Enterprise Resource Planning), CRM (Customer Relationship Management), hệ thống quản lý kho, và các ứng dụng phục vụ phát triển vùng trồng, truy xuất nguồn gốc.

Hệ thống quy trình và quản trị doanh nghiệp: áp dụng các thông lệ tốt nhất để thiết lập hệ thống quy trình và quản trị doanh nghiệp phù hợp với đặc thù của bối cảnh của Tập đoàn, bao gồm: (1) Thiết lập cơ cấu tổ chức linh hoạt và hiệu quả, kèm theo quy trình phối hợp và phân quyền rõ ràng; (2) Đầu tư vào quản lý nhân sự, đào tạo, tuyển dụng gắn với xây dựng văn hóa và giá trị cốt lõi, đánh giá hiệu quả thông qua cơ chế KPI minh bạch, rõ ràng; và (3) Thiết lập và duy trì các chính sách, quy trình, cơ sở hạ tầng, và quản lý ngân sách hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



Các kết quả đạt được trong năm 2023:

Quản trị Vận hành

Năm 2023, chúng tôi đã xây dựng được một cơ chế quản trị dựa trên việc thiết lập hệ thống các quy trình SOP cho các chức năng/bộ phận quan trọng. Bằng cách áp dụng các thông lệ tốt nhất trên thị trường, chúng tôi đã tiến hành rà soát toàn bộ hệ thống quy trình, chức năng nhiệm vụ, hệ thống mô tả công việc, hướng dẫn công việc của Tập đoàn để đảm bảo tính phối hợp, tuân thủ, phân quyền và kiểm soát rõ ràng. Kết quả, trong năm 2023, 83 quy trình SOP mới đã được ban hành và cập nhật, giúp cải thiện hiệu quả vận hành, nâng cao năng suất, hiệu suất làm việc và giảm thiểu sai sót, lãng phí.

**“83 QUY TRÌNH
SOP MỚI ĐƯỢC
BAN HÀNH VÀ
CẬP NHẬT”**

Quản trị Tài chính

Hệ thống quản trị tài chính của Công ty năm qua được tiếp tục hoàn thiện, với các công cụ dự báo và phân tích tài chính tiên tiến giúp quản lý ngân sách, theo dõi và tối ưu hóa lợi nhuận. Công ty cũng đã thiết lập các quy trình chặt chẽ để quản lý dự báo (forecast) và thực hiện các phân tích rủi ro tài chính, qua đó cải thiện sự chính xác trong các quyết định đầu tư và chi tiêu. Kết quả, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE của Công ty năm qua cải thiện rõ rệt, đạt 11,1%, tăng 2,2 điểm % so với năm trước.

**ROE 11,1%,
+2,2%
sv năm trước**

Quản trị Nguồn vốn

Trong năm vừa qua, công tác quản trị nguồn vốn của Tập đoàn đã đạt được các thành tựu đáng kể. Bằng cách tối ưu hóa vòng quay vốn lưu động và tăng cường quản lý chặt chẽ các khoản phải thu (AR) và phải trả (AP), giúp giảm thiểu thời gian chờ đợi trong chu kỳ thu chi, từ đó tăng cường khả năng thanh khoản của Công ty. Việc này được thực hiện nhờ xây dựng được hệ thống kiểm soát dòng tiền, vốn lưu động, chỉ số tài chính. Ngoài ra, việc thiết lập các hạn mức vốn phù hợp cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo rằng không mắc phải tình trạng thiếu hụt hoặc dư thừa vốn không cần thiết. Điều này không chỉ giúp Công ty giảm bớt chi phí vốn mà còn tạo ra nguồn lực tài chính dồi dào để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh và đầu tư.

Kết quả, trong năm 2023, Công ty đã duy trì và mở rộng mối quan hệ hợp tác, làm việc với hơn mười ngân hàng, tổ chức tín dụng, nâng hạn mức tín dụng lên 1.200 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với năm trước. Chỉ số nợ vay trên EBITDA được kiểm soát ở mức an toàn 3,25 lần, giảm so với mức gần 4 lần của năm trước.

**Hạn mức tín
dụng (bn VND)
1200 tỷ
+100% sv 2022
+10
tổ chức tín dụng**



Quản trị Nguồn lực

Trong năm, Công ty đã bổ sung nhiều nhân sự mới cho các vị trí chuyên môn quan trọng, chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực thông qua việc đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân viên, nhấn mạnh vào giá trị cốt lõi và tạo điều kiện cho sự phát triển cá nhân. Điều này đã tạo ra một đội ngũ nhân viên có năng lực cao, gắn kết và đóng góp lớn vào sự phát triển của công ty.

Đồng thời, trong năm vừa qua, nhằm thúc đẩy tinh thần, khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, chúng tôi đã thành công trong việc thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả công việc thông qua các chỉ số hiệu suất (KPI) minh bạch và rõ ràng. Cơ chế này được liên kết chặt chẽ với kết quả hoạt động của từng cá nhân, phòng ban và bộ phận, giúp tăng cường quản lý và đánh giá hiệu quả của tổ chức.



Quản trị cơ sở hạ tầng thông tin (ITIM)

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện đầu tư và nâng cấp cho hệ thống hạ tầng IT để tăng cường bảo mật và hiệu suất hệ thống thông tin. Việc này không chỉ hỗ trợ cho quá trình quản lý và vận hành mà còn mở ra cơ hội mới trong việc phát triển sản phẩm và dịch vụ.



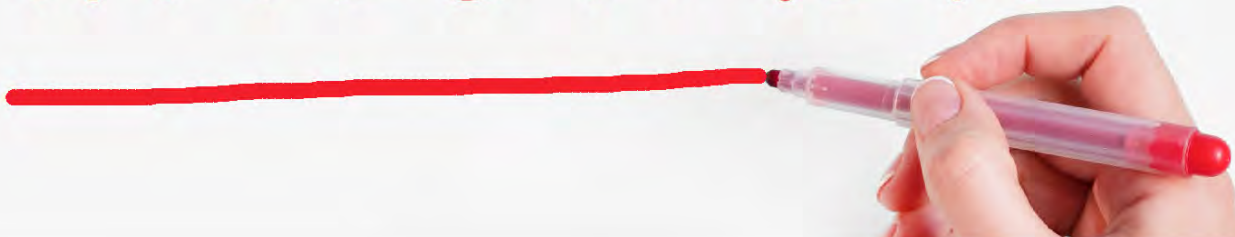
Quản trị Đầu tư & Thực hiện Dự án

Về công tác quản trị đầu tư và thực hiện dự án, trong năm, Công ty đã hoàn tất thiết lập quy trình đầu tư và thực hiện dự án chặt chẽ, từ việc đánh giá, lựa chọn dự án, phân bổ nguồn lực đến giám sát và đánh giá hiệu quả. Quy trình này giúp tối ưu việc sử dụng vốn và tài nguyên, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của mỗi dự án.

Kết quả, trong năm, Công ty đã hoàn tất đầu tư và đưa vào hoạt động hành tổ hợp nông nghiệp công nghệ cao Tây Nguyên (từ tháng 06/2023), giúp nâng cao công suất xử lý nguyên liệu quả chanh leo, với mục tiêu trở thành trung tâm chanh leo của Châu Á.



INVESTMENT



Kế hoạch kinh doanh 2024

Nhìn chung năm 2024, dự báo các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Lạm phát ở một số nền kinh tế lớn nhiều khả năng vẫn ở mức cao do tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt. Nợ công tiếp tục gia tăng. Tăng trưởng thương mại toàn cầu tiếp tục xu hướng thấp, chịu ảnh hưởng từ cạnh tranh địa chính trị diễn biến căng thẳng, khó lường. Áp lực từ giá dầu thô, lương thực biến động mạnh, tăng lãi suất kéo dài ở nhiều quốc gia...

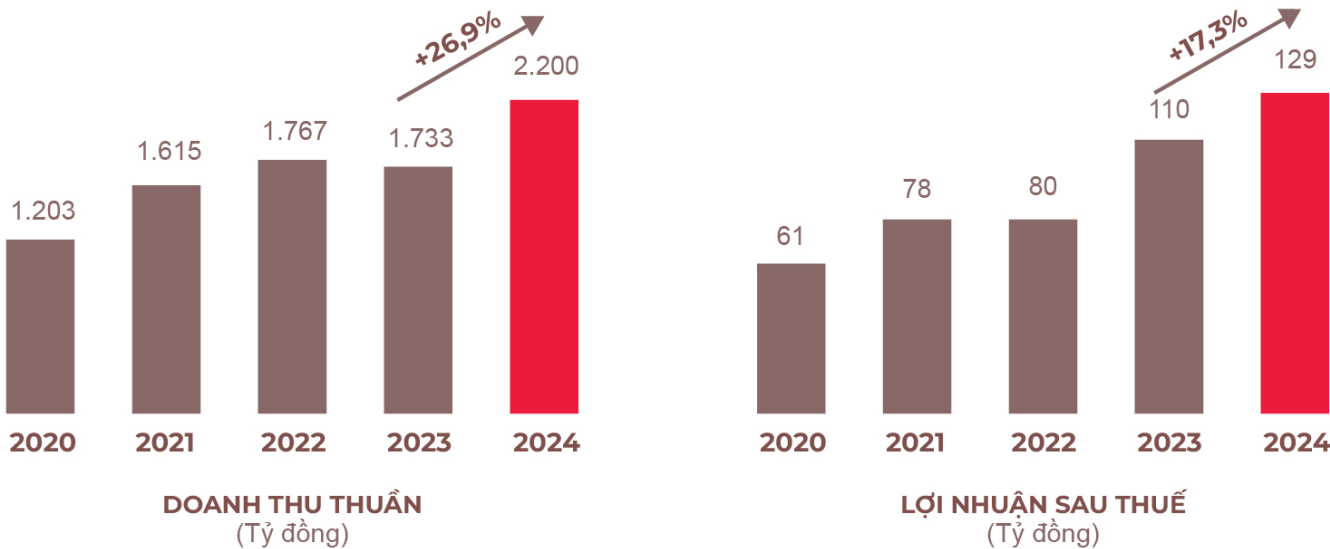
Trong bối cảnh đó, Ban điều hành nhận định, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nafoods dự kiến cũng sẽ phải đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức. Cụ thể:

- Giá các loại nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, và diễn biến bất ổn trong khi áp lực cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong bối cảnh thương mại toàn cầu không mấy sáng sủa ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty;
- Căng thẳng địa chính trị ảnh hưởng đến giá dầu, chi phí vận chuyển, logistic;
- Áp lực lạm phát, tăng lãi suất ảnh hưởng đến chi phí lãi vay và khả năng huy động vốn của Công ty.

Tuy nhiên, với những nền tảng đã đạt được trong năm 2023 nêu trên, Ban điều hành tin tưởng và sẽ cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên cam kết đoàn kết, nỗ lực phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

Các mục tiêu chính:

- Doanh thu thuần: 2,200 tỷ đồng, tăng 26.9% so với thực hiện năm 2023.
- Lợi nhuận sau thuế: 129 tỷ đồng, tăng 17.3% so với thực hiện năm 2023.
- Duy trì và củng cố vị thế Top 3 nhà xuất khẩu trái cây tại Việt Nam quản lý theo hướng bền vững
- Duy trì và củng cố vị thế Top 1 thị phần cây giống chanh leo tại Việt Nam
- Xây dựng thành công thương hiệu sản phẩm tiêu dùng nội địa
- Top 1 về diện tích và khả năng quản lý vùng trồng trái cây tại Việt Nam đáp ứng tiêu chuẩn Global Gap



Định hướng:

Kinh doanh:

- Kinh doanh công nghiệp: Phát triển thị trường Trung Quốc, Úc bên cạnh duy trì và củng cố vị thế tại thị trường Châu Âu, Châu Mỹ. Phát triển các sản phẩm mới: sầu riêng, nước cốt dừa, chanh leo quả tươi.
- Kinh doanh tiêu dùng nội địa: Tập trung nguồn lực mở rộng và phát triển kênh MT để thúc đẩy tăng trưởng doanh thu. Xây dựng 160 điểm bán tiêu chuẩn toàn quốc, trong đó mỗi nhân viên kinh doanh quản lý 150 khách hàng cửa hàng tiện lợi.
- Kinh doanh sấy xuất khẩu: Tập trung phát triển và mở rộng thị trường châu Mỹ và châu Âu. Các sản phẩm sấy dẻo chủ lực: xoài, mít, chanh leo. Thêm 2 sản phẩm mới là đu đủ và măng cầu.
- Kinh doanh giống: Củng cố lại nguồn lực và giữ vững vị thế đứng đầu tại Việt Nam. Tối ưu nguồn lực, tiết giảm chi phí, kiểm soát thời gian lưu kho, nâng cao độ đồng đều và chất lượng của cây giống.

Đầu tư, thực hiện dự án:

Thực hiện đầu tư mở rộng năng lực kho bảo quản, kho cấp đông; xây dựng nhà xưởng, nâng công suất IQF, nước ép, sấy... và đầu tư cho hệ thống ITIM của Tập đoàn.

Phát triển hệ thống và nguồn lực:

- Xây dựng hệ thống data warehouse, hệ thống các báo cáo quản trị tự động, hệ thống bảo mật thông tin nhằm hệ thống hóa, giảm công việc mang tính thủ công (manual), tăng cường hiệu suất làm việc, quản lý thông tin hiệu quả, tối ưu hóa quy trình làm việc và tăng cường tính bảo mật.
- Tiếp tục nâng cao năng lực, kỹ năng, kiến thức đội ngũ thông qua tăng cường các khóa đào tạo từ Tập đoàn, đào tạo liên phòng ban, và đào tạo nội bộ phòng ban. Trọng tâm đào tạo các kỹ năng: marketing intelligence, kiến thức nông nghiệp, kỹ năng bán hàng, quản lý công việc



Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

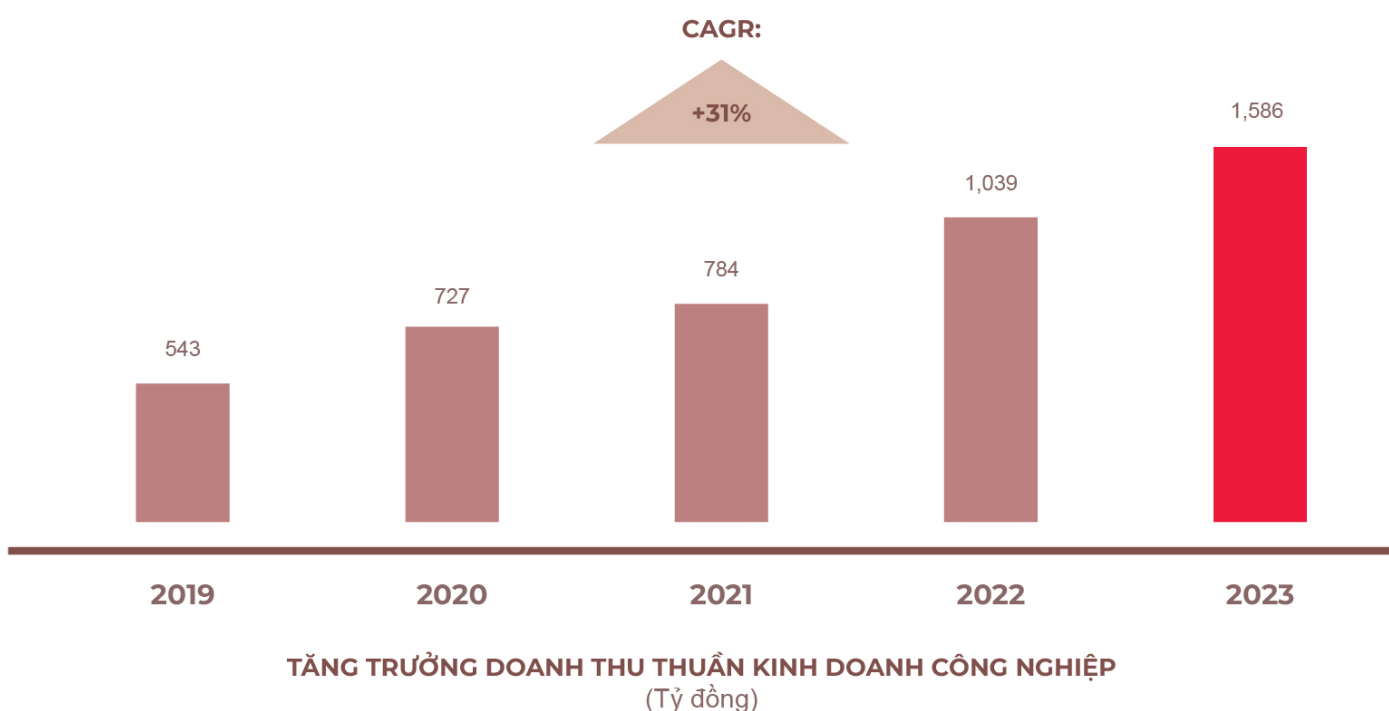
Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2023, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều khó khăn và biến động lớn như căng thẳng địa chính trị và suy thoái kinh tế, lạm phát và lãi suất tăng cao... ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ hàng hoá của các thị trường lớn như Châu Âu, Mỹ, Trung Quốc. Tuy vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nafoods Group năm qua vẫn ghi nhận nhiều kết quả nổi bật.

Ngành kinh doanh công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng cao

Năm 2023, Doanh thu thuần của Công ty đạt 1.733,3 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,9% so với năm trước, đạt 81,6% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 giao phó.

Nguyên nhân chủ yếu khiến doanh thu thuần giảm và không đạt kế hoạch là do ngành kinh doanh sấy xuất khẩu tiếp tục sụt giảm mạnh do ảnh hưởng bởi căng thẳng Nga – Ukraine. Trong khi đó, ngành kinh doanh công nghiệp tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ấn tượng với doanh thu thuần đạt 1,586 tỷ đồng, tăng 21,2% so với cùng kỳ, đóng góp chủ yếu vào kết quả doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

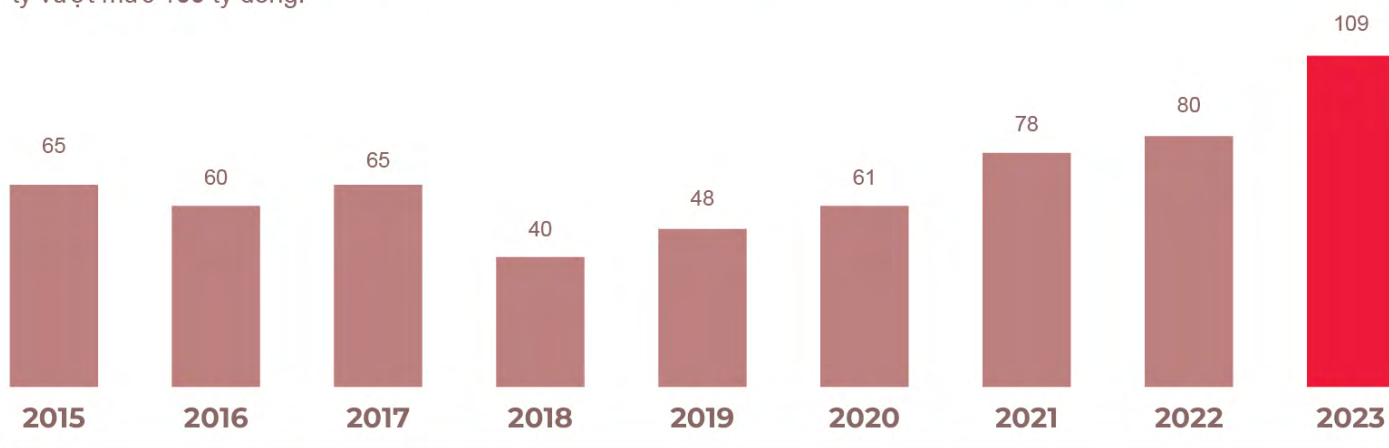




Nafoods tham gia hội chợ Anuga tại Đức

Vượt kế hoạch lợi nhuận

Dù không đạt kế hoạch doanh thu, nhờ việc quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả hơn, giúp tận dụng được các cơ hội tốt từ thị trường, và quản lý các chi phí hoạt động, chi phí tài chính hiệu quả, kết quả lợi nhuận sau thuế của Công ty năm qua ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, khi đạt 109,9 tỷ đồng, tăng 37,7% so với năm trước, vượt 3,7% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 giao phó. Đây cũng là năm đầu tiên kể từ khi niêm yết, lợi nhuận sau thuế của Công ty vượt mức 100 tỷ đồng.



LỢI NHUẬN SAU THUẾ (Tỷ đồng)



Quay trở lại thị trường nội địa

Năm 2023 cũng là năm đánh dấu sự quay trở lại thị trường nội địa của Nafoods, bước khởi đầu và tạo tiền đề cho một động lực tăng trưởng mới trong chiến lược phát triển của Tập đoàn 2023 – 2028. Trong năm, Bộ phận Kinh doanh tiêu dùng của Công ty đã phát triển được 60 điểm bán ở thị trường nội địa, 2 hệ thống sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất, 3 chuỗi siêu thị lớn: Muji, Coopfineline, Famer Market. Cùng với việc đưa sản phẩm Quả tươi Nafoods 1 vào hệ thống siêu thị Big C và Winmart. Đặc biệt, vào những tháng cuối năm 2023, Công ty đã cho ra mắt thành công 20 SKUs dòng sản phẩm trái cây sấy, nước ép và các loại hạt, mẫu mã bao bì đa dạng và bắt mắt, kỳ vọng sẽ giúp cải thiện doanh số của ngành kinh doanh này trong năm 2024.



Sản phẩm Chanh dây ngọt Nafoods ra mắt tại chuỗi siêu thị Winmart

Hợp nhất thành công Công ty CP Thực phẩm Nghệ An và Công ty CP Nafoods Tây Bắc

Trong năm, Tập đoàn cũng đã hoàn tất hai giao dịch M&A, mua cổ phần nâng sở hữu tại Công ty CP Thực phẩm Nghệ An và Công ty CP Nafoods Tây Bắc lên 99,9%, qua đó hợp nhất hai đơn vị này vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn từ 01/07/2023. Đây là hai đơn vị sở hữu hai nhà máy, mắt xích quan trọng trong chiến lược phát triển của Tập đoàn. Việc đầu tư nâng sở hữu tại hai đơn vị này giúp Tập đoàn kiểm soát hoàn toàn các đơn vị này, quản lý và vận hành theo mô hình quản trị tập trung của Tập đoàn, qua đó dễ dàng hơn trong việc thống nhất các đường lối chính sách, định hướng phát triển và phê duyệt dự án đầu tư.

Đưa hạng mục nhà máy chế biến chanh leo Nafoods Tây Nguyên đi vào vận hành

Tháng 06/2023, Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên – Công ty con của Công ty – cũng đã hoàn thành đưa vào vận hành hạng mục nhà máy chế biến chanh leo tại Tổ hợp nông nghiệp công nghệ cao Nafoods Tây Nguyên, giúp nâng cao công suất xử lý nguyên liệu quả chanh leo, với mục tiêu trở thành trung tâm chanh leo của Châu Á.



Quy trình sản xuất IQF xoài tại nhà máy ở Gia Lai - Tây Nguyên

Hoàn tất chuyển đổi mô hình quản trị

Về công tác quản trị, Nafoods đã chính thức tái cơ cấu theo mô hình chuyên nghiệp, áp dụng quản trị vào hệ thống làm tiền đề cho giai đoạn mở rộng và tăng trưởng sắp tới. Bên cạnh đó, công ty cũng đã bổ sung nhiều nhân sự mới cho các vị trí chuyên môn quan trọng, tập trung cho công tác đào tạo và nâng cao chất lượng, chú trọng vào phát triển và ươm mầm nguồn nhân lực. Công ty đã tái cấu trúc và tối ưu hóa hệ thống quy trình vận hành thông qua việc áp dụng các phần mềm quản lý tiên tiến như CRM, SRM, Fast Business Online... giúp giảm thiểu thời gian xử lý, nâng cao năng suất làm việc.

Trách nhiệm môi trường & xã hội

Với các vấn đề môi trường & xã hội, trong năm 2023 Tập đoàn đã có nhiều nỗ lực cụ thể cho chiến lược phát triển bền vững, trong đó nổi bật nhất là các hoạt động phát triển vùng trồng, đồng hành cùng bà con nông dân, thông qua việc ký kết các hợp đồng hợp tác phát triển vùng trồng. Việc này vừa giúp chúng tôi ổn định được nguồn cung nguyên liệu đầu vào (trái cây) về các nhà máy sản xuất trong hệ thống, đảm bảo số lượng và chất lượng đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu, đảm bảo truy suất được nguồn gốc; vừa giúp người nông dân nâng cao hiệu quả đầu tư, ổn định thu nhập.

Bên cạnh đó, năm qua, Tập đoàn cũng đã và đang triển khai nhiều sáng và biện pháp khác nhau nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính bao gồm than được thay thế hoàn toàn bằng sinh khối (mùn cưa và hạt chanh leo) trong vận hành lò hơi, triển khai các chương trình nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, thu gom và xử lý nước thải, thay thế thiết bị chiếu sáng hiệu quả, ... tại các cơ sở sản xuất của Nafoods. Ngoài ra, Nafoods đã và đang tích cực triển khai các sáng kiến khí hậu gắn liền với năng lượng sạch. Cụ thể, Nafoods đã kết hợp với các đối tác để lắp đặt và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái tại Nhà máy Nasoco để sử dụng nguồn năng lượng tái tạo cho hoạt động tiêu thụ điện tại chỗ.

Báo cáo giám sát của HĐQT đối với Ban Điều Hành

Cách thức và nội dung giám sát

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của pháp luật hiện hành, năm 2023 HĐQT thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hoạt động điều hành của Ban điều hành. HĐQT đã làm việc trực tiếp với Ban điều hành theo các nội dung mà HĐQT xét thấy cần thiết để chủ động chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành được thực hiện thông qua các hình thức như:

- Tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì, thông qua các báo cáo, Tờ trình của Tổng Giám đốc, trên cơ sở đó triển khai kế hoạch kinh doanh đồng bộ đến các công ty trong hệ thống Nafoods Group, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, xây dựng các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023, thông qua các nội dung quan trọng trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025, các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Tổ chức chỉ đạo, giám sát thực hiện nghiêm túc chế độ các Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính soát xét, Báo cáo thường niên 2022. Kiểm tra công tác tài chính kế toán, giám sát tính tuân thủ của Ban điều hành.

- Bám sát việc thực thi Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT và nghiêm chỉnh thực hiện các nội dung đã thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT theo đúng quy định của Điều lệ, và quy chế hoạt động của Công ty.

- Thường xuyên và đột xuất kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của Ban điều hành.

- Tham gia các cuộc họp định kỳ của Ban điều hành, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, trên cơ sở đó có ý kiến chỉ đạo kịp thời để điều chỉnh các giải pháp quản lý và sản xuất một cách linh hoạt và đạt hiệu quả cao.

- HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ các Quý, kiểm tra, giám sát công tác tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Công ty của Ban điều hành, đảm bảo đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Tiến hành giám sát hoạt động kinh doanh, kiểm soát nội bộ tại các Công ty trong hệ thống Nafoods Group.

- Giám sát việc công bố thông tin và nộp các báo cáo theo quy định hiện hành, đảm bảo minh bạch, kịp thời theo đúng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.

Kết quả giám sát

Thông qua hoạt động giám sát cho thấy:

- Năm 2023, TGD đã tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Công ty đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ủy ban Kiểm toán tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty.

- Ban điều hành đã duy trì tốt lịch họp hàng tháng, quý để tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm để điều chỉnh các giải pháp quản lý và sản xuất một cách linh hoạt và đạt hiệu quả cao.

Năm 2023, một năm với những thách thức to lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn định cao, với những kết quả đạt được HĐQT đánh giá: Tổng Giám đốc và Ban điều hành tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty. Đặc biệt, Ban điều hành đã làm tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành vượt chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHCĐ thường niên giao phó, đảm bảo ổn định thu nhập, việc làm cho người lao động trong toàn hệ thống.

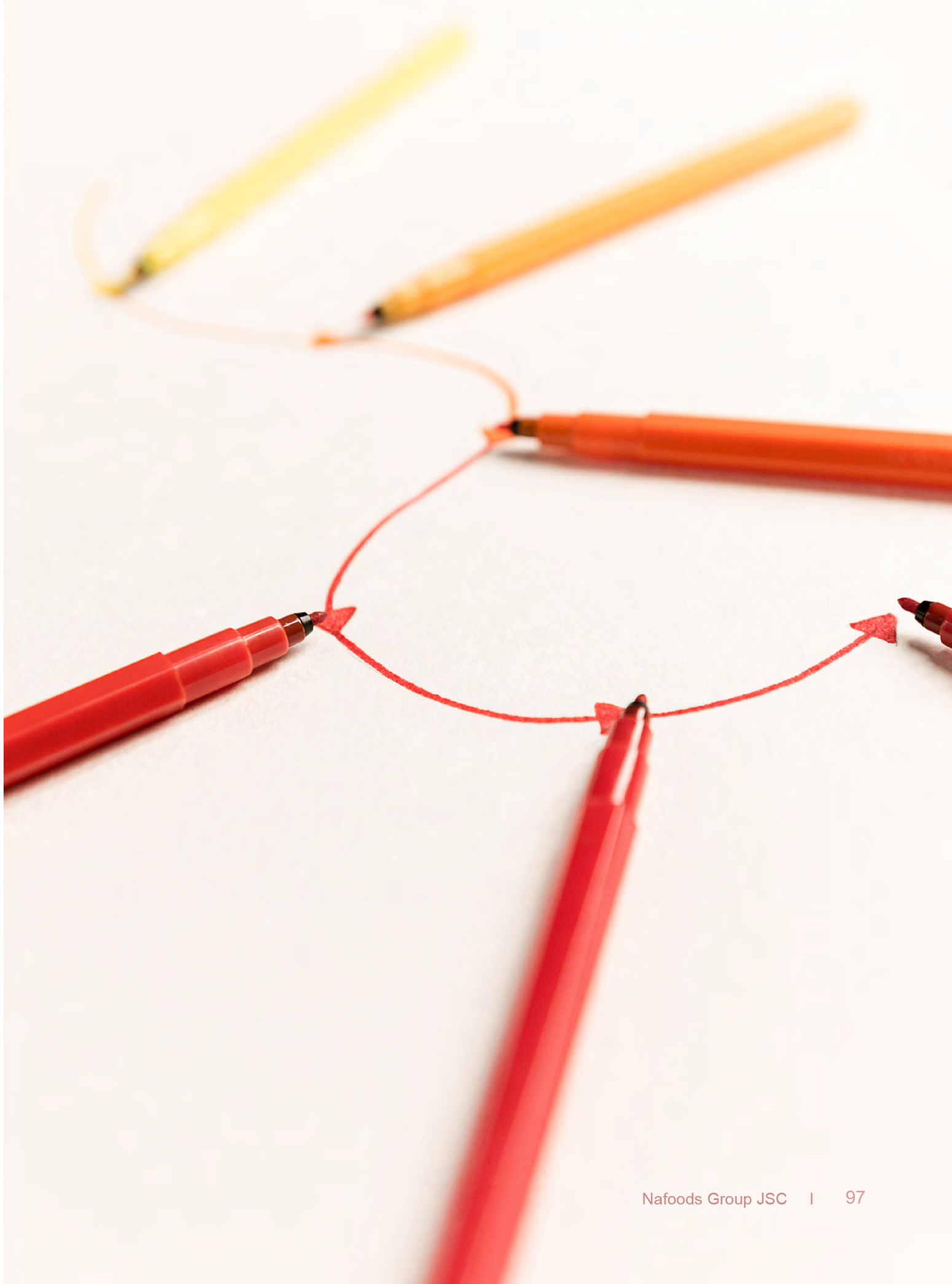


Kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2024

Năm 2024, HĐQT tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT, với phương hướng hoạt động cụ thể như sau:

- Thông qua cập nhật chiến lược 2024 -2028 của toàn Tập đoàn.
- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm và giám sát việc triển khai kế hoạch kinh doanh theo định kỳ hàng tháng cũng như hỗ trợ BĐH các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm đạt được các mục tiêu định hướng và kế hoạch kinh doanh và các chỉ số tài chính đã cam kết với Cổ đông của Công ty năm 2024.
- Tăng cường công tác Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, triển khai các cuộc kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được duyệt.
- Chỉ đạo và tham gia hỗ trợ tìm kiếm thêm khách hàng mới, phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng cũng như kế hoạch ứng phó với tình hình kinh tế - chính trị hiện nay và đảm bảo hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra.
- Chỉ đạo và tham gia hỗ trợ hoạt động M&A, hoạt động quan hệ cổ đông, huy động vốn để đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra.
- Chỉ đạo việc Công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.





03

Quản trị công ty

- 96** Hội đồng quản trị
- 99** Ủy ban Kiểm toán
- 101** Kiểm toán nội bộ & Quản trị rủi ro
- 104** Các giao dịch, thù lao, tiền thưởng và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH 2023
- 106** Đánh giá thực hiện các quy định về quản trị công ty 2023





I. Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2023, HĐQT tiếp tục bám sát các Nghị quyết ĐHĐCĐ, tổ chức, triển khai và nghiêm chỉnh thực hiện các nội dung đã thông qua tại ĐHĐCĐ. Các thành viên HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã thực thi các nhiệm vụ một cách đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, và các quy chế hoạt động của Công ty.

Cơ cấu tổ chức của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT	01/09/2021	
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó chủ tịch HĐQT	23/05/2020	
3	Ông Johan Nyvene	Thành viên HĐQT độc lập	23/05/2020	
4	Ông Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	23/05/2020	
5	Ông Nguyễn Phi Bằng	Thành viên HĐQT	30/11/2023	
6	Ông Johan De Geer	Thành viên HĐQT	23/05/2020	30/11/2023
7	Bà Phan Thị Minh Châu	Thành viên HĐQT	23/05/2020	27/04/2023
8	Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	23/05/2020	27/04/2023

Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2023

Trong năm 2023 HĐQT đã tiến hành tổ chức 09 cuộc họp HĐQT trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản để thảo luận và thông qua các nội dung quan trọng trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh. Số buổi họp và tỷ lệ tham dự họp của các Thành viên HĐQT cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Điền Thị Lan Phương	9/9	100%
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	9/9	100%
3	Ông Johan Nyvene	9/9	100%
4	Ông Phạm Duy Thái	9/9	100%
5	Ông Nguyễn Phi Bằng	1/1	100%
6	Ông Johan De Geer	8/8	100%
7	Bà Phan Thị Minh Châu	4/5	80%
8	Ông Nguyễn Tiến Chinh	5/5	100%

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/NQ-HĐQT	10/01/2023	- Thông qua định hướng xây dựng chiến lược các mảng hoạt động của Công ty, giai đoạn 2023 – 2026. - Thông qua Kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2023.	100%
2	02/2023/NQ-HĐQT	02/02/2023	- Thông qua việc bãi nhiệm chức danh Phó chủ tịch HĐQT, thành viên Ủy ban Kiểm toán đối với Bà Phan Thị Minh Châu. Thông qua việc Công ty CP Nafoods Group mua tài sản của Công ty CP Thực phẩm Nghệ An.	60%
3	03/2023/NQ-HĐQT	28/02/2022	- Thông qua việc đề nghị cho thuê tài chính tại VILC. - Công ty CP Nafoods Group đồng ý bảo lãnh nghĩa vụ thực hiện hợp đồng cho các Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods, Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên, Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam.	71%
4	04/2023/NQ-HĐQT	01/03/2023	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	100%
5	05/2023/NQ-HĐQT	05/04/2023	- Thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên. - Thông qua việc bãi nhiệm, bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty CP Nafoods Group.	100%
6	06/2023/NQ-HĐQT	30/06/2023	- Thông qua hủy bỏ việc Công ty CP Nafoods Group mua tài sản của Công ty CP Thực phẩm Nghệ An theo nội dung Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐQT ngày 02/02/2023 - Thông qua việc Công ty CP Nafoods Group mua thêm cổ phần tại Công ty CP Thực phẩm Nghệ An.	100%
7	08/2023/NQ-HĐQT	25/09/2023	- Thông qua báo cáo kết quả làm việc với Nhà đầu tư IFC về việc thực hiện giao dịch mua thêm cổ phần tại Công ty CP Nafoods Tây Bắc và Công ty CP Thực phẩm Nghệ An. - Thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Tây Nguyên 2 – giai đoạn 2. - Thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 đối với Ông Lars Johan Gerard De Geer – thành viên đại diện Quỹ Endurance Capital I. - Thông qua việc tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT đối với Ông Lars Johan Gerard De Geer – Đại diện Quỹ Endurance Capital, bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025.	100%
8	09/2023/NQ-HĐQT	09/10/2023	- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. - Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện các thủ tục, công việc cần thiết để chốt danh sách cổ đông và tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	100%
9	10/2023/NQ-HĐQT	13/12/2023	- Thông qua Báo cáo sơ lược của Ban điều hành về tình hình Sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2024. - Thông qua việc thay đổi chức danh Chủ tịch các Ủy ban trực thuộc HĐQT (Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Đầu tư).	100%

2. Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập

Trong năm, thành viên HĐQT độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và có những ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề được HĐQT đưa ra thảo luận; tham gia giám sát, định hướng và hỗ trợ hoạt động của Ban điều hành theo sự phân công của HĐQT.

Thành viên HĐQT độc lập đã có nhiều đóng góp cho hoạt động của HĐQT nói riêng và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung, với nguyên tắc chủ động, độc lập trong các hoạt động của HĐQT tham gia giám sát, hỗ trợ, chỉ đạo Ban điều hành theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

3. Hoạt động của các ủy ban trực thuộc HĐQT

Ủy ban chiến lược, nhân sự và lương thưởng

Trong năm 2023, Ủy ban chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã thực hiện hỗ trợ tham mưu, soát xét các văn bản liên quan đến chiến lược nhân sự, lương thưởng của hệ thống trước khi trình HĐQT, thực hiện công việc giám sát các hoạt động liên quan đến Chiến lược, nhân sự và lương thưởng của Ban điều hành.

Ủy ban đã tiếp tục giám sát và tham mưu cho kế hoạch tái cấu trúc Công ty nhằm tạo nguồn sức khỏe tài chính lành mạnh, giúp Công ty phát triển bền vững; thực hiện hỗ trợ tham mưu cho HĐQT xây dựng cơ cấu thành viên HĐQT, thành viên BDH; xem xét và phê duyệt chính sách, tiêu chuẩn và phẩm chất, năng lực thành viên HĐQT, BDH và các cấp quản lý; chính sách đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT và BDH.

Ủy ban đã chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện quy trình, đề xuất các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên các tiêu chí trong bộ đánh giá của công ty.

Đồng thời, đánh giá năng lực, soát xét hồ sơ ứng viên cho các vị trí trực thuộc HĐQT, BDH; tham mưu HĐQT, BDH các chính sách thu hút nhân tài, các chương trình đào tạo nhân sự kế thừa và các khóa học Quản trị công ty dành cho thành viên HĐQT và các nhân sự chủ chốt.

Ủy ban kiểm toán

Năm 2023, Ủy ban kiểm toán đóng vai trò tham mưu, hỗ trợ HĐQT thông qua việc thực thi các hoạt động kiểm tra, đánh giá rủi ro, rà soát việc tuân thủ quy trình, quy định của Tập đoàn, đưa ra các ý kiến độc lập, khách quan, đã thể hiện vai trò của mình thông qua các công việc sau:

- Ủy ban kiểm toán đã chỉ đạo phòng Kiểm soát nội bộ tiếp cận, tìm hiểu, đánh giá hệ thống/ phối hợp với các Đơn vị/ Khối/ phòng Ban để các Đơn vị/ Khối/ phòng Ban đăng ký rủi ro, đánh giá rủi ro và lập kế hoạch giảm thiểu rủi ro. Định kỳ hàng quý, Ủy ban Kiểm toán đã tham gia trao đổi với công ty kiểm toán, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro nhằm nắm bắt kịp thời tình hình tài chính, xem xét đánh giá các rủi ro trong quá trình hoạt động và hướng phòng ngừa, khắc phục, đảm bảo việc tuân thủ các quy định, quy trình của Công ty.
- Thực hiện củng cố hệ thống quy trình, quy chuẩn cho các khối phòng ban, thông qua soát xét, đào tạo lập và đánh giá chất lượng các quy trình chính sách cần có, đồng thời soát xét đánh giá phương án để hạn chế và giảm thiểu rủi ro đã được nhận diện từ các khối phòng ban. Kiểm tra, giám sát hoạt động tuân thủ hệ thống quy trình của các đơn vị trong công ty và đưa ra kiến nghị nhằm kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ, quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro.
- Soát xét và đóng góp ý kiến cho việc hoàn thiện hệ thống thông tin ERP và các kho dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin, phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, kế hoạch hóa và kiểm soát nội bộ.
- Giám sát hoạt động của Ban Điều hành về việc triển khai thực hiện việc chấp hành các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT thông qua hoạt động. Đại diện UBKT tham gia các cuộc họp định kỳ của Ban điều hành, ghi nhận, đánh giá kết quả SXKD và đóng góp ý kiến cho kế hoạch kinh doanh.
- Thực hiện việc soát xét BCTC đã được kiểm toán năm 2022, BCTC soát xét và các BCTC hàng quý, nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu trên BCTC và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty, đảm bảo phù hợp với chuẩn mực Chế độ kế toán, quy định pháp luật hiện hành.
- Tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty.

Ủy ban Đầu tư

Trong năm 2023, Ủy ban Đầu tư đã thực hiện vai trò của mình trong các nội dung sau:

- Tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện các dự án do Tập đoàn là chủ đầu tư và hoạt động đầu tư của các công ty trong hệ sinh thái Nafoods.
- Xem xét, phê duyệt các báo cáo nghiên cứu khả thi trước khi trình HĐQT.
- Thẩm định chiến lược đầu tư (đầu tư, M&A, liên doanh, liên kết) của tập đoàn do TGD trình, trình HĐQT.
- Chỉ đạo, giám sát và báo cáo HĐQT về việc thực thi các điều khoản cam kết với cổ đông và nhà đầu tư (bao gồm IFC, Finnfund, các cổ đông là nhà đầu tư tài chính quốc tế, và các cổ đông nhỏ, trong nước).

II. Ủy ban kiểm toán

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban kiểm toán

Tại ngày 31/12/2023, UBKT có 02 thành viên, giảm 01 thành viên trong cơ cấu thành viên so với năm 2022. Cụ thể thông tin các thành viên được tóm tắt như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên	Trình độ chuyên môn
1	Ông Johan Nyvene	Chủ tịch UBKT	30/09/2022	Cử nhân tài chính
2	Bà Điền Thị Lan Phương	Thành viên UBKT	18/10/2021	Cử nhân tài chính

2. Các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

Trong năm 2023, UBKT đã tổ chức 03 cuộc họp với đầy đủ thành viên tham gia. Ngoài ra, các thành viên của UBKT thường xuyên làm việc, trao đổi công việc qua email, điện thoại để làm rõ những vấn đề chuyên môn liên quan và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất.

STT	Thành viên UBKT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Ông Johan Nyvene	3/3	100%	100%	
2	Bà Điền Thị Lan Phương	3/3	100%	100%	
3	Bà Phan Thị Minh Châu	0	0%	0%	Miễn nhiệm từ ngày 10/01/2023

3. Hoạt động Giám sát của UBKT đối với HĐQT, BĐH và cổ đông

Trong năm 2023, các thành viên UBKT tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp tháng của BĐH. Đóng góp ý kiến, chỉ đạo thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, BĐH, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đồng thời, tham mưu, hỗ trợ HĐQT thông qua việc thực thi các hoạt động kiểm tra, đánh giá rủi ro, rà soát việc tuân thủ quy trình, quy định của Tập đoàn, đưa ra các ý kiến độc lập, khách quan.

- UBKT giám sát hoạt động của BĐH về việc triển khai thực hiện và chấp hành các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi nhận, đánh giá kết quả SXKD và đóng góp ý kiến cho Kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, định kỳ yêu cầu các phòng ban chuyên trách thực hiện báo cáo và cung cấp thông tin liên quan đến quản trị Công ty.
- Thực hiện soát xét BCTC đã được kiểm toán năm 2023, BCTC soát xét và các BCTC hàng quý, nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu trên BCTC và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty, đảm bảo phù hợp với chuẩn mực Chế độ kế toán, quy định pháp luật hiện hành.
- Thực hiện giám sát và đánh giá tuân thủ tại Công ty, dựa trên kết quả đó đưa ra các khuyến nghị một cách hữu hiệu nhằm hỗ trợ đạt được các mục tiêu định hướng của Tập Đoàn.
- Việc thực hiện bổ nhiệm và miễn nhiệm các thành viên trong cơ cấu thành viên Hội Đồng Quản Trị và BĐH năm 2023 đã được thực hiện lấy ý kiến của Cổ đông và đúng theo quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ Công ty.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa UBKT đối với các hoạt động của HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác

UBKT phối hợp chặt chẽ với đối với hoạt động của HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác. Hàng tháng, UBKT tham gia đầy đủ các cuộc họp thường trực HĐQT, cuộc họp ĐHCĐ, tham gia đóng góp ý kiến, phản biện các báo cáo của BĐH. Từ đó kịp thời tham mưu, đưa ra các giải pháp khi BĐH yêu cầu hỗ trợ, trao đổi với các Thành viên HĐQT đối với các vấn đề cấp độ HĐQT cần xem xét, biểu quyết.

- Các thành viên BĐH, các cán bộ quản lý khác luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu thông tin phục vụ công tác giám sát của UBKT. Đồng thời, cập nhật thông tin, tình hình triển khai các kế hoạch hành động tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ, các điều chỉnh cơ cấu, vai trò, trách nhiệm tương ứng cho các thành viên trong UBKT.
- Định kỳ hàng quý trao đổi với công ty kiểm toán, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro nhằm thực hiện hiệu quả và kịp thời việc xem xét đánh giá tình hình tài chính, quản lý rủi ro trong quá trình hoạt động và hướng phòng ngừa, đảm bảo việc tuân thủ quy định, quy trình của Công ty, đồng thời báo cáo đầy đủ hoạt động của UBKT đến Hội đồng Quản trị.

5. Kết quả giám sát của UBKT

Giám sát Báo cáo tài chính

- Các báo cáo tài chính bán niên và năm được thành lập và công bố phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và quy định pháp luật hiện hành.
- Trong năm không có sự thay đổi nào trong chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu đến tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố.
- Không phát hiện sai sót trọng yếu hoặc gian lận liên quan đến các ước tính kế toán.
- Không ghi nhận bất kỳ các trường hợp phát sinh giao dịch bất thường giữa các bên liên quan.
- UBKT đã thực hiện xem xét BCTC các quý, BCTC bán niên và BCTC năm 2023 trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm toán của Kiểm toán độc lập, nhất trí với kết luận và những đánh giá của đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Theo đó, BCTC được lập và trình bày trung thực, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập

- Kết quả thực hiện kiểm toán 2023 của Công ty Kiểm toán độc lập là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu của Công ty, đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của Kiểm toán độc lập.
- Công ty Kiểm toán độc lập đã hoàn thành nhiệm vụ và đáp ứng kỳ vọng của UBKT, đảm bảo độ tin cậy, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.

Giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ

- Việc áp dụng bộ phân quyền tập trung cho Tập đoàn được thực hiện tuân thủ và chấp hành nhằm đảm bảo việc giao quyền, phân quyền ra quyết định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo nguyên tắc kiểm tra chéo, phân cấp phân quyền với mục tiêu hạn chế rủi ro.
- Các quy trình nghiệp vụ được ban hành, cập nhật, hướng dẫn thực hiện và quản lý bởi từng đơn vị chuyên trách. Việc tuân thủ các quy trình được thực hiện tốt và có xu hướng tích cực theo thời gian áp dụng. Hệ thống kiểm soát nội bộ được liên tục hoàn thiện, nhằm đảm bảo khuôn khổ thực thi hữu hiệu trong giai đoạn tái cơ cấu tổ chức.
- Quy trình lập – soát xét – phê duyệt chiến lược 2023-2028 đã và đang được thực hiện chuẩn hóa, hoàn thiện.

Giám sát hệ thống kiểm toán nội bộ & quản trị rủi ro

- Phòng Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro được thành lập tuân thủ quy định pháp luật hiện hành. Quy chế Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Công ty Cổ Phần Nafoods Group được thông qua và ban hành theo Nghị Quyết 03/2022/NQ/HĐQT ngày 04 tháng 04 năm 2022 bởi Hội đồng quản trị.
- Kiểm toán nội bộ chủ động thực hiện các hoạt động phối hợp, tư vấn trong hoạt động quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ thay vì chỉ thực hiện các cuộc kiểm toán, đánh giá thuần túy.
- Các cuộc kiểm toán đánh giá đã được thực hiện định kỳ, đột xuất theo chỉ đạo của UBKT dựa trên định hướng rủi ro và hoàn thành tốt trong phạm vi thời gian và nguồn lực cho phép.
- Các khuyến nghị và cảnh báo của Kiểm toán nội bộ được đơn vị đồng thuận, tiếp thu và nghiêm túc thực hiện thông qua các báo cáo cải thiện định kỳ và được theo dõi sát sao, góp ý thường xuyên bởi Kiểm toán nội bộ.
- Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành nhiệm vụ cũng như chỉ đạo của UBKT theo kế hoạch được giao, góp phần vào cải thiện quy trình quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Hoạt động truyền thông về Quản trị rủi ro đã được thực hiện hướng đến các đối tượng như các Thành viên HĐQT, BĐH, Giám đốc các đơn vị và cán bộ quản lý cấp trung. Đồng thời, nâng cao năng lực lập kế hoạch (hoạt động, ngân sách, thời hạn & độ chính xác) và tính tuân thủ kế hoạch ngân sách.

- Tổ chức nhận diện cùng BDH 10 rủi ro ưu tiên hàng đầu mà Công ty cần đưa ra giải pháp kiểm soát hữu hiệu nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu hoạt động năm 2024 cũng như chiến lược giai đoạn 2023 - 2028. Hoạt động đánh giá rủi ro được thực hiện định kỳ, theo dõi và giám sát liên tục nhằm kịp thời đưa ra các phương án ứng phó rủi ro phù hợp.

6. Định hướng hoạt động của UBKT năm 2024

Năm 2024, UBKT sẽ tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động tuân thủ hệ thống quy trình của các đơn vị trong công ty và đưa ra kiến nghị nhằm kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ, quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro.

- Soát xét và đóng góp ý kiến cho việc hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chuẩn cho các khối/phòng ban cũng như hệ thống thông tin ERP và các kho dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin, phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, kế hoạch hóa và kiểm soát nội bộ.
- Ứng dụng chương trình “Yêu cầu cải tiến” vào hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo các khuyến nghị và cảnh báo trong hoạt động kiểm tra, giám sát được các khối/phòng ban được thực hiện đầy đủ.
- Xây dựng hệ thống “Quản trị rủi ro” để theo dõi và giám sát liên tục nhằm đánh giá Top 10 rủi ro Tập đoàn và danh mục rủi ro của các khối/phòng ban, nhằm cập nhật, điều chỉnh và có các phương án ứng phó rủi ro phù hợp, kịp thời.
- Thực hiện lên kế hoạch định kỳ và đột xuất cho các công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị - đầu tư của BDH. Đảm bảo việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị đưa ra, từ đó thực hiện ghi nhận, đánh giá kịp thời thành tích của BDH, đưa ra các khuyến nghị, góp ý cho kế hoạch kinh doanh của BDH trong năm 2024 nhằm tiến tới mục tiêu chiến lược 2023 - 2028 và kế hoạch năm 2024 của Tập Đoàn.
- Thực hiện duy trì và phối hợp mối quan hệ giữa UBKT và BDH nhằm thúc đẩy phát huy tốt vai trò của Kiểm toán nội bộ trong Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông văn hóa Quản trị rủi ro doanh nghiệp đến các phòng ban, HĐQT và các thành viên BDH, Giám đốc các đơn vị và các cán bộ quản lý nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động chung của Tập Đoàn.

III. Kiểm toán nội bộ & quản trị rủi ro

1. Kiểm toán nội bộ

Phòng Kiểm toán nội bộ được thành lập chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp bởi Ủy Ban Kiểm toán, chủ động thực hiện các hoạt động phối hợp, tư vấn trong hoạt động quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ thay vì chỉ thực hiện các cuộc kiểm toán, đánh giá thuần túy.

Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành nhiệm vụ cũng như chỉ đạo của Ủy ban Kiểm toán theo kế hoạch được giao, góp phần vào cải thiện quy trình quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Trong năm 2023, Phòng Kiểm toán Nội bộ của Tập đoàn Nafoods đã kiểm tra, rà soát và đánh giá các hoạt động kinh doanh và biện pháp tuân thủ của các đơn vị trong Tập đoàn Nafoods, với các hoạt động sau:

Lập kế hoạch kiểm toán

Thực hiện đánh giá rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thuộc Tập Đoàn phục vụ cho việc lập kế hoạch kiểm toán theo định hướng rủi ro. Các khía cạnh xem xét trong cuộc kiểm toán bao gồm nhưng không giới hạn ở các khía cạnh tài chính – tuân thủ - hoạt động.

Từ định hướng rủi ro và xác định nguồn lực nội tại của Kiểm toán nội bộ, thực hiện lên kế hoạch kiểm toán năm trên cơ sở các đơn vị thuộc Tập Đoàn.

Triển khai kế hoạch kiểm toán

Thực hiện triển khai các cuộc kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán năm đã được thông qua và đột xuất theo chỉ đạo của Ủy Ban Kiểm toán, Hội Đồng Quản Trị:

Quản trị công ty

- Rà soát, đánh giá hoạt động tuân thủ quy trình, quy định, điều lệ của nội bộ công ty và pháp luật hiện hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị thuộc tập đoàn.
- Đánh giá mức độ phù hợp và hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định, đưa ra các khuyến nghị đề xuất nhằm kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế phòng ngừa rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra đánh giá tính chính xác, trung thực và hợp lý các số liệu của báo cáo quản trị, báo cáo tài chính, xác định độ tin cậy của các thông tin tài chính và phi tài chính phục vụ cho hoạt động đưa ra quyết định kinh doanh.
- Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ và kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và đề xuất biện pháp hoàn thiện cũng như nâng cao hiệu lực và hiệu quả của quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ. Thực hiện giám sát triển khai kết quả thực hiện khuyến nghị kiểm toán.
- Hoàn thành các hạn mục khác theo chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị, Ủy Ban Kiểm toán.

2. Quản trị rủi ro

Năm 2023 đánh dấu bước phát triển mới của công tác quản trị rủi ro tại Tập đoàn. Rủi ro được quản trị xuyên suốt không chỉ ở cấp Tập Đoàn mà tại cấp đơn vị phòng - ban, nhằm khai thác tối đa các cơ hội và giảm thiểu rủi ro, tối ưu hóa lợi ích của nhà đầu tư, đối tác, và của Tập Đoàn.

Mô hình tổ chức quản trị rủi ro

Cơ quan, bộ phận	Vai trò của quản trị rủi ro
Hội đồng quản trị	Thực hiện ban hành các quy chế, chiến lược, quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của bộ máy Quản trị rủi ro.
Tổng giám đốc	Giám sát, đảm bảo hoạt động Quản trị rủi ro được thực hiện xuyên suốt phù hợp với chiến lược và chính sách Quản trị rủi ro
Bộ phận Quản trị rủi ro thuộc phòng Kiểm toán nội bộ	Phối hợp với các đơn vị, phòng ban thực hiện Quản trị rủi ro thông qua các công cụ quản lý, quy trình Quản trị rủi ro tại Tập Đoàn

Các hoạt động nổi bật trong năm 2023

Công tác quản trị rủi ro được thực hiện triển khai, truyền thông đến các cấp quản lý Tập đoàn về văn hóa quản trị rủi ro áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 31000 cũng như các thông lệ có liên quan đến quản trị rủi ro bao gồm các bước:

Nhận diện rủi ro

Xác định ở mức tối đa các rủi ro có thể ảnh hưởng đến mục tiêu của Tập đoàn, nguồn gốc và khả năng ảnh hưởng của các rủi ro thông qua nghiên cứu, tìm hiểu trong từng lĩnh vực kinh doanh, soát xét danh mục và nhóm rủi ro, nhận diện các yếu tố về rủi ro và cập nhật danh mục rủi ro của Tập đoàn;

Phân tích rủi ro

Xem xét nguồn gốc của rủi ro, phân tích mức độ ảnh hưởng và tần suất xảy ra rủi ro trên hai khía cạnh định lượng và định tính;

Đánh giá thứ tự ưu tiên rủi ro

Xếp hạng và đánh giá thứ tự ưu tiên của rủi ro dựa trên các tiêu chí đánh giá rủi ro được xây dựng trên nhiều phương diện, bao gồm cả định lượng và định tính;

Xử lý rủi ro

Xác định phương án xử lý rủi ro, đánh giá, lựa chọn giải pháp và triển khai kế hoạch xử lý rủi ro tương ứng, với mục tiêu nắm bắt cơ hội, đồng thời giảm thiểu những tác động tiêu cực mà rủi ro gây ra;

Giám sát rủi ro

Liên tục soát xét nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của chương trình Quản trị rủi ro.
Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động QTRR, hoạt động truyền thông, đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro đã được thực hiện hướng đến HĐQT và các thành viên Ban điều hành, Giám đốc các đơn vị và cán bộ quản lý cấp trung, toàn bộ nhân viên nhằm nâng cao trách nhiệm của cán bộ công nhân viên trong hoạt động quản trị rủi ro, hình thành văn hóa “Quản trị rủi ro” trong Tập đoàn.

Quản trị các nhóm rủi ro chính

Thực hiện quản trị các rủi ro theo phân nhóm rủi ro dựa theo danh mục đã xây dựng. Theo đó các rủi ro được phân nhóm dựa theo đặc thù của ngành nghề, lĩnh vực, tác động và mức độ ảnh hưởng của nó đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập Đoàn.

Nhóm rủi ro vĩ mô và thị trường kinh doanh

- Thực hiện các giải pháp nhằm theo dõi chặt chẽ các xu hướng biến đổi của thị trường bao gồm giá thu mua, chi phí đầu vào, để đưa ra các dự báo theo từng kỳ, từ đó đưa ra được các phương án kinh doanh phù hợp trong tình hình thị trường biến động.

- Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi và đồng nhất hệ thống ERP nhằm tiết kiệm chi phí quản lý và kiểm soát giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh của Tập Đoàn.

Nhóm rủi ro hoạt động công nông nghiệp và chuỗi cung ứng

- Xây dựng các chính sách đồng hành cùng nông dân tại vùng trồng, nông hộ, đưa ra các chính sách đầu tư hợp lý giúp duy trì nguồn cung nguyên vật liệu cung ứng cho sản xuất.
- Triển khai các chính sách thúc đẩy và chuyển giao, hỗ trợ kỹ thuật đến các nông hộ nhằm tạo động lực thúc đẩy gia tăng sản xuất và nâng cao sản lượng nguyên vật liệu.

Nhóm rủi ro về thương hiệu và danh tiếng

- Thực hiện xây dựng các quy chuẩn, quy trình hoàn thiện hệ thống đánh giá các khủng hoảng về truyền thông cũng như các thông tin tiêu cực nhằm đưa ra các phương án ứng phó nhanh chóng và phù hợp
- Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc công bố thông tin định kỳ cũng như bất thường. Với việc tôn trọng giá trị đầu tư của các cổ đông, chúng tôi nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin một cách đầy đủ, minh bạch và kịp thời.

Nhóm rủi ro về môi trường

- Thường xuyên thực hiện theo dõi diễn biến thời tiết cũng như điều kiện môi trường thổ nhưỡng tại các vùng nguyên vật liệu thông qua phần mềm theo dõi vùng trồng, từ đó đưa ra các cảnh báo kịp thời về nguy cơ sâu hại dịch bệnh có thể xảy ra và các biện pháp đề phòng.
- Lựa chọn những vùng nguyên liệu, vùng sản xuất an toàn, được quy hoạch và ít có rủi ro bị ô nhiễm, cử cán bộ kỹ thuật sát cánh cùng các hộ dân kiểm soát quy trình và chất lượng.

Nhóm rủi ro về tài chính

- Thực hiện mở rộng, đa dạng hóa nguồn vốn huy động
- Lập và quản lý ngân sách theo từng hạng mục quản lý nhằm giảm thiểu ảnh hưởng rủi ro do lạm phát. Thực hiện giám sát và tuân thủ quy trình liên quan đến lập và quản lý ngân sách.
- Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất thông qua theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường tiền tệ, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, bộ phận Tài chính của Tập đoàn dự tính, phân tích độ nhạy và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược đầu tư tài chính theo tình hình hiện tại và kiểm soát rủi ro lãi suất nằm trong giới hạn quản lý của mình.
- Thường xuyên theo dõi và cập nhật các chính sách tín dụng cũng như văn bản pháp luật mới liên quan đến hệ thống tín dụng, ngân hàng, đảm bảo các thông tin tài chính phù hợp nhằm điều chỉnh hoạt động huy động vốn phù hợp và kịp thời.

Nhóm rủi ro về quản trị nguồn nhân lực

- Mở rộng nguồn tuyển dụng nhân lực, duy trì và hoàn thiện hệ thống đánh giá năng lực dựa trên tiêu chí công bằng, minh bạch với lộ trình phát triển rõ ràng.
- Thường xuyên nắm bắt thị trường lao động để cải thiện và đưa ra các chính sách đãi ngộ phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.
- Duy trì và thực hiện đào tạo nguồn nhân lực kế thừa đối với vị trí chủ chốt trong Tập Đoàn.

Nhóm rủi ro về an toàn và bảo mật thông tin

- Đào tạo về chính sách bảo mật thông tin, thường xuyên cảnh báo, và truyền thông về cách sử dụng và bảo vệ thiết bị Công nghệ thông tin và tài nguyên thông tin phù hợp với chính sách bảo mật thông tin của Tập Đoàn.
- Duy trì giám sát hệ thống, nâng cao quản lý mạng lưới thông tin nội bộ.

Nhóm rủi ro tuân thủ và pháp lý

- Chủ động nghiên cứu vận dụng các quy định mới để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả trên tinh thần thượng tôn pháp luật.
- Ban hành, sửa đổi và cập nhật các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với những thay đổi, phát triển của Tập đoàn và của môi trường bên ngoài, đặc biệt là hệ thống chính sách pháp luật hiện hành.

Nhóm rủi ro bất khả kháng

- Theo dõi sâu sát diễn biến, đưa ra các biện pháp phòng chống kịp thời và hợp lý, đồng thời áp dụng các sáng kiến kinh doanh giúp giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sự kiện đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn.
- Thường xuyên theo dõi các diễn biến chính trị có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, đặc biệt đối với các khu vực xuất khẩu chịu ảnh hưởng để có phương án kinh doanh phù hợp.

3. Định hướng hoạt động năm 2024 của Kiểm toán nội bộ & Quản trị rủi ro

- Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động tuân thủ hệ thống quy trình của các đơn vị trong công ty và đưa ra kiến nghị nhằm kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ, quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro.
- Soát xét và đóng góp ý kiến cho việc hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chuẩn cho các khối/phòng ban cũng như hệ thống thông tin ERP và các kho dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin, phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, kế hoạch hóa và kiểm soát nội bộ.
- Ứng dụng chương trình “Yêu cầu cải tiến” vào hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo các khuyến nghị và cảnh báo trong hoạt động kiểm tra, giám sát được các khối/phòng ban được thực hiện đầy đủ.
- Xây dựng hệ thống “Quản trị rủi ro” để theo dõi và giám sát liên tục nhằm đánh giá Top 10 rủi ro Tập đoàn và danh mục rủi ro các khối/phòng ban, nhằm cập nhật, điều chỉnh và kịp thời có các phương án ứng phó rủi ro phù hợp
- Thực hiện lên kế hoạch định kỳ và đột xuất cho các công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị - đầu tư của Ban Điều Hành. Đảm bảo việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị đưa ra, từ đó thực hiện ghi nhận, đánh giá kịp thời thành tích của Ban Điều Hành, đưa ra các khuyến nghị, góp ý cho kế hoạch kinh doanh của Ban Điều Hành trong năm 2024 nhằm tiến tới mục tiêu chiến lược 2022-2026 và kế hoạch năm 2024 của Tập Đoàn.
- Thực hiện duy trì và phối hợp mối quan hệ giữa Ủy Ban Kiểm toán và Ban Điều Hành nhằm thúc đẩy phát huy tốt vai trò của Kiểm toán nội bộ trong Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông văn hóa Quản trị rủi ro doanh nghiệp đến các phòng ban, HĐQT và các thành viên Ban Điều Hành. Giám đốc các đơn vị và các cán bộ quản lý nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động chung của Tập Đoàn.

IV. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BĐH, UBKT

1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Thành viên HĐQT nhận thù lao từ Ngân sách hoạt động của HĐQT. Thành viên HĐQT kiêm điều hành nhận lương, thưởng, chế độ công tác phí và các chế độ đãi ngộ khác theo các quy chế nội bộ hiện hành của Công ty.

Năm 2023, ĐHCĐ đã thông qua Ngân sách hoạt động (bao gồm thù lao) của HĐQT không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty. Tổng ngân sách hoạt động (bao gồm thù lao) của HĐQT năm 2023 Công ty đã thực hiện chi trả là: 3.252.336.000 đồng, tương ứng 3.0% lợi nhuận sau thuế năm 2023, trong đó Tổng thù lao HĐQT là 3.170.000.000 đồng và các chi phí công tác phí của các thành viên HĐQT (vé (chi phí vé máy bay, di chuyển, phòng nghỉ, ăn uống, hội họp) là 82.336.000 đồng.

Ngoài thù lao, ông Nguyễn Mạnh Hùng là Tổng Giám đốc nên còn được nhận tiền lương và các khoản phụ cấp khác theo vị trí điều hành. Tổng thu nhập từ thù lao, lương và thưởng của các thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc nhận trong năm 2023 là 4.621.645.000 VND.

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao của HĐQT (đồng)	Thu nhập của BĐH (đồng)
1	Bà Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT	1.200.000.000	-
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc	1.200.000.000	1.451.645.000
3	Ông Johan Nyvene	Thành viên HĐQT độc lập	480.000.000	-
4	Ông Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	100.000.000	-
5	Ông Nguyễn Phi Bằng	Thành viên HĐQT	-	-
6	Ông Johan De Geer	Thành viên HĐQT	50.000.000	-
7	Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	80.000.000	-
8	Bà Đặng Thị Thắm	Thư ký Công ty	60.000.000	-
Tổng cộng			3.170.000.000	1.451.645.000

2. Hợp đồng, giao dịch với HĐQT, BĐH và bên liên quan

(vui lòng xem chi tiết tại BCTC hợp nhất đính kèm)

3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan trong năm 2023

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ/ Quan hệ với người nội bộ	Đầu kỳ		Cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Endurance Capital Vietnam I Limited	Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	2.983.267	4,74%	0	0,00%	Bán - Tái cơ cấu danh mục đầu tư
2	Hồ Thị Loan	Người nội bộ	16.907	0,03%	8.007	0,01%	Bán - Nhu cầu tài chính cá nhân
3	Lê Tuấn	Người có liên quan của Người nội bộ	9.900	0,02%	2.400	0,00%	Bán - Nhu cầu tài chính cá nhân

V. Đánh giá thực hiện các quy định về quản trị công ty

Đối với quản trị công ty, Nafoods Group tuân thủ bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) phối hợp với Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) soạn thảo và ban hành.

Bên cạnh các thông lệ tốt theo quy định pháp luật hiện hành, Bộ Nguyên tắc này nhằm khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực cao hơn yêu cầu tối thiểu theo quy định pháp luật.

Tình hình thực hiện các nguyên tắc quản trị công ty theo Bộ nguyên tắc này tại Nafoods Group:

1. Trách nhiệm của HĐQT

Nguyên tắc 1: Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT

- Tại Nafoods Group, vai trò và trách nhiệm của HĐQT được cụ thể hóa trong Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua và công bố đầy đủ trên website của Công ty.
- Trong giai đoạn hiện tại, với kiến thức và kinh nghiệm của mình, HĐQT Nafoods Group không chỉ là cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt, mà còn trực tiếp cùng Ban điều hành tham gia vào quá trình xây dựng định hướng chiến lược, chính sách quản lý rủi ro, kế hoạch kinh doanh/ngân sách hàng năm của Công ty với vai trò hỗ trợ về cả kỹ thuật lẫn định hướng. HĐQT cũng thành lập Ủy ban trực thuộc, kiểm soát hoạt động kiểm toán và Quản trị rủi ro, giám sát hoạt động đầu tư nội bộ cũng như bên ngoài (bao gồm các hoạt động M&A), đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án trước và sau đầu tư...
- Các thành viên HĐQT đều chủ động tham gia giám sát hoạt động của Công ty, tham gia thảo luận, kiến nghị, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản. Các tài liệu họp đều được yêu cầu gửi đến các thành viên HĐQT tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày họp.
- Các thành viên HĐQT của Nafoods Group đều có trách nhiệm tham gia đầy đủ các cuộc họp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT trong năm.
- Ủy ban chiến lược, nhân sự & lương thưởng trực thuộc HĐQT Nafoods Group có trách nhiệm soạn lập/phê duyệt chính sách/chương trình hoạch định nhân sự kế thừa, CEO+1, Top 100, Top 50 và quản trị nhân tài của Công ty (đặc biệt là từ thành viên HĐQT cho đến Cán bộ quản lý); giám sát thực thi và hiệu quả của chính sách/chương trình này.

Nguyên tắc 2: Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp

Nafoods Group luôn cố gắng duy trì một HĐQT chuyên nghiệp, khách quan, hoạt động hiệu quả với vai trò bảo đảm lợi nhuận và sự bền vững của công ty, vì lợi ích cao nhất của công ty và toàn bộ cổ đông của công ty.

- Tập thể HĐQT của Công ty bao gồm các thành viên có chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng và phù hợp để đóng vai trò chèo lái và giám sát Công ty hiệu quả. HĐQT đương nhiệm của Nafoods Group bao gồm năm (05) thành viên, tương đối đa dạng về trình độ chuyên môn, kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, khía cạnh văn hoá (xem chi tiết tại phần giới thiệu các thành viên HĐQT từ trang 42 đến trang 47). Từ đó, cho phép HĐQT tận dụng được lợi thế của số nhiều các quan điểm, làm cho quy trình ra quyết định phong phú và đáng tin cậy hơn.
- HĐQT hiện có một (01) thành viên là nữ, đồng thời là Chủ tịch HĐQT, chiếm 20% tổng số thành viên HĐQT, đảm bảo tối ưu hoá lợi ích của sự đa dạng về giới tính trong HĐQT. Việc giới thiệu ứng viên để bầu bổ sung, bầu mới thành viên HĐQT cũng được Ủy Ban Chiến lược, Nhân sự và Lương thưởng (trước đây là Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng) trực thuộc HĐQT xem xét cân trọng theo quy trình lựa chọn ứng viên thành viên HĐQT trước khi trình HĐQT xem xét và đưa vào chương trình bầu cử của ĐHĐCĐ của Công ty theo quy trình đã được ban hành và đang áp dụng tại Công ty.
- HĐQT đương nhiệm của Nafoods Group bao gồm hai (02) thành viên không điều hành, trên tổng số năm (05) thành viên, có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả và giúp HĐQT luôn có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của Công ty và đảm bảo có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp.
- HĐQT Nafoods Group đã bổ nhiệm Thư ký công ty, Người phụ trách Quản trị Công ty và thành lập Văn phòng HĐQT, là bộ phận

chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về tất cả các vấn đề liên quan đến chức năng và hoạt động của HĐQT.

Nguyên tắc 3: Đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT

- HĐQT đương nhiệm của Công ty có một (01) thành viên độc lập, đảm bảo quy định tối thiểu 20% số thành viên HĐQT của Công ty là thành viên độc lập (đối với mô hình CTCP không có BKS). Sự có mặt của các thành viên độc lập trong HĐQT bảo đảm việc ra quyết định độc lập về các vấn đề của Công ty và giám sát khách quan phù hợp đối với các hoạt động của Ban Điều hành, bao gồm việc ngăn ngừa xung đột lợi ích và cân bằng các nhu cầu có tính cạnh tranh lẫn nhau của Công ty.
- Thành viên HĐQT độc lập của Công ty (Ông Johan Nyvene) có đầy đủ các tiêu chuẩn và năng lực cần thiết để tham gia đóng góp cho HĐQT. Thành viên HĐQT độc lập là người có chuyên môn và kinh nghiệm để tham gia và lãnh đạo Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT.
- Thành viên HĐQT độc lập của Công ty đều tham gia HĐQT chưa quá năm (05) năm.
- Chủ tịch HĐQT của Công ty không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, đảm bảo có cân bằng phù hợp về quyền lực, tăng trách nhiệm giải trình và tăng cường năng lực của HĐQT để ra quyết định độc lập.

Nguyên tắc 4: Thành lập các ủy ban thuộc HĐQT

HĐQT Nafoods Group đã thành lập ba (03) ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT, bao gồm: Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Đầu tư và Ủy ban Chiến lược, Nhân sự & Lương thưởng, để hỗ trợ HĐQT thực hiện chức năng và tránh xung đột lợi ích:

- Ủy ban Kiểm toán của Nafoods Group bao gồm hai (02) thành viên, đều là thành viên HĐQT không điều hành, có kiến thức chuyên môn về kiểm toán nội bộ, kế toán theo chuẩn mực IFRS và VAS, tuân thủ, báo cáo tài chính và kiểm soát. Chủ tịch Ủy ban – Ông Johan Nyvene – là thành viên HĐQT độc lập, có chuyên môn và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, quản trị.
- HĐQT đã thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trong đó quy định cụ thể vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền, cơ cấu và quy trình hoạt động của Ủy ban kiểm toán. Quy chế này cũng được HĐQT công bố trên website của Công ty.
- Ủy ban Chiến lược, nhân sự & lương thưởng và Ủy ban Đầu tư cũng được thành lập từ năm 2021 đã và đang phát huy vai trò trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT. Chủ tịch Ủy ban Chiến lược nhân sự và Lương thưởng là Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Đầu tư là Bà Điền Thị Lan Phương – Chủ tịch HĐQT. HĐQT cũng đã thông qua và công bố thông tin Quy chế hoạt động của các ủy ban này trong đó quy định cụ thể về thẩm quyền, cơ cấu, và quy trình hoạt động của các ủy ban.

Nguyên tắc 5: Đảm bảo hoạt động hiệu quả của HĐQT

Hàng năm, các ủy ban và HĐQT đều tự thực hiện đánh giá kết quả hoạt động của từng ủy ban và thành viên HĐQT trong năm, để báo cáo ĐHCĐ thường niên và công bố trong các báo cáo tình hình quản trị, báo cáo thường niên của Công ty.

Nguyên tắc 6: Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức công ty

- Nafoods Group đã xây dựng và ban hành Bộ Quy tắc ứng xử vào năm 2016 nhằm nâng cao nhận thức, tạo nên các giá trị văn hóa chung trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Trong đó đặt ra các nguyên tắc ứng xử trong môi trường làm việc, trong kinh doanh; xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ với đối tác và khách hàng; bảo vệ thông tin và tài sản; trách nhiệm xã hội; và lãnh đạo bằng sự liêm chính. Bộ Quy tắc ứng xử được truyền thông và phổ biến, đặc biệt ngay trong quá trình đào tạo hội nhập để các CBCNV nắm rõ và nâng cao nhận thức.
- Tại Nafoods Group, HĐQT là đầu mối và chịu trách nhiệm tập thể về quản trị, thành công trong dài hạn của công ty, và việc mang lại giá trị bền vững cho các bên có quyền lợi liên quan của công ty. HĐQT luôn là tấm gương cho Ban Điều hành và nhân viên trong Công ty.

2. Môi trường kiểm soát

Nguyên tắc 7: Thiết lập chính sách quản trị rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh

- HĐQT đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát và giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều phải được Ban Điều hành và HĐQT xem xét tới yếu tố rủi ro có liên quan.
- HĐQT cũng đã thành lập chức năng kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro. Đồng thời, ban hành quy chế quy định nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro cũng như trách nhiệm của các bên liên quan đối với việc thiết lập, vận hành và đảm bảo việc hoạt động thông suốt của hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro trong Công ty, nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố rủi ro, có biện pháp phòng ngừa hữu hiệu, giảm thiểu rủi ro và chống tái diễn, giúp Công ty hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch trong ngắn, dài hạn và mục tiêu phát triển bền vững.
- Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT đã thiết lập các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập cũng như quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra.

3. Công bố thông tin và minh bạch

Nguyên tắc 8: Tăng cường hoạt động công bố thông tin của công ty

- Công ty luôn tuân thủ công bố thông tin đến tất cả các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan trên nguyên tắc chủ động, công bằng, minh bạch và kịp thời theo quy định.
- Ngoài việc CBTT theo quy định trên cổng CBTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP HCM, Website của Công ty hiện là kênh thông tin chính thức để Công ty CBTT chủ động, công bằng, minh bạch và kịp thời đến cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.
- Các thông tin phi tài chính, bao gồm báo cáo về môi trường và xã hội được Công ty CBTT đầy đủ trong Báo cáo thường niên hàng năm của Công ty. Các chính sách liên quan đến môi trường và xã hội cũng được Công ty công bố trên website.
- Công ty cũng thực hiện công bố đầy đủ các thông tin về lương, thù lao của HĐQT và Ban điều hành trong Báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo thường niên và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên hàng năm.

4. Các quyền của cổ đông

Nguyên tắc 9: Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông

- Quyền của cổ đông được quy định rõ trong Điều lệ của Công ty và được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Công ty đảm bảo đối xử công bằng và phù hợp đối với từng cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác, minh bạch và kịp thời.
- HĐQT Công ty luôn tuân thủ việc tổ chức ĐHĐCĐ, CBTT thư mời, tài liệu họp, biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ đúng quy trình, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Điều lệ Công ty quy định trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. HĐQT Công ty cũng đã xây dựng và thông qua ma trận thẩm quyền phê duyệt các giao dịch với các bên liên quan, bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông.
- Trong năm 2023, các giao dịch kinh doanh giữa Nafoods Group với các bên liên quan (chủ yếu là các công ty con, công ty liên kết trong hệ thống) được trình bày tại trang 148-149, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

5. Quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan

Nguyên tắc 10: Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các bên có quyền lợi liên quan

Nafoods Group luôn tôn trọng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan, các bên chịu ảnh hưởng từ các hoạt động của công ty. Nafoods Group cam kết tham gia tích cực vào cộng đồng và gắn kết với các bên liên quan, từ chia sẻ thông tin và tham vấn, đến tham gia, đàm phán và quan hệ đối tác để đảm bảo rằng: Thông tin về Môi trường và Xã hội (E&S) có liên quan được tiết lộ và phổ biến; Các khiếu nại từ các bên liên quan bên trong và bên ngoài được phản hồi và quản lý một cách thích hợp thông qua quy trình trao đổi thông tin và giải quyết khiếu nại.



04

Báo cáo tác động môi trường & xã hội

- 112 Tuyên bố về trách nhiệm môi trường & xã hội
- 112 Báo cáo tác động môi trường
- 115 Trách nhiệm cộng đồng, xã hội





I. Tuyên bố về trách nhiệm môi trường & xã hội

1. Môi trường

Nafoods thực hành kinh doanh theo cách không gây tổn hại hoặc rủi ro cho xã hội và cộng đồng thông qua việc cung cấp các sản phẩm an toàn, vì lẽ đó, Nafoods luôn xem xét đầy đủ các tác động về môi trường và xã hội gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai các giải pháp quản lý và kiểm soát các tác động và rủi ro về môi trường và xã hội xung quanh các “đầu chân” của chúng tôi. Ở Nafoods, chúng tôi đang từng bước áp dụng kinh tế tuần hoàn trong sản xuất, theo đó, chúng tôi tăng cường chuyển hoá chất thải thành đầu vào cho sản xuất theo chu trình tự nhiên, góp phần tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm tác động đến khí hậu.

2. Xã hội

Không dừng ở đó, Nafoods đã và đang không ngừng phát huy giá trị truyền thống Việt Nam “Lá lành đùm lá rách” và xác định đây là kim chỉ nam cho mọi hoạt động hỗ trợ cộng đồng của mình. Vì lẽ đó, chúng tôi luôn nỗ lực hơn nữa để tham gia ngày càng sâu rộng vào các chương trình hỗ trợ cộng đồng và đồng thời tích cực hỗ trợ kinh tế hộ gia đình tại các địa phương nơi hoạt động của chúng tôi diễn ra thông qua chuỗi giá trị nông nghiệp của mình.

II. Báo cáo tác động môi trường

1. Phát thải khí nhà kính

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Phát thải khí nhà kính gắn liền với mỗi một hoạt động sản xuất kinh doanh của Nafoods, trong đó bao gồm phát thải trực tiếp (phạm vi 1) và phát thải gián tiếp (phạm vi 2) thông qua việc mua năng lượng như mô tả ở bảng dưới đây:

Bảng 1. Phát thải khí nhà kính

TT	Loại phát thải	Khối lượng phát thải (tấn CO ₂ e)	
		Năm 2023	Năm 2022
1	Phát thải trực tiếp – phạm vi 1	9.820	7.194
2	Phát thải gián tiếp – phạm vi 2	10.744	8.643
Tổng cộng		20.564	15.837

Trong năm 2023, tổng phát thải khí nhà kính của Nafoods khoảng 20.564 tấn CO₂ tương đương tương ứng lần lượt 9.820 tấn CO₂e phát thải trực tiếp (phạm vi 1) và 10.744 tấn CO₂e phát thải gián tiếp (phạm vi 2). Tuy vậy, có đến 2.402 tấn CO₂e trong tổng phát thải khí nhà kính của chúng tôi là do chúng tôi sử dụng sinh khối làm nhiên liệu đốt thay thế cho các loại nhiên liệu hóa thạch; vì lẽ đó, phát thải khí nhà kính ròng của Nafoods Group trong năm qua chỉ khoảng 18.162 tấn CO₂e.

So sánh với năm liền kề trước đó, lượng phát thải khí nhà kính của chúng tôi tăng thêm 4.727 tấn CO₂e tương ứng với là 29,8%, điều này là kết quả của việc hoạt động sản xuất kinh doanh của Nafoods tăng đáng kể so với năm 2022 trước đó khi mà cơ sở sản xuất của chúng tôi ở tỉnh Gia Lai đã đi vào hoạt động đầy đủ và ranh giới liên quan đến phát thải khí nhà kính đã được chúng tôi rà soát và điều chỉnh cho phù hợp hơn.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Để giảm phát thải khí nhà kính, chúng tôi đã và đang triển khai nhiều sáng kiến khác nhau bao gồm than được thay thế hoàn toàn bằng sinh khối (mùn cưa và hạt chanh leo) trong vận hành lò hơi, triển khai các chương trình nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, thu gom và xử lý nước thải, thay thế thiết bị chiếu sáng hiệu quả, ... tại các cơ sở sản xuất của Nafoods.

Ngoài ra, Nafoods đã và đang tích cực triển khai các sáng kiến khí hậu gắn liền với năng lượng sạch. Cụ thể, Nafoods đã kết hợp với các đối tác để lắp đặt và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái tại Nhà máy Nasoco để sử dụng nguồn năng lượng tái tạo cho hoạt động tiêu thụ điện tại chỗ. Dựa trên kết quả này, trong tương lai, chúng tôi sẽ tiếp tục triển khai tại các cơ sở sản xuất của mình. Không những vậy, ở Nafoods chúng tôi cũng tích cực thực hành các biện pháp loại bỏ và cô lập các bon thông qua các hành động trồng cây xanh, duy trì thảm phủ thực vật và thúc đẩy ứng dụng nông nghiệp hữu cơ.

2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Trong kỳ báo cáo 2023, Nafoods Group đã sử dụng khoảng 87.287,5 tấn nguyên, vật liệu cho quá trình sản xuất của chúng tôi và ghi nhận cao gấp khoảng 2,7 lần so với tổng khối lượng sử dụng trong năm 2022 (32.466,5 tấn nguyên, vật liệu). Do đặc thù ngành chế biến nông sản và sản xuất thực phẩm nên nguyên, vật liệu thô của chúng tôi chủ yếu là có nguồn gốc từ trái cây như: Chanh leo, Thanh long, Xoài, Dứa, ... Nguyên, vật liệu có nguồn gốc tái tạo chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu sử dụng của chúng tôi với tỷ lệ 80%.

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Với tầm nhìn phát triển bền vững của mình, Nafoods Group hướng tới gia tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình; bởi vậy, chúng tôi đã và đang gia tăng tỷ lệ nguyên, vật liệu có nguồn gốc tái chế, tái sử dụng trong tổng khối lượng nguyên, vật liệu được sử dụng. Tính đến hết năm 2023, tỷ lệ nguyên, vật liệu có nguồn gốc tái chế, tái sử dụng bình quân của chúng tôi đã đạt mức trên 10% và được sử dụng phổ biến cho hoạt động đóng gói trong quy trình chế biến và sản xuất của Nafoods Group.

3. Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Xét khía cạnh tiêu thụ năng lượng, trong năm 2023, lượng điện tiêu thụ của chúng tôi là 15.814.102 kWh, 100% lượng điện tiêu thụ này là điện lưới được cung cấp bởi EVN và các công ty thành viên. Bên cạnh điện năng, chúng tôi còn sử dụng trực tiếp các loại nhiên liệu khác nhau bao gồm xăng, dầu diesel và sinh khối (mùn cưa, hạt chanh leo) cho các hoạt động phát điện, giao thông, ngoài giao thông và nồi hơi tại các cơ sở sản xuất của chúng tôi. So sánh với năm 2022 trước đó, sử dụng năng lượng tại các cơ sở của Nafoods đều tăng lên ở tất cả các loại hình sử dụng năng lượng khác nhau, ví dụ: 4.397.806 kWh điện, 18.405 lít dầu DO. Cụ thể các thông tin về sử dụng năng lượng được mô tả ở bảng dưới đây.

Bảng 2. Tổng hợp sử dụng năng lượng

TT	Loại nhiên liệu, năng lượng	Đơn vị	Lượng sử dụng	
			Năm 2023	Năm 2022
1	Điện	kWh	15.814.102	11.416.296
2	Xăng	lít	1.658,3	607
3	DO	lít	40.341,8	21936
4	LPG	kg	15.944	9690
5	Sinh khối	tấn	62.312,2	3222,4

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Trong những năm qua, Nafoods liên tục tìm kiếm và triển khai các chương trình sử dụng năng lượng hiệu quả tại các cơ sở sản xuất của chúng tôi, cụ thể:

- Triển khai các biện pháp theo dõi và giám sát tiêu thụ năng lượng tại cơ sở;
- Thay thế thiết bị chiếu sáng hiệu năng cao, tích cực sử dụng ánh sáng tự nhiên trong khu vực sản xuất;
- Theo dõi và cải thiện hiệu quả năng lượng của máy móc, thiết bị thông qua các hoạt động bảo trì hiệu quả;
- Từng bước triển khai các sáng kiến năng lượng tái tạo tại chỗ thông qua mô hình điện mặt trời áp mái;
- Từng bước triển khai công tác kiểm toán năng lượng cấp cơ sở.

Việc theo dõi sát hiệu quả sử dụng năng lượng hoạt động của từng dây chuyền sản xuất, cơ sở giúp chúng tôi kịp thời phát hiện các vấn đề tồn đọng và đưa ra những giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả hơn. Nhờ vậy Nafoods đã thu được các kết quả tích cực, cụ thể lượng điện tiêu thụ của chúng tôi trong năm 2023 tăng 4.397.806 kWh so với năm 2022; tuy nhiên, khi xét về sử dụng điện cho mỗi đơn vị sản phẩm, chúng tôi đã giảm từ 0,67 kWh/kg sản phẩm xuống còn 0,565 kWh/ kg sản phẩm. Dựa trên kết quả đã đạt được trong năm vừa qua, Nafoods Group sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để tăng cường hiệu quả năng lượng và chuyển đổi từng phần sang các loại hình năng lượng tái tạo trong cơ cấu sử dụng điện tại các nhà máy và cơ sở sản xuất.

4. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ đạo của Nafoods là chế biến nông sản, bởi vậy việc sử dụng nước trong sản xuất là thường xuyên và liên tục. Thông tin về “dấu chân” nước của chúng tôi được mô tả ở bảng dưới đây.

Bảng 3. Tổng hợp sử dụng tiêu thụ nước

TT	Loại nguồn nước	Lượng nước tiêu thụ (m3)	
		Năm 2023	Năm 2022
1	Nước dưới đất	152.605	114.000
2	Nước mặt	244.937	210.554
3	Nước thủy cục (nước máy)	2.259	3.260
Tổng cộng		399.801	327.814

Trong năm 2023, Nafoods đã khai thác và sử dụng khoảng 399.801 m³ nước các loại, tăng 22% so với lượng nước tiêu thụ trong năm 2022. Nguyên nhân của việc tăng lên về sử dụng nước này chính là do hoạt động sản xuất kinh doanh của chúng tôi được phục hồi và mở rộng sau khi đại dịch Covid-19 kết thúc; cùng với đó, cơ sở sản xuất của chúng tôi ở tỉnh Gia Lai (Nafoods Tây Nguyên) đã bước đầu đi vào hoạt động đầy đủ. Điều này có thể thấy rõ hơn khi so sánh với thay đổi tăng lên của tổng sản lượng sản phẩm trong năm 2023 khi so sánh với năm 2022.

Xét về cơ cấu nguồn nước, Nafoods chủ yếu khai thác và sử dụng nước bề mặt đang đóng vai trò chủ đạo và chiếm tỷ lệ khoảng 61,26%, sau đó lần lượt là nước dưới lòng đất (38,17%) và nước máy (0,57%).

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Do đặc thù chế biến nông sản và sản xuất thực phẩm, đồng thời tuân thủ quy định về sử dụng tài nguyên nước hiện hành, chúng tôi chỉ tái sử dụng nước thải đã xử lý cho các mục đích chủ yếu là rửa đường, bề mặt; do đó, tỷ lệ tái sử dụng nước hàng năm của chúng tôi không cao và thường thấp hơn 10% so với tổng lượng nước tiêu thụ.

5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Liên quan đến tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và nguồn nước nói riêng, tại Nafoods, chúng tôi luôn chú trọng giảm tác động bất lợi tới nguồn nước; vì lẽ đó, nước thải từ các cơ sở của chúng tôi luôn được thu gom và xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi xả thải ra môi trường, công tác giám sát chất lượng nước thải hàng năm cũng được triển khai phù hợp với quy định hiện hành. Do vậy, trong năm 2023 vừa qua, chúng tôi không có bất cứ vi phạm nào được phát hiện hay xử phạt bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

III. Trách nhiệm cộng đồng, xã hội

Hỗ trợ cộng đồng nói riêng và các chương trình trách nhiệm cộng đồng nói chung là một thành phần quan trọng trong chính sách môi trường và xã hội của chúng tôi, bởi vậy, Nafoods Group đã tích cực triển khai nhiều chương trình phát triển cộng đồng khác nhau tại các vùng hoạt động của chúng tôi, có thể nói đến như:

- Chương trình bảo trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương;
- Tặng quà tết đoàn viên cho nhân viên mắc bệnh hiểm nghèo;
- Đồng hành cùng tết vì người nghèo;
- Hỗ trợ các hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương;
- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng tiện ích ở địa phương;
- Vàng trắng yêu thương;
- Hỗ trợ các gia đình cán bộ, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn.

Tổng giá trị của các chương trình hỗ trợ và phát triển cộng đồng trong năm 2023 của Nafoods Group là khoảng 350.000.000 đồng.

Bên cạnh các chương trình cộng đồng trực tiếp như đã nêu ở trên, với chuỗi giá trị của mình, chúng tôi hiện đang thực hiện nhiều chương trình trách nhiệm xã hội khác bao gồm tạo việc làm cho cộng đồng địa phương và hỗ trợ người nông dân nâng cao hiệu quả đầu tư và ổn định nguồn thu nhập thông qua chương trình hợp tác, phát triển vùng trồng. Cụ thể:

Với mục tiêu phát triển bao trùm cũng như sự bình đẳng trong lĩnh vực lao động, chúng tôi luôn tích cực tuyển dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại chỗ và tỷ lệ người dân tộc thiểu số hiện ở mức 17% trong tổng số lực lượng lao động của chúng tôi, điều này đã góp phần tạo việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nơi mà hoạt động sản xuất kinh doanh của chúng tôi diễn ra.

Về hoạt động hợp tác phát triển vùng trồng, năm qua, chúng tôi đã phát triển được 2,650 ha diện tích vùng trồng (2,500 ha chanh leo, 150 ha thanh long đỏ), hợp tác với hơn 2,000 hộ nông dân thông qua các tổ hợp tác/hợp tác xã. Các hộ nông dân tham gia vào chương trình hợp tác phát triển vùng trồng của chúng tôi sẽ được: (1) cung cấp nguồn giống và vật tư đầu vào đảm bảo

Báo cáo tác động môi trường và xã hội

chất lượng với giá hợp lý; (2) được hỗ trợ tư vấn kỹ thuật từ trồng đến canh tác và thu hoạch, giúp đảm bảo năng suất và chất lượng; và (3) được cam kết thu mua sản lượng ổn định với giá cả cạnh tranh. Việc này vừa giúp chúng tôi ổn định được nguồn cung nguyên liệu đầu vào (trái cây) về các nhà máy sản xuất trong hệ thống, đảm bảo số lượng và chất lượng đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu, đảm bảo truy suất được nguồn gốc; vừa giúp người nông dân nâng cao hiệu quả đầu tư, ổn định thu nhập.



Hình ảnh. Chuỗi hoạt động thiện nguyện Tết vì người nghèo - Xuân Giáp Thìn



Báo cáo tác động môi trường và xã hội

Hình ảnh. Nafoods tổ chức Lễ ký kết và Lễ ra mắt hợp tác liên kết phát triển vùng trồng với 28 Hợp tác xã



Hình ảnh. Nafoods mang “Vàng trắng yêu thương” đến trẻ em nghèo Nghệ An

05

Báo cáo tài chính

120 Báo cáo tài chính 2024





Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Nafoods Group (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ	
Bà Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch	-
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch	-
Bà Phan Thị Minh Châu	PCT TT	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2023
Bà Phan Thị Minh Châu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Johan Nyvene	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2023
Ông Johan De Geer	Thành viên	-
Ông Phạm Duy Thái	Thành viên	-
Ông Nguyễn Phi Bằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2023
Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ	
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	-
Ủy ban Kiểm soát	Chức vụ	
Ông Johan Nyvene	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2023
Bà Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2023
Bà Điền Thị Lan Phương	Thành viên	-
Bà Phan Thị Minh Châu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2023

Trách nhiệm của ban tổng giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Tập đoàn hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, cùng với các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. 



Nguyễn Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Báo cáo kiểm toán độc lập

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFODS GROUP VÀ CÁC CÔNG TY CON CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Số: 23-11-018-02

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nafoods Group**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nafoods Group (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh giải trình khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện của Ban Tổng Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)



Nguyễn Tuấn Ngà
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0808-2023-068-1
Phó Tổng Giám đốc

A blue signature of Nguyễn Dịch Dũng.

Nguyễn Dịch Dũng
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2484-2024-068-1
Kiểm toán viên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 3 tháng 4 năm 2021

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Mã số	31/12/2023 VNĐ	31/12/2022 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	1.016.641.720.903	1.166.762.878.120
Tiền và các khoản tương đương tiền	6	110	62.434.607.502	54.000.537.646
Tiền		111	21.723.324.298	14.753.483.653
Các khoản tương đương tiền		112	40.711.283.204	39.247.053.993
Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	119.909.823.494	12.471.419.160
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7	123	119.909.823.494	12.471.419.160
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	497.578.545.821	907.844.832.919
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8	131	348.369.047.061	400.143.858.643
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9	132	95.791.797.711	116.215.944.192
Phải thu về cho vay ngắn hạn	10	135	42.664.398.683	39.509.158.772
Phải thu ngắn hạn khác	11	136	108.752.255.970	383.639.751.700
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	12	137	(98.156.407.040)	(31.711.865.459)
Tài sản thiếu chờ xử lý		139	157.453.436	47.985.071
Hàng tồn kho	13	140	267.246.962.263	157.789.222.490
Hàng tồn kho		141	273.524.958.048	161.070.610.612
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	(6.277.995.785)	(3.281.388.122)
Tài sản ngắn hạn khác		150	69.471.781.823	34.656.865.905
Chi phí trả trước ngắn hạn	14	151	12.969.713.665	6.906.172.957
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	51.066.165.338	27.434.976.220
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước		153	5.435.902.820	315.716.728

hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất - tại ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

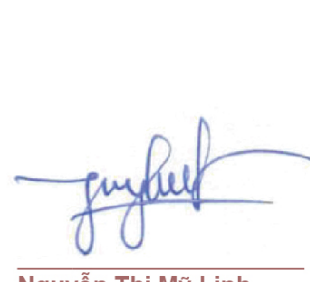
	Thuyết minh	Mã số	31/12/2023 VNĐ	31/12/2022 VNĐ
Tài sản dài hạn		200	1.026.593.770.810	576.984.988.567
Các khoản phải thu dài hạn		210	105.551.190.136	98.478.780.592
Phải thu về cho vay dài hạn	10	215	-	700.000.000
Phải thu dài hạn khác	11	216	105.551.190.136	97.778.780.592
Tài sản cố định		220	664.050.322.185	418.139.091.819
Tài sản cố định hữu hình	15	221	524.579.975.591	335.105.407.398
- Nguyên giá		222	776.106.370.764	445.709.905.733
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(251.526.395.173)	(110.604.498.335)
Tài sản cố định thuê tài chính	16	224	45.989.601.236	7.402.400.000
- Nguyên giá		225	49.366.148.860	7.402.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế		226	(3.376.547.624)	-
Tài sản cố định vô hình	17	227	93.480.745.358	75.631.284.421
- Nguyên giá		228	106.264.831.518	83.921.353.017
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	(12.784.086.160)	(8.290.068.596)
Tài sản dở dang dài hạn		240	12.378.181.181	2.954.231.368
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18	242	12.378.181.181	2.954.231.368
Đầu tư tài chính dài hạn	7	250	2.000.000.000	21.017.387.750
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252	-	19.017.387.750
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	-	3.100.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254	-	(3.100.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	2.000.000.000	2.000.000.000
Tài sản dài hạn khác		260	242.614.077.308	36.395.497.038
Chi phí trả trước dài hạn	14	261	46.242.371.904	36.182.080.719
Lợi thế thương mại	19	269	196.371.705.404	213.416.319
Tổng tài sản		270	2.043.235.491.713	1.743.747.866.687

Bảng cân đối kế toán hợp nhất - tại ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

	Thuyết minh	Mã số	31/12/2023 VNĐ	31/12/2022 VNĐ
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	1.055.273.264.267	851.560.032.938
Nợ ngắn hạn		310	964.514.376.008	772.283.083.192
Phải trả người bán ngắn hạn	20	311	79.974.819.367	126.340.052.299
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	312	23.081.512.961	23.651.269.194
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	313	32.014.931.966	13.576.047.218
Phải trả người lao động		314	15.237.149.544	12.704.372.995
Chi phí phải trả ngắn hạn	23	315	50.270.205.552	6.960.976.504
Phải trả ngắn hạn khác		319	6.655.691.484	4.092.384.633
Vay ngắn hạn	24	320	746.877.659.254	578.489.179.461
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25	322	10.402.405.880	6.468.800.888
Nợ dài hạn		330	90.758.888.259	79.276.949.746
Phải trả dài hạn khác		337	9.489.851	-
Vay dài hạn	24	338	62.411.882.575	74.852.234.181
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	38	341	28.337.515.833	4.424.715.565
Vốn chủ sở hữu		400	987.962.227.446	892.187.833.749
Vốn chủ sở hữu		410	987.067.357.969	891.447.242.065
Vốn góp của chủ sở hữu	26,27	411	629.230.850.000	629.230.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	505.641.520.000	505.641.520.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b	123.589.330.000	123.589.330.000
Thặng dư vốn cổ phần		412	67.230.677.157	67.230.677.157
Cổ phiếu quỹ	26	415	(620.000)	(620.000)
Quỹ đầu tư phát triển	26	418	59.112.663.024	59.112.663.024
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26	421	231.493.787.788	135.873.671.884
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a	121.763.246.059	56.160.526.674
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b	109.730.541.729	79.713.145.210
Nguồn kinh phí và quỹ khác		430	894.869.477	740.591.684
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	439	894.869.477	740.591.684
Tổng nguồn vốn		440	2.043.235.491.713	1.743.747.866.687




Nguyễn Thị Trang
 Kế toán trưởng

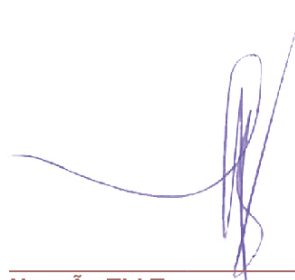

Nguyễn Thị Mỹ Linh
 Người lập

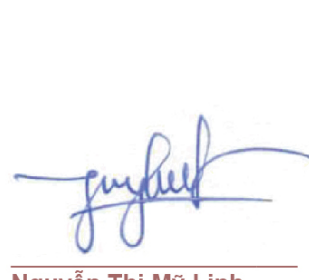
Báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31/12/2023 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31/12/2022 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29	01	1.754.554.175.364	1.817.811.173.255
Các khoản giảm trừ doanh thu	30	02	21.228.329.694	51.303.897.631
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	1.733.325.845.670	1.766.507.275.624
Giá vốn hàng bán	31	11	1.263.581.451.434	1.390.654.928.059
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	469.744.394.236	375.852.347.565
Doanh thu hoạt động tài chính	32	21	34.749.137.273	28.727.256.646
Chi phí tài chính	33	22	75.614.467.211	49.004.941.430
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	45.689.567.334	27.401.837.116
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết		24	-	(774.749.434)
Chi phí bán hàng	34	25	135.218.322.587	190.392.616.876
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35	26	170.159.033.480	65.985.287.811
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	123.501.708.231	98.422.008.660
Thu nhập khác		31	24.196.060.373	6.935.048.219
Chi phí khác		32	15.304.110.098	12.430.070.066
Lãi/(lỗ) khác		40	8.891.950.275	(5.495.021.847)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37	50	132.393.658.506	92.926.986.813
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37	51	24.958.286.878	10.602.787.743
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	38	52	(2.493.908.941)	2.482.099.396
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60	109.929.280.569	79.842.099.674
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		61	109.730.541.729	79.713.145.210
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		62	198.738.840	128.954.464
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	70	2.170	1.154


 Nghệ An, Việt Nam
 Ngày 30 tháng 3 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP
 TP. VINH
 Nguyễn Mạnh Hùng
 Tổng Giám đốc


 Nguyễn Thị Trang
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Mỹ Linh
 Người lập

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

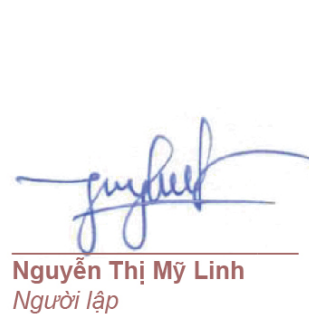
	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31/12/2020 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31/12/2019 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế		01	132.393.658.506	92.926.986.813
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định		02	61.449.504.977	29.206.364.805
Thay đổi các khoản dự phòng		03	65.825.849.030	7.393.980.708
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		04	7.430.547.930	2.053.963.101
Lãi từ hoạt động đầu tư và thanh lý tài sản cố định		05	(11.957.202.252)	(1.641.060.422)
Chi phí lãi vay		06	45.689.567.334	27.401.837.116
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08	300.831.925.525	157.342.072.121
Thay đổi các khoản phải thu		09	125.955.227.162	(29.713.989.396)
Thay đổi hàng tồn kho		10	(49.310.498.595)	(16.865.823.727)
Thay đổi các khoản phải trả		11	(181.841.872.702)	(63.270.331.580)
Thay đổi chi phí trả trước		12	(12.814.281.592)	(8.005.375.181)
Tiền lãi vay đã trả		14	(45.006.664.300)	(27.376.417.637)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	(10.683.784.940)	(2.509.969.176)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		17	(2.129.739.648)	(7.342.728.553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	125.000.310.910	2.257.436.871

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất - (phương pháp gián tiếp) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31/12/2020 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31/12/2019 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		21	(151.851.030.441)	(84.269.016.308)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		22	5.766.063.345	17.414.406.000
Tiền chi cho đơn vị khác vay		23	(155.872.952.484)	(16.193.419.160)
Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác		24	60.872.949.589	18.451.336.404
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25	(28.104.400.600)	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay nhận được		27	10.058.887.756	4.453.712.634
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	(259.130.482.835)	(60.142.980.430)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ góp vốn của cổ đông		33	1.823.278.139.089	1.412.923.737.488
Tiền thu từ đi vay		34	(1.661.446.434.896)	(1.335.275.150.038)
Tiền trả nợ gốc vay		35	(5.883.576.006)	(4.144.006.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		36	(13.415.040.000)	(13.415.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40	142.533.088.187	60.089.541.450
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50	8.402.916.262	2.203.997.891
Tiền và tương đương tiền đầu năm	6	60	54.000.537.646	51.698.311.511
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		61	31.153.594	98.228.244
Tiền và tương đương tiền cuối năm	6	70	62.434.607.502	54.000.537.646


 Ngày 30 tháng 3 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP
 Nguyễn Mạnh Hùng
 Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Trang
 Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Mỹ Linh
 Người lập

Bản thuyết minh báo tài chính hợp nhất

1. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn

Công ty Cổ phần Nafoods Group (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam, ban đầu với tên gọi là Công ty TNHH Thành Vinh do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp Giấy phép thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn số 007153 GP/TLDN-02 vào ngày 26 tháng 8 năm 1995. Sau đó ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2900326375 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An với tên gọi là Công ty Cổ phần Thực phẩm Choa Việt. Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 40.000.000.000 đồng, được chia thành 4.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được thay đổi nhiều lần sau đó (sau đây gọi chung là “Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp”).

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 12 năm 2014, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Nafoods Group và tăng vốn điều lệ lên 200.000.000.000 đồng, được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900326375, đã đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 6 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 567.988.450.000 đồng, được chia thành 56.798.845 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Vào ngày 22 tháng 6 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 567.988.450.000 đồng lên 577.047.950.000 đồng do đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2020/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 3 năm 2020 thông qua phương án triển khai chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Ngày 4 tháng 8 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 2.221.990 cổ phiếu với tổng trị giá phát hành theo mệnh giá là 22.219.900.000 đồng theo chương trình lựa chọn người lao động của Công ty. Phương án phát hành cổ phiếu của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 5 năm 2020, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2020/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 6 năm 2020 và các quy định của pháp luật hiện hành.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để tăng vốn điều lệ từ 567.988.450.000 đồng lên 599.267.850.000 đồng.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để thay đổi thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để tăng vốn điều lệ từ 599.267.850.000 đồng lên 629.230.850.000 đồng.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, Công ty thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp để cập nhật ngành nghề kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh, trái cây tươi, các sản phẩm giá trị gia tăng và sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với thông tin như sau:

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Nafoods Group;
- Mã chứng khoán: NAF;
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu đăng ký
CÔNG TY CON			
Công ty CP Chanh leo Nafoods	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Trồng trọt, sản xuất giống cây trồng	99,8%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng	100%
Công ty CP Nafoods Miền Nam	Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất chế biến các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh	99,6%
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	Thôn Gò Đồi, đường Bùi Viện, Xã An Phú, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất giống cây trồng; Hoạt động dịch vụ trồng trọt	99,86%
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Giá trị Gia tăng Nông nghiệp	Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 16, Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam.	Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm giá trị gia tăng	99%
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Cụm Công nghiệp Mộc Châu, tiểu khu Bó Bun, Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu sản phẩm rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng và các loại sản phẩm nước ép hoa quả	99,9%
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất chế biến các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh	99,9%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty và các công ty con có 1.395 nhân viên (31 tháng 12 năm 2022: 905 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VNĐ”).

3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

3.1 Cơ sở chung lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp. Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

3.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con (như được trình bày trong Thuyết minh số 1).

3.3 Các công ty con

Công ty con là các công ty mà Tập đoàn có quyền chi phối và kiểm soát về các chính sách tài chính và hoạt động với mục đích nhằm thu được lợi ích kinh tế cho Tập đoàn từ hoạt động của các công ty đó. Quyền kiểm soát được xác định thông qua quyền biểu quyết và tỷ lệ góp vốn.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn đạt được quyền kiểm soát đến ngày mất quyền kiểm soát. Chính sách kế toán của các công ty con được điều chỉnh phù hợp với các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động kinh doanh và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định theo tỷ lệ tương ứng với lợi ích

mà Tập đoàn không nắm giữ. Lợi ích này được xác định dựa trên phần sở hữu của cổ đông thiểu số đối với giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của công ty con được thành lập, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ được tính cho cổ đông thiểu số trong công ty con vượt quá lợi ích của cổ đông thiểu số trong nguồn vốn của công ty con. Trong trường hợp đó khoản lỗ vượt quá đó cũng như bất kỳ các khoản lỗ thêm nào khác sẽ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp cổ đông thiểu số có một nghĩa vụ ràng buộc, và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi tính cho cổ đông thiểu số sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới khi bồi hoàn lại đủ phần lỗ trước đây đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các thay đổi quyền sở hữu trong công ty con mà không dẫn đến việc đạt được hay mất đi quyền kiểm soát ở các công ty con được hạch toán theo phương pháp giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này thì khác biệt giữa khoản tiền đầu tư trả thêm hay giảm đi và tỷ lệ sở hữu thay đổi tương ứng trên giá trị ghi sổ tài sản thuần của công ty con sẽ được ghi nhận là giao dịch giữa lợi ích của các cổ đông của Tập đoàn. Giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ của công ty con ghi nhận trước đây được giữ nguyên.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý công ty con và giá trị ghi sổ còn lại của tài sản trừ đi nợ phải trả của công ty con này tại ngày thanh lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như khoản lãi, lỗ thanh lý công ty con.

Giá trị còn lại của khoản đầu tư tại ngày thanh lý được tính toán theo phương pháp giá gốc.

3.4 Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

4. Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng mà ngân hàng buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tổn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được trích lập dựa trên việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5 Các khoản phải thu

Phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Tổng Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay cho mục đích thu lãi tiền vay được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi, bao gồm gốc cho vay trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Tổng Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tập đoàn áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến

Báo cáo tài chính

việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với thời gian khấu hao như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Tài sản cố định khác	23

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

4.8 Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Trách nhiệm đối với bên cho thuê được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như là một nghĩa vụ cho thuê tài chính. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản, trừ khi khoản tiền lãi đó đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản, trong trường hợp này khoản lãi vay được vốn hóa theo chính sách chung của Công ty về chi phí vay.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính trên cùng nền tảng với tài sản sở hữu của Công ty, với thời gian khấu hao như sau:

	Năm
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức và các chi phí san lấp mặt bằng. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định dựa trên giá trị được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian dự tính sẽ thu được các lợi ích từ các chi phí liên quan tới quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 6 năm.

4.10 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí.

4.11 Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí nhà cửa, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

4.12 Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ bao gồm tài sản được Tập đoàn nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 1 năm đến 3 năm.

Phí tư vấn và phí luật sư

Chi phí tư vấn và phí luật sư phát sinh liên quan đến thỏa thuận vay vốn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng vay từ 6 năm đến 7 năm.

Chi phí khai hoang, đền bù đất

Chi phí khai hoang, đền bù đất phát sinh liên quan đến việc cải tạo, khai hoang vùng đất nguyên liệu tại Tri Lễ, Quế Phong, Nghệ An và các chi phí liên quan đến việc mua đất nhưng chưa đủ tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định. Các chi phí được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 48 - 49 năm.

Chi phí chuyển giao công nghệ

Chi phí chuyển giao công nghệ thể hiện khoản tư vấn chuyển giao công nghệ nhân giống chanh leo, đào tạo chuyển giao kỹ thuật phát hiện kiểm soát virus trên cây chanh leo, cung cấp cây giống bố mẹ, tư vấn thiết lập vườn ươm giống chanh leo được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 48 - 49 năm.

4.13 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Tài sản là lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 10 năm.

Lợi thế thương mại âm (phát sinh khi phần sở hữu của Tập đoàn trên giá trị hợp lý của tài sản thuần vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh) được ghi nhận trực tiếp như một khoản lãi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày mua.

Lãi, lỗ thanh lý công ty con bao gồm cả phần xóa sổ lợi thế thương mại còn lại tại ngày bán.

4.14 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (kể cả khi thời gian xây dựng và lắp đặt dưới 12 tháng) thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

4.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Tổng Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.17 Lợi ích nhân viên

Tập đoàn tham gia quỹ phúc lợi với mức đóng góp xác định bắt buộc của Chính phủ Việt Nam theo các quy định pháp luật hiện hành về lao động, việc làm và các lĩnh vực liên quan, được quản lý bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thông qua các cơ quan Bảo hiểm Xã hội địa phương. Các khoản phúc lợi bắt buộc này bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tại cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương, Tập đoàn chi trả phần nghĩa vụ của mình về các khoản phúc lợi bắt buộc này và thay mặt đối tượng tham gia các khoản phúc lợi bắt buộc thanh toán phần nghĩa vụ thuộc về họ. Đối tượng tham gia, phương thức tính toán, kê khai và

chi trả các nghĩa vụ liên quan đến các khoản phúc lợi bắt buộc được thực hiện cho từng giai đoạn cụ thể căn cứ các quy định hiện hành có liên quan. Tập đoàn không có nghĩa vụ chi trả đối quỹ phúc lợi hưu trí dành cho nhân viên. Tập đoàn không tham gia bất kỳ quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định.

4.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

4.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

Quỹ Đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động và đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

4.20 Cổ tức

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

4.21 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỉ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

4.22 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.23 Lãi/lỗ trên mỗi cổ phiếu

Lãi/lỗ cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.24 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các công ty liên kết của Tập đoàn.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.25 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.26 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Tập đoàn tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.27 Phân loại tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn hoặc dài hạn

Tài sản và nợ phải trả được phân loại thành ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán theo kỳ hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả đó tại ngày của bảng cân đối kế toán, ngoại trừ cách thức phân loại đặc thù và/hoặc đã được định trước trong Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.28 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. Giao dịch góp vốn cổ phần công ty con

Góp vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An (“Naprod”)

Tại ngày 1 tháng 7 năm 2023, Công ty đã hoàn thành mua thêm 5.883.800 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Naprod lên 99,9%.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900422657 ngày 5 tháng 12 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 22 tháng 3 năm 2023, với vốn điều lệ 62 tỷ VNĐ.

Giao dịch mua cổ phần công ty con có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn vào ngày mua như sau:

		VNĐ
Giá trị hợp lý của tổng tài sản của công ty con tại ngày góp vốn mua cổ phần		263.594.404.407
Giá trị hợp lý của tổng nợ phải trả của công ty con tại ngày góp vốn mua cổ phần		199.768.776.887
Giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày góp vốn cổ phần (*)		63.825.627.520
<i>Trong đó:</i>		
- Giá trị phân bổ tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 99,9%	(a)	63.761.801.893
- Giá trị phân bổ tương ứng với tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát: 0,1%		63.825.627
Giá gốc khoản đầu tư nắm giữ trước khi góp vốn		3.100.000.000
Tổng giá phí hợp nhất	(b)	221.104.045.773
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(c)	23.727.136.951
Lợi thế thương mại được ghi nhận tại ngày mua (Thuyết minh 19)	(b)+(c)-(a)	181.069.380.831

(*) Giá trị hợp lý của tài sản thuần được thẩm định giá bởi đơn vị thẩm định giá thứ ba.

Góp vốn cổ phần của Công ty CP Nafoods Tây Bắc

Tại ngày 1 tháng 7 năm 2023, Công ty đã hoàn thành mua thêm 3.245.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Naprod lên 99,9%.

Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5500538998 ngày 8 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, thay đổi gần nhất lần thứ 3 ngày 6 tháng 7 năm 2023, với vốn điều lệ 50 tỷ VNĐ.

Giao dịch mua cổ phần công ty con có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn vào ngày mua như sau:

		VNĐ
Giá trị hợp lý của tổng tài sản của công ty con tại ngày góp vốn mua cổ phần		82.508.291.546
Giá trị hợp lý của tổng nợ phải trả của công ty con tại ngày góp vốn mua cổ phần		18.775.596.882
Giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày góp vốn cổ phần (*)		63.732.694.664
<i>Trong đó:</i>		
- Giá trị phân bổ tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 99,9%	(a)	63.668.961.969
- Giá trị phân bổ tương ứng với tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát: 0,1%		63.732.695
Giá gốc khoản đầu tư nắm giữ trước khi góp vốn		17.500.000.000
Tổng giá phí hợp nhất	(b)	87.271.343.132
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(c)	2.035.296.326
Lợi thế thương mại được ghi nhận tại ngày mua (Thuyết minh 19)	(b)+(c)-(a)	25.637.677.489

(*) Giá trị hợp lý của tài sản thuần được thẩm định giá bởi đơn vị thẩm định giá thứ ba.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ
Tiền		
Tiền mặt	477.259.880	64.722.416
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.246.064.418	14.688.761.237
	21.723.324.298	14.753.483.653
Các khoản tương đương tiền		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh (i)	17.436.627.073	16.684.739.909
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (ii)	17.374.366.816	16.662.314.084
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (iii)	5.900.289.315	5.900.000.000
	40.711.283.204	39.247.053.993
	62.434.607.502	54.000.537.646

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh với lãi suất 3,2%/năm, tự động gia hạn 3 tháng đến khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Thuyết minh 24).

(ii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Bank với lãi suất từ 2,75% đến 3,25%/năm, tự động gia hạn 3 tháng đến khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Bank (Thuyết minh 24).

(iii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An, với lãi suất từ 2,4% đến 4,6%/năm, tự động gia hạn 3 tháng đến khi tất toán (Thuyết minh 24).

7. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ
Ngắn hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng (i)	119.909.823.494	119.909.823.494	12.471.419.160	12.471.419.160
	119.909.823.494	119.909.823.494	12.471.419.160	12.471.419.160
Dài hạn				
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	121.909.823.494	121.909.823.494	14.471.419.160	14.471.419.160

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam với lãi suất từ 3,75% đến 4,25%/năm, tự động gia hạn khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Bank (Thuyết minh 24).

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với lãi suất 5,20%/năm, đáo hạn vào ngày 3 tháng 7 năm 2024.

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank Việt Nam với lãi suất 5,2%/năm, tự động gia hạn khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank Việt Nam (Thuyết minh 24).

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 5 tháng tại Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH Chi Nhánh TP HCM với lãi suất từ 3,5% đến 4,0%/năm, tự động gia hạn đến khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH Chi Nhánh TP HCM (Thuyết minh 24).

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun-CN Đồng Nai với lãi suất từ 4,5% đến 6,0%/năm, tự động gia hạn đến khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun-CN Đồng Nai (Thuyết minh 24).

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN2 TP. HCM với lãi suất từ 5,2% đến 6,0%/năm, tự động gia hạn đến khi tất toán.

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP Vinh với lãi suất từ 4,0% đến 5,0%/năm, tự động gia hạn đến khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP Vinh (Thuyết minh 24).

(ii) Số dư bao gồm khoản đầu tư trái phiếu vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("Vietinbank"), chi tiết như sau: 200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VNĐ với lãi suất thả nổi, phát hành vào ngày 29 tháng 6 năm 2018 và đáo hạn vào ngày 29 tháng 6 năm 2028 (Thuyết minh 24).

8. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ
Phải thu bên thứ ba		
Công ty Profi Line Plus Llc	71.339.524.551	73.697.741.092
Công ty Flagfood Ag	100.325.888.597	117.676.862.446
Các khách hàng khác	173.575.785.125	187.437.009.909
	345.241.198.273	378.811.613.447
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 39)		
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	-	6.403.741.504
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	-	14.586.238.107
Công ty CP Kingfoods	2.838.549.750	342.265.585
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	289.299.038	-
	3.127.848.788	21.332.245.196
	348.369.047.061	400.143.858.643

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ
Trả trước cho bên thứ ba		
Công ty TNHH Nghiên cứu & Phát triển Công nghệ Sinh học và Hội tụ	-	17.079.451.001
Công ty TNHH MTV Nông sản Anh Đức	5.487.341.287	390.504.830
Công ty ABL SPA	2.032.068.008	2.032.068.008
Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Natech (i)	22.124.183.244	21.941.474.535
Các đối tượng khác	27.263.794.502	14.177.298.315
	56.907.385.041	55.620.794.689
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh 39)		
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	-	14.539.720.391
Công ty CP Kingfoods (ii)	38.883.755.670	46.055.429.112
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	657.000	-
	38.884.412.670	60.595.149.503
	95.791.797.711	116.215.944.192

(i) Khoản trả trước cho Công ty CP Dịch Vụ Công nghệ Natech theo Hợp đồng số 01/HDDV/NT-NFG ngày 1 tháng 11 năm 2020 để được cung cấp dịch vụ xây dựng hệ thống công nghệ thông tin cho Công ty CP Nafoods Group và các Công ty trong Tập đoàn.

(ii) Khoản trả trước giữa Công ty CP Nafoods Group và Công ty CP Kingfoods theo Hợp đồng nguyên tắc số 10/2022/HĐMB/KF-NFG nhằm mục đích mua bán sản phẩm trái cây sấy dẻo.

10. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ
Ngắn hạn		
Phải thu bên thứ ba		
Các đối tượng khác (i)	21.726.200.000	457.500.000
	21.726.200.000	457.500.000
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 39)		
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	-	12.690.099.378
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings (ii)	20.938.198.683	26.361.559.394
	20.938.198.683	39.051.658.772
	42.664.398.683	39.509.158.772
Dài hạn		
Các đối tượng khác (i)	-	700.000.000
	42.664.398.683	40.209.158.772

- (i) Các khoản phải thu từ việc cho vay có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng, lãi suất quy định theo hợp đồng cho vay và được đảm bảo bằng tài sản của Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc.
- (ii) Khoản phải thu từ việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư LMC Holdings vay có lãi suất 7,5% năm, có thời hạn thanh toán trong năm 2024 và được đảm bảo bằng tài sản của Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc.

11. Phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ
Ngắn hạn		
Phải thu ngắn hạn bên thứ ba		
Phải thu từ lãi trả chậm	813.453.748	8.640.109.387
Phải thu lãi tiền gửi	927.353.051	2.043.352.174
Tạm ứng mua cổ phần của Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	-	198.775.100.000
Tạm ứng mua cổ phần của Công ty CP Nafoods Tây Bắc	-	56.000.000.000
Tạm ứng mua tài sản Dự án tại Bình Thuận (i)	29.636.100.000	29.636.100.000
Tạm ứng nhân viên (ii)	41.141.858.579	64.483.419.015
Tạm ứng cổ tức cho IFC (iii)	13.415.040.000	13.415.040.000
Khác	9.052.772.519	6.772.735.470
	94.986.577.897	379.765.858.046
Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh 39)		
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	-	915.115.808
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	13.765.678.073	2.958.779.846
	13.765.678.073	3.873.895.654
	108.752.255.970	383.639.751.700
Dài hạn		
Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư LMC Holdings (iv)	96.753.633.000	96.753.633.000
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	2.082.289.544	-
Đặt cọc	6.715.267.592	1.025.147.592
	105.551.190.136	97.778.780.592
	214.303.446.106	481.418.532.292

- (i) Khoản tạm ứng cho bà Đặng Thị Thắm – nhân viên Công ty, nhằm mục đích thực hiện công tác mua lại tài sản dự án tại Bình Thuận. Trong năm 2024, Công ty sẽ đánh giá hiện trạng tài sản của dự án để đưa tài sản vào sản xuất thử nghiệm một số sản phẩm. Khoản tạm ứng được bảo lãnh bởi ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc Công ty.

(ii) Các khoản tạm ứng cho nhân viên bao gồm các khoản tạm ứng phục vụ cho các dự án cụ thể như sau:

	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
Tạm ứng thực hiện dự án quy hoạch vùng nguyên liệu chanh leo tại Lào	9.154.605.539	22.835.323.005
Tạm ứng thực hiện dự án quy hoạch vùng nguyên liệu thanh long tại Bình Thuận	-	12.317.110.643
Tạm ứng chi phí thực hiện dự án Nafoods tại Tây Nguyên	-	141.244.080
Tạm ứng làm thủ tục đất 50 năm tại vườn ươm mới D1 tại Quế Phong	11.160.581.879	10.045.370.629
Tạm ứng thủ tục thực hiện dự án tại Mộc Châu Sơn La	7.092.227.421	6.494.379.267
Tạm ứng phục vụ cho các hoạt động kinh doanh khác: Thu mua, vận chuyển, v.v..	13.734.443.740	12.649.991.391
	41.141.858.579	64.483.419.015

(iii) Khoản ứng trước cổ tức cho Tổ chức International Finance Corporation, cổ đông, số tiền là 13.415.040.000 VNĐ, theo thỏa thuận ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa 2 bên. Trong kỳ, Tập đoàn thực hiện chia cổ tức bù trừ tương ứng với giá trị đã ứng trước cổ tức.

(iv) Căn cứ Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/2020/HĐHTKD/NFG-LMC ký kết ngày 1 tháng 6 năm 2020, Công ty Cổ phần Nafoods Group (Bên A) thỏa thuận góp vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư LMC Holdings (Bên B) để thực hiện các dự án chung. Hợp đồng có thời hạn 5 năm và đáo hạn vào ngày 1 tháng 6 năm 2025.

Theo phụ lục 04 ký ngày 5 tháng 9 năm 2022, hai bên thống nhất chuyển đổi mục đích dự án, chuyển toàn bộ nguồn vốn góp hợp tác đầu tư sang để đầu tư, triển khai, vận hành Dự án "Viện nghiên cứu và Phát triển Công nghệ sinh học – Vật liệu Nano phục vụ các ngành công nghiệp". Dự án có tổng vốn đầu tư dự kiến là 573 tỷ VNĐ, triển khai từ năm 2022 tới năm 2029. Lợi nhuận đạt được sau hợp tác đầu tư sẽ được hai bên cùng phân chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế. Trong trường hợp kết quả hợp tác đầu tư bị thua lỗ, bên A có quyền ưu tiên mua lại toàn bộ Dự án với tổng chi phí không nhỏ hơn giá trị mà bên B đã góp vốn hợp tác đầu tư với bên A.

Theo phụ lục 05 ký ngày 20 tháng 8 năm 2023, hai bên thống nhất bổ sung mục đích dự án từ hoạt động hợp tác kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023. Dự án đã được Ban quản lý Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh chấp nhận chủ trương.

Khoản hợp tác đầu tư được đảm bảo bởi giá trị vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư LMC Holdings tại Công ty TNHH Công nghiệp Dừa Liên Vĩnh Xương.

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Các khoản phải thu quá hạn chưa thanh toán				
Công ty CP Tân Tân	4.176.437.050	(4.176.437.050)	4.176.437.050	(4.176.437.050)
Đoàn Quốc Vương	4.335.000.000	(4.335.000.000)	4.335.000.000	(4.335.000.000)
Công ty Profi Line Plus LLC	71.339.524.551	(20.876.891.926)	73.697.741.092	-
Kingfood LLC	12.072.600.226	(8.450.820.158)	11.736.693.160	-
Khách lẻ mua cây giống	50.533.530.290	(42.369.353.136)	70.007.127.136	(22.386.974.661)
Khác	19.832.315.056	(17.134.451.022)	8.485.257.024	(6.484.284.618)
	162.289.407.173	(97.342.953.292)	163.952.998.438	(30.898.411.711)
Các khoản phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn				
Công ty CP Tân Tân	347.873.081	(347.873.081)	347.873.081	(347.873.081)
Công ty TNHH Màu xanh Đổi mới	400.539.000	(400.539.000)	400.539.000	(400.539.000)
Công ty CP Bánh kẹo ANCO	65.041.667	(65.041.667)	65.041.667	(65.041.667)
	813.453.748	(813.453.748)	813.453.748	(813.453.748)
	163.102.860.921	(98.156.407.040)	164.766.452.186	(31.711.865.459)

13. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng mua đang đi đường	2.700.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	16.981.363.795	(188.683.818)	16.502.018.415	(1.046.314.944)
Công cụ, dụng cụ	16.814.459.362	(873.059.794)	30.364.359.428	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52.871.309.430	-	52.823.800.079	-
Thành phẩm	177.982.773.244	(5.149.264.333)	41.544.411.340	(2.072.212.670)
Hàng hóa	860.359.992	(66.987.840)	11.884.521.350	(162.860.508)
Hàng gửi bán	8.011.992.225	-	7.951.500.000	-
	273.524.958.048	(6.277.995.785)	161.070.610.612	(3.281.388.122)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hàng tồn kho với giá trị tương ứng là 6.290.354.596 VNĐ (31 tháng 12 năm 2022: 3.281.388.122 VNĐ) đã được lập dự phòng toàn bộ cho hàng tồn kho giảm giá trị.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa của Công ty với tổng giá trị thuần là 102.558.312.023 VNĐ (31 tháng 12 năm 2022: 115.615.309.818 VNĐ) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 24).

14. Chi phí trả trước

	31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.757.299.258	690.641.747
Ứng trước tiền thuê đất	5.147.110.000	5.147.110.000
Chi phí khác	6.065.304.407	1.068.421.210
	12.969.713.665	6.906.172.957
Chi phí trả trước dài hạn		
Phí tư vấn và phí luật sư	2.666.261.354	3.663.504.300
Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.815.310.699	8.547.060.232
Chi phí khai hoang, đền bù đất	13.016.611.727	13.490.429.003
Chi phí chuyển giao công nghệ	7.429.724.913	4.561.489.537
Chi phí trả trước khác	8.314.463.211	5.919.597.647
	46.242.371.904	36.182.080.719
	59.212.085.569	43.088.253.676

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
1 tháng 1 năm 2023	201.014.988.508	237.904.291.443	5.389.976.705	1.400.649.077	445.709.905.733
Tăng do mua công ty con	111.110.695.503	127.792.276.816	3.894.618.538	6.250.817.811	249.048.408.668
Mua trong năm	15.054.805.006	26.745.738.739	2.872.053.342	885.141.840	45.557.738.927
Chuyển từ XDCB	43.127.928.850	-	145.019.328	348.261.688	43.621.209.866
Thanh lý	-	(5.858.481.051)	(1.972.411.379)	-	(7.830.892.430)
31 tháng 12 năm 2023	370.308.417.867	386.583.825.947	10.329.256.534	8.884.870.416	776.106.370.764

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng VNĐ
Giá trị hao mòn lũy kế					
1 tháng 1 năm 2023	(42.416.066.372)	(65.114.707.906)	(2.341.639.390)	(732.084.667)	(110.604.498.335)
Tăng do mua công ty con	(27.313.393.595)	(66.009.365.869)	(1.581.078.616)	(1.616.575.424)	(96.520.413.504)
Khấu hao trong năm	(19.166.319.701)	(24.978.856.608)	(856.458.738)	(570.240.444)	(45.571.875.491)
Thanh lý	-	1.121.941.461	48.450.696	-	1.170.392.157
31 tháng 12 năm 2023	(88.895.779.668)	(154.980.988.922)	(4.730.726.048)	(2.918.900.535)	(251.526.395.173)
Giá trị còn lại					
1 tháng 1 năm 2023	158.598.922.136	172.789.583.537	3.048.337.315	668.564.410	335.105.407.398
31 tháng 12 năm 2023	281.412.638.199	231.602.837.025	5.598.530.486	5.965.969.881	524.579.975.591

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có một số tài sản với nguyên giá là 1.586.357.472 VNĐ (31 tháng 12 năm 2022: 1.000.756.563 VNĐ) đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 tài sản cố định của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 244.776.556.311 VNĐ (31 tháng 12 năm 2022: 261.129.107.583 VNĐ) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 24).

16. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
1 tháng 1 năm 2023	7.108.000.000	294.400.000	7.402.400.000
Tăng trong năm	41.963.748.860	-	41.963.748.860
31 tháng 12 năm 2023	49.071.748.860	294.400.000	49.366.148.860
Giá trị hao mòn lũy kế			
1 tháng 1 năm 2023	-	-	-
Khấu hao trong năm	(3.327.749.081)	(48.798.543)	(3.376.547.624)
31 tháng 12 năm 2023	(3.327.749.081)	(48.798.543)	(3.376.547.624)
Giá trị còn lại			
1 tháng 1 năm 2023	7.108.000.000	294.400.000	7.402.400.000
31 tháng 12 năm 2023	45.743.999.779	245.601.457	45.989.601.236

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định thuê tài chính của Công ty với tổng giá trị còn lại là 45.989.601.236 VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 7.402.400.000 VNĐ) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem Thuyết minh số 24).

17. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tài sản cố định vô hình khác VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
1 tháng 1 năm 2023	14.277.799.600	69.074.053.417	569.500.000	83.921.353.017
Tăng do mua công ty con	506.297.000	19.586.080.501	-	20.092.377.501
Tăng trong năm	560.000.000	1.691.101.000	-	2.251.101.000
31 tháng 12 năm 2023	15.344.096.600	90.351.234.918	569.500.000	106.264.831.518
Giá trị hao mòn lũy kế				
1 tháng 1 năm 2023	(1.293.315.394)	(6.446.236.536)	(550.516.666)	(8.290.068.596)
Tăng do mua công ty con	(125.269.223)	-	-	(125.269.223)
Khấu hao trong năm	(2.626.833.669)	(1.722.931.338)	(18.983.334)	(4.368.748.341)
31 tháng 12 năm 2023	(4.045.418.286)	(8.169.167.874)	(569.500.000)	(12.784.086.160)
Giá trị còn lại				
1 tháng 1 năm 2023	12.984.484.206	62.627.816.881	18.983.334	75.631.284.421
31 tháng 12 năm 2023	11.298.678.314	82.182.067.044	-	93.480.745.358

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 tài sản cố định của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 62.927.954.009 VNĐ (31 tháng 12 năm 2022: 62.627.816.881 VNĐ) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 24).

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có một số tài sản với nguyên giá là 569.500.000 VNĐ (31 tháng 12 năm 2022: 115.000.000 VNĐ) đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng.

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ
1 tháng 1 năm 2023	2.954.231.368	12.669.203.842
Mua trong năm	53.686.902.279	25.499.815.553
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(173.863.800)	(211.695.454)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(43.621.209.866)	(27.467.666.255)
Chuyển nhượng dự án	-	(7.535.426.318)
Giảm khác	(467.878.800)	-
31 tháng 12 năm 2023	12.378.181.181	2.954.231.368
Trong đó:		
Dự án Nhà máy Nafoods Tây Nguyên: Giai đoạn 2 (i)	9.348.772.985	927.793.516
Dự án khác	3.029.408.196	2.026.437.852
	12.378.181.181	2.954.231.368

- (i) Dự án gồm 3 hợp phần: Nhà máy tách, phân loại, đóng gói, bảo quản hoa quả xuất khẩu; Viện nghiên cứu giống cây trồng công nghệ cao; Khu nông nghiệp công nghệ cao.

19. Lợi thế thương mại

	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VNĐ	VNĐ
1 tháng 1 năm 2023	213.416.319	426.832.637
Lợi thế thương mại tăng trong năm (Thuyết minh 5)	206.707.058.320	-
Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	(10.548.769.236)	(213.416.318)
31 tháng 12 năm 2023	196.371.705.404	213.416.319
Trong đó:		
Lợi thế thương mại khi mua Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	172.015.911.787	-
Lợi thế thương mại khi mua Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc	24.355.793.617	-
Lợi thế thương mại khi mua Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên	-	213.416.319
	196.371.705.404	213.416.319

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Phải trả cho bên thứ ba		
Chi nhánh Công ty CP Quốc tế Logistic Hoàng Hà	6.283.347.693	6.783.347.693
Đối tượng khác	73.475.277.893	117.873.109.548
	79.758.625.586	124.656.457.241
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh 39)		
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	-	16.687.682
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	216.193.781	-
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	-	1.666.907.376
	216.193.781	1.683.595.058
	79.974.819.367	126.340.052.299

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Trả trước từ bên thứ ba		
Công ty CP Thực phẩm Sữa TH (i)	10.147.110.000	10.147.110.000
Zhejiang Qiding Import And Export Co Ltd	-	3.662.164.025
Sarl Negomax	-	1.575.074.757
Khác	12.934.402.961	8.266.920.412
	23.081.512.961	23.651.269.194

- (i) Số dư thể hiện khoản trả trước của Công ty CP Thực phẩm Sữa TH (Bên B) cho Công ty Cổ phần Nafoods Group (Bên A) theo các Hợp đồng chuyển nhượng Dự án đầu tư "Phát triển 140 ha gác lại đến thương phẩm" tại xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An ký ngày 8 tháng 10 năm 2019 và ngày 19 tháng 11 năm 2022. Trong tháng 2 năm 2024, Dự án đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An chấp nhận chủ trương cho phép Bên A chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư cho Bên B. Các bên đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan để hoàn tất giao dịch này.

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

31 tháng 12 năm 2023

	Giá trị VNĐ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	6.800.532.643	11.408.740
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.083.824.838	24.958.286
Thuế thu nhập cá nhân	716.019.354	3.254.068
Các loại thuế khác	414.555.131	3.655.965
	32.014.931.966	43.277.062

23. Chi phí phải trả

Chi phí lãi vay

Trích thưởng

Khác

nước

		Trong năm	31 tháng 12 năm 2022
Đãi trả	Thanh toán	Phân loại lại	Giá trị
VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
1.926	(7.882.356.628)	-	3.274.148.345
1.878	(9.484.726.210)	(729.944.824)	9.340.208.994
1.897	(3.164.264.482)	-	626.214.939
1.653	(3.107.771.556)	(469.113.906)	335.474.940
1.354	(23.639.118.876)	(1.199.058.730)	13.576.047.218

31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
VNĐ	VNĐ
37.094.609.016	593.954.994
4.480.034.480	3.139.783.009
8.695.562.056	3.227.238.501
50.270.205.552	6.960.976.504

24. Vay

Vay ngắn hạn

	Giá trị VNĐ	31 tháng Số
Vay ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (i)	203.056.865.919	203
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh (ii)	98.346.158.215	98
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (iii)	77.941.336.102	77
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nghệ An (iv)	4.374.185.300	4
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam- CN HCM	-	-
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - CN thành phố Hồ Chí Minh (v)	22.664.283.479	22
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi Nhánh Đồng Nai (vi)	101.800.000.000	101
Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH Chi nhánh TP. HCM (NTNN) (vii)	118.271.864.104	118
Ngân hàng TMCP Công thương VN-CN2 TP. HCM (Vietinbank) (viii)	47.746.380.067	47
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	-	-
Công ty Cổ phần BICAMEX (ix)	3.100.657.173	3
Vay các đối tượng khác	5.000.000	5
	677.306.730.359	677
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh (xi)	6.972.039.685	6
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (xii)	7.726.162.989	7
Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd (x)	21.706.667.915	21
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam (xii)	9.437.550.306	9
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xiii)	1.292.508.000	1
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (xv)	22.436.000.000	22
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-
	69.570.928.895	69
	746.877.659.254	746

12 năm 2023	Trong năm		31 tháng 12 năm 2022	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	trả nợ		trả nợ	
VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Giá trị VNĐ	trả nợ VNĐ
3.056.865.919	648.386.469.684	663.319.688.935	217.990.085.170	217.990.085.170
3.346.158.215	293.944.177.154	316.455.990.730	120.857.971.791	120.857.971.791
7.941.336.102	126.214.632.310	94.562.791.079	46.289.494.871	46.289.494.871
4.374.185.300	58.167.710.290	99.279.817.780	45.486.292.790	45.486.292.790
-	37.208.133.706	61.787.714.513	24.579.580.807	24.579.580.807
2.664.283.479	105.423.485.217	125.849.731.554	43.090.529.816	43.090.529.816
1.800.000.000	101.800.000.000	-	-	-
3.271.864.104	245.731.118.805	127.459.254.701	-	-
7.746.380.067	78.392.646.444	30.646.266.377	-	-
-	-	31.948.286.869	31.948.286.869	31.948.286.869
3.100.657.173	3.104.157.173	3.500.000	-	-
5.000.000	5.000.000	-	-	-
7.306.730.359	1.698.377.530.783	1.551.313.042.538	530.242.242.114	530.242.242.114
5.972.039.685	8.211.039.685	4.953.000.000	3.714.000.000	3.714.000.000
7.726.162.989	7.686.893.920	23.400.333.732	23.439.602.801	23.439.602.801
1.706.667.915	21.715.555.380	21.102.222.011	21.093.334.546	21.093.334.546
9.437.550.306	10.368.126.312	930.576.006	-	-
1.292.508.000	1.292.508.000	-	-	-
2.436.000.000	24.446.000.000	2.010.000.000	-	-
-	2.259.133.000	2.259.133.000	-	-
9.570.928.895	75.979.256.297	54.655.264.749	48.246.937.347	48.246.937.347
3.877.659.254	1.774.356.787.080	1.605.968.307.287	578.489.179.461	578.489.179.461

Vay dài hạn

Vay ngân hàng

Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd (x)	54.266.66
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh (xi)	14.075.03
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (xii)	7.726.16
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xiii)	3.877.49
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (xiv)	29.601.44
Ngân hàng phát triển Việt Nam (xv)	22.436.00
Ngân hàng Cổ Phần Quân Đội	
	131.982.81

Vay dài hạn đến hạn trả

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (xi)	(6.972.039
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (xii)	(7.726.162
Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd (x)	(21.706.667
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xiii)	(1.292.508
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (xiv)	(9.437.550
Ngân hàng phát triển Việt Nam (xv)	(22.436.000
Ngân hàng Cổ Phần Quân Đội	
	(69.570.928
	62.411.88

Chi tiết về thông tin của các khoản vay như sau:

Khoản vay	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay
(i)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	244/HM22-VCB từ 26/10/2022 đến 25/10/2023	250 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động

31 tháng 12 năm 2023			Trong kỳ		31 tháng 12 năm 2022	
Số có khả năng					Số có khả năng	
Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ	
VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
7.101	54.266.667.101	22.653.333.135	42.213.332.911	73.826.666.877	73.826.666.877	
9.684	14.075.039.684	11.996.581.968	11.407.542.284	13.486.000.000	13.486.000.000	
2.989	7.726.162.989	7.756.046.800	30.646.388.462	30.616.504.651	30.616.504.651	
2.000	3.877.492.000	-	1.292.508.000	5.170.000.000	5.170.000.000	
9.696	29.601.449.696	43.683.606.570	14.082.156.874	-	-	
0.000	22.436.000.000	24.446.000.000	2.010.000.000	-	-	
-	-	2.259.133.000	2.259.133.000	-	-	
1.470	131.982.811.470	112.794.701.473	103.911.061.531	123.099.171.528	123.099.171.528	
0.685)	(6.972.039.685)	(8.211.039.685)	(4.953.000.000)	(3.714.000.000)	(3.714.000.000)	
2.989)	(7.726.162.989)	(7.686.893.920)	(23.400.333.732)	(23.439.602.801)	(23.439.602.801)	
7.915)	(21.706.667.915)	(21.715.555.380)	(21.102.222.011)	(21.093.334.546)	(21.093.334.546)	
0.000)	(1.292.508.000)	(1.292.508.000)	-	-	-	
0.306)	(9.437.550.306)	(10.368.126.312)	(930.576.006)			
0.000)	(22.436.000.000)	(24.446.000.000)	(2.010.000.000)			
-	-	(2.259.133.000)	(2.259.133.000)	-	-	
8.895)	(69.570.928.895)	(75.979.256.297)	(54.655.264.749)	(48.246.937.347)	(48.246.937.347)	
2.575	62.411.882.575	36.815.445.176	49.255.796.782	74.852.234.181	74.852.234.181	

ay	Kỳ hạn	Hình thức đảm bảo
	hoàn trả	
g	5 tháng	+ Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất; xe ô tô đã qua sử dụng; quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thương mại, hàng hóa, hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Nafoods Group. + Máy móc, dây chuyền và thiết bị sản xuất của Công ty CP Thực phẩm Nghệ An. + Bảo lãnh của Công ty CP Nafoods Group cho mọi nghĩa vụ nợ gốc, lãi và chi phí khác của Công ty CP Nafoods Miền Nam. + Tài sản gắn liền với đất và Quyền sử dụng đất của một số thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty CP Nafoods Group.

Khoản vay	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay
(ii)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh	01/2023- HĐCVHM/NHCT44 2-NAFOODS GROUP	100 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn
(ii)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh	01/2022- HĐCVHM/NHCT44 2-CHANHLEO	24 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn
(ii)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh	01/2022- HĐCVHM/NHCT44 2-NAFOODS Tây Bắc	10 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn
(iii)	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	HCM/2021/002 /NAFOODS/STL/FA	80 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Mua nguyên nước và tài trợ vốn
(iv)	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nghệ An	2023/HDHM/NAFO ODS-VPBANK	200 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn

	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
		+ Căn hộ chung cư, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 55TC21/VCB.NAN của cổ đông. + Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị sản xuất và phần giá trị gia tăng đầu tư thêm trong quá trình kinh doanh thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam.
lưu động	5 tháng	+ Xe ô tô đã qua sử dụng; quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thương mại, hàng hóa, hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Nafoods Group. + Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị sản xuất và phần giá trị gia tăng đầu tư thêm trong quá trình kinh doanh; Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thương mại, hàng hóa, hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam.
lưu động	6 tháng	+ Quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất tại các thửa đất đứng tên Công ty CP Chanh leo Nafoods. + 100 trái phiếu mã CTG1926T2/02-589 được trình bày tại Thuyết minh số 6. + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 442/2022/23916 ngày 27/7/2022 với giá trị 3 tỷ VNĐ.
lưu động	12 tháng	+ Quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất tại các thửa đất đứng tên Công ty CP Nafoods Tây bắc.
vật liệu /hàng hóa trong	5 tháng	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và Bảo lãnh cá nhân của Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc.
n lưu động ngắn hạn		
lưu động	6 tháng	Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa thuộc sở hữu của bên thế chấp bao gồm các mặt hàng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa,... phục vụ hoạt động sản xuất, chế biến và thương mại hàng thực phẩm (hoa quả, hạt). Khoản vay được bảo lãnh bởi ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc theo Hợp đồng bảo lãnh số 2023/HĐBL/NMH/VPBNANK-NADFOODS.

Khoản vay	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay
(v)	Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chi Minh	051/2022/FA.01	120 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn l nguyên liệu h
(vi)	Ngân Hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh 2337 Đồng Nai	10000963LD00120	5.000.000 USD	1,5% + Lãi suất VNIBOR (USD) kỳ hạn 1,3 và 6 tháng	Bổ sung vốn l
(vii)	Ngân hàng TNHH Bangkok Đại Chúng - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	CP/HCM/015-22	5.000.000 USD	Chi phí vốn + 2%/năm (Chi phí vốn được xác định theo Hợp đồng)	Bổ sung vốn l
(viii)	Ngân hàng TMCP Công thương VN-CN2 TP HCM	28/2023- HĐCVHN/NHCT90 4-NASOCO	150 tỷ VNĐ	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn l
(ix)	Công ty Cổ phần BICAMEX	01/BB-LAMVIEC	9,49 tỷ VNĐ	7,5%/năm	Bổ sung vốn l
(x)	Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd	MUSD 5 LOAN FACILITY	5 triệu USD	6,4% + Lãi suất LIBOR cho mỗi kỳ 6 tháng	Thực hiện ph doanh trái cây
(xi)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh	01/2018- HĐCVDADT/NHCT 442-CHANHLEO NAFOODS 01/2020- HĐCVDADT/NHCT 442- NAFOOD TAY NGUYEN	16 tỷ VNĐ 31 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân 8.1%	Tài trợ các ch Dự án đầu tư giống Công n Phong – tỉnh Tài trợ các ch Dự án đầu tư cứu giống câ Nhà máy tách bảo quản hoa nghiệp công

	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
Ước lượng; Nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài	5 tháng	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và Bảo lãnh cá nhân của Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tổng Giám đốc.
Ước lượng	6 tháng	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và Bảo lãnh cá nhân của Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tổng Giám đốc
Ước lượng	150 ngày	+ Số dư tiền gửi của NFG tại ngân hàng bằng 30% dư nợ Vay luân chuyển ngắn hạn, tại mọi thời điểm, với điều kiện là điều khoản phải được hoàn thành trước mỗi lần sử dụng hạn mức Vay luân chuyển ngắn hạn. + Thế chấp các khoản Phải thu tương đương với số tiền bằng 5 triệu USD. + Thư bảo lãnh cá nhân do Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc phát hành với số tiền tương đương tổng hạn mức của các phương thức tín dụng được cấp là 8 triệu USD
Ước lượng	12 tháng	Các Quyền đòi nợ luân chuyển của Bên Thế Chấp đối với các bên có nghĩa vụ thanh toán phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh trị giá 105 tỷ VNĐ
Ước lượng	12 tháng	Tín chấp
Ước lượng sản xuất kinh doanh; Dự trữ	72 tháng	+ Số dư tài khoản ngân hàng, các khoản phải thu, máy móc thiết bị, tất cả các quyền lợi ích hoàn trả và tất cả các cổ phần được phát hành và thanh toán thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Đầu tư - Phát triển Giá trị Gia tăng Nông nghiệp. + Bảo lãnh thực hiện bởi Công ty CP Nafoods Miền Nam
Chi phí đầu tư hợp pháp của dự án xây dựng vườn ươm công nghệ cao tại Huyện Quế Phong, Nghệ An	72 tháng	+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐBĐ/NHCT442 ngày 20 tháng 3 năm 2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Vinh và Công ty CP Chanh leo Nafoods..
Chi phí đầu tư hợp pháp của dự án xây dựng Viện nghiên cứu trồng công nghệ cao; phân loại, đóng gói và vận chuyển quả xuất khẩu; Khu nông nghiệp cao giai đoạn 1 tại xã	72 tháng	+ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng và các tài sản hình thành trong tương lai khi xây dựng cơ bản hoàn thành thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Tây Nguyên. + Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất và xe ô tô đã qua sử dụng của một số thành viên trong Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty CP Nafoods Tây Nguyên.

Khoản vay	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay
					An Phú, thành phố Vinh
(xi)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh	01/2018-HĐCVDADT/NHCT 442-NAF TÂY BẮC	19 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Thanh toán của Dự án chế biến Chanh, Khế xuất khẩu
(xii)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	101/DTDA17 /NAN.KHDN	169,893 tỷ VNĐ	+ Lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ cộng (+) 2,5%/năm với khoản vay VNĐ + 4,5%/năm cộng (+) Lãi suất Libor có kỳ hạn 6 tháng với khoản vay USD + 4,5%/năm cộng (+) Giá trị lớn hơn giữa 0% và lãi suất Libor có kỳ hạn 6 tháng với khoản vay EUR	Xây dựng nhà xưởng xuất khẩu tại tỉnh Nghệ An
(xiii)	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	01225/2022/TSC-CTTC	11,4 tỷ VNĐ	10%/năm	Bổ sung tài sản xuất kinh doanh
(xiv)	Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	Nhiều hợp đồng	14,5 tỷ VNĐ	7,8% - 9,06%/năm	Bổ sung tài sản xuất kinh doanh
(xv)	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	173/2002-TDII	12,450 tỷ VNĐ	5,4%/năm	Mua sắm máy móc
		381/2002-TD2	3,150 tỷ VNĐ	5,4%/năm	Mua sắm máy móc
		68/2003-TD	23,676 tỷ VNĐ	5,4%/năm	Mua sắm máy móc
		146/2004-TD	4,4 tỷ VNĐ	5,4%/năm	Mua sắm máy móc

ay	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
nh phố Pleiku, tỉnh Gia Lai		
các chi phí đầu tư hợp pháp đầu tư xây dựng nhà máy anh leo và các loại quả xuất	12 tháng	Tài sản hình thành từ nguồn vay
nhà máy chế biến hoa quả i Long An	84 tháng	+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thương mại, hàng hóa, hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất thuộc sở hữu của Công ty thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam. + Máy móc thiết bị, xe ô tô đã qua sử dụng và máy chuyên dụng thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam; + Toàn bộ vốn góp của Công ty CP Nafoods Group tại Công ty CP Nafoods Miền Nam
sản phục vụ mục đích sản anh	48 tháng	Tài sản cố định thuê tài chính
sản phục vụ mục đích sản anh	48 tháng	Tài sản cố định thuê tài chính
áy móc thiết bị	120 tháng	Tài sản hình thành từ vốn vay
áy móc thiết bị	120 tháng	Tài sản hình thành từ vốn vay
áy móc thiết bị	120 tháng	Tài sản hình thành từ vốn vay
áy móc thiết bị	120 tháng	Tài sản hình thành từ vốn vay

25. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VND	VND
Số dư, 1 tháng 1 năm 2023	6.468.800.888	3.220.600.769
Trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 26)	3.985.657.261	3.874.614.942
Sử dụng Quỹ	(52.052.269)	(626.414.823)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2023	10.402.405.880	6.468.800.888

26. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư, 1 tháng 1 năm 2022	629.230.850.000	67.230.677.157	(620.000)	38.781.277.104	100.422.907.554	732.744.585	836.397.836.400
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	79.713.145.210	128.954.464	79.842.099.674
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	23.247.689.650	(44.337.354.592)	-	(21.089.664.942)
Khác	-	-	-	(2.916.303.730)	74.973.712	(121.107.365)	(2.962.437.383)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2022	629.230.850.000	67.230.677.157	(620.000)	59.112.663.024	135.873.671.884	740.591.684	892.187.833.749
Số dư, 1 tháng 1 năm 2023	629.230.850.000	67.230.677.157	(620.000)	59.112.663.024	135.873.671.884	740.591.684	892.187.833.749
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	109.730.541.729	198.738.840	109.929.280.569
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	(17.400.697.261)	-	(17.400.697.261)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(3.985.657.261)	-	(3.985.657.261)
Khác	-	-	-	-	7.275.928.697	(44.461.047)	7.231.467.650
Số dư, 31 tháng 12 năm 2023	629.230.850.000	67.230.677.157	(620.000)	59.112.663.024	231.493.787.788	894.869.477	987.962.227.446

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, Công ty chỉ trả chi phí hàng năm cho cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại số tiền 13,4 tỷ VNĐ; trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Ngân sách hoạt động của HĐQT lần lượt là 5% và 5% lợi nhuận kế toán chưa phân phối lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

	Số tiền VNĐ
Trả cổ tức cho International Finance Corporation ("IFC")	13.415.040.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.985.657.261
Trích ngân sách hoạt động của HĐQT	3.985.657.261
	21.386.354.522

27. Vốn góp chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần đây nhất tại ngày 31 tháng 7 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 629.230.850.000 đồng, được chia thành 62.923.085 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu phát hành:

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	62.923.085	629.230.850.000	62.923.085	629.230.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	62.923.085	629.230.850.000	62.923.085	629.230.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.564.152	505.641.520.000	50.564.152	505.641.520.000
- Cổ phiếu ưu đãi	12.358.933	123.589.330.000	12.358.933	123.589.330.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	62.923.023	629.230.230.000	62.923.023	629.230.230.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.564.090	505.640.900.000	50.564.090	505.640.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	12.358.933	123.589.330.000	12.358.933	123.589.330.000

đối cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Trong trường hợp các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả các quyền sẽ bị tạm dừng cho đến khi chúng được phát hành lại.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Lãi kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VNĐ)	109.929.280.569	79.842.099.674
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu (VNĐ)	109.730.541.729	79.713.145.210
Lãi trích lập các quỹ (*)	-	(21.386.354.522)
Lãi thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	109.730.541.729	58.326.790.688
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	50.564.152	50.564.152
Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông (VNĐ/Cổ phiếu)	2.170	1.154

Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính lại sau khi trừ các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, trích ngân sách hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát và cổ tức ưu đãi.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đầu kỳ	50.564.152	50.564.152
Cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	50.564.152	50.564.152
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.564.152	50.564.152

8. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản gốc ngoại tệ khác VNĐ, như sau:

	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
Gốc nguyên tệ		
Đô la Mỹ ("USD")	362.170,03	374.738
EUR	539,39	218,62
RUB	8.018,73	-

9. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng bán	1.753.678.612.859	1.811.371.915.100
Doanh thu cung cấp dịch vụ	875.562.505	6.439.258.155
	1.754.554.175.364	1.817.811.173.255

30. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	11.143.827.473	-
Giảm giá hàng bán	7.459.236.598	37.859.679.343
Hàng bán bị trả lại	2.625.265.623	13.644.218.288
	21.228.329.694	51.303.897.631

31. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	1.262.883.756.627	1.382.372.537.826
Giá vốn dịch vụ	697.694.807	8.282.390.233
	1.263.581.451.434	1.390.654.928.059

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.942.888.633	4.453.712.634
Lãi góp vốn vào công ty con	3.374.800.555	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.431.448.085	24.273.544.012
	34.749.137.273	28.727.256.646

33. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	45.689.567.334	27.401.837.116
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.525.843.904	17.606.680.295
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.430.547.930	2.053.963.101
Chi phí tài chính khác	2.968.508.043	1.942.460.918
	75.614.467.211	49.004.941.430

34. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.318.146.791	12.951.999.339
Chi phí nguyên vật liệu	4.202.014.769	4.185.151.349
Chi phí khấu hao	91.448.034	110.624.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.883.359.737	150.630.698.183
Chi phí khác	11.723.353.256	22.514.143.399
	135.218.322.587	190.392.616.876

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	47.020.693.168	23.210.329.978
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	569.401.147	464.968.415
Chi phí khấu hao và phân bổ lợi thế thương mại	24.982.249.170	6.181.451.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.164.587.774	4.467.177.713
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	65.825.849.030	13.725.525.030
Chi phí khác	23.606.253.191	17.935.835.525
	170.169.033.480	65.985.287.811

36. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân công	167.611.833.799	96.900.960.724
Chi phí nguyên vật liệu	1.032.050.195.991	1.144.433.739.737
Khấu hao và phân bổ lợi thế thương mại	61.449.504.977	28.962.640.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.736.370.890	230.421.087.774
Chi phí khác	50.900.735.741	66.575.696.832
	1.510.748.641.398	1.565.294.125.213

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp**Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") chung là 20% áp dụng kể từ năm 2016. Công ty CP Nafoods Group và các công ty con là Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods, Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển giá trị gia tăng Nông nghiệp và Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất phổ thông.

Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods, công ty con, có thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất giống cây trồng chanh leo tại địa bàn huyện Quế Phong tỉnh Nghệ An thuộc trường hợp miễn thuế TNDN theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 96/2015/TT-TC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính.

Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam, công ty con, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 10% trên thu nhập chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động.

Bảng đối chiếu giữa lãi kế toán và lãi tính thuế như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	132.393.858.506	92.926.986.813
<i>Điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	20.031.812.915	7.256.895.432
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện từ tiền và các khoản phải thu	1.031.555.336	(3.676.925.365)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm trước đã thực hiện trong năm nay	(3.762.677.241)	(2.008.170.997)
Lợi nhuận được chia từ các công ty con đã nộp thuế TNDN	(74.746.740.804)	(60.507.548.937)
Cộng lại lãi/(lỗ) từ các giao dịch nội bộ đã bị loại trừ khi hợp nhất	80.186.830.369	50.086.720.777
Thu nhập chịu thuế trước khi bù trừ với lỗ	155.134.439.081	84.077.957.723
Thu nhập chịu thuế	155.134.439.081	84.077.957.723

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VNĐ
Trong đó		
Thu nhập chịu thuế của Công ty mẹ với thuế suất 20%	31.564.326.316	4.812.829.647
Thu nhập chịu thuế của các Công ty con với thuế suất 5%	-	25.139.084.629
Thu nhập chịu thuế của các Công ty con với thuế suất 10%	64.622.301.812	52.949.746.266
Thu nhập chịu thuế của các Công ty con với thuế suất 20%	60.868.006.288	1.176.297.181
Lỗ thuế của các Công ty con	(1.920.195.335)	-
Chi phí thuế TNDN của Công ty mẹ với thuế suất 20%	6.312.865.263	962.565.929
Chi phí thuế TNDN của các Công ty con với thuế suất 5%	-	1.266.954.231
Chi phí thuế TNDN của các Công ty con với thuế suất 10%	6.462.230.181	5.294.974.627
Chi phí thuế TNDN của các Công ty con với thuế suất 20%	12.173.601.258	2.103.685.806
Điều chỉnh TNDN năm trước	9.590.176	984.607.150
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.958.286.878	10.602.787.743

Việc xác định thu nhập chịu thuế, lỗ tính thuế và tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ và các công ty con có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả của việc kiểm tra và phê duyệt bởi các cơ quan thuế địa phương.

38. Thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết tài sản và nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, và biến động được trình bày như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	2023 VNĐ	2022 VNĐ
Nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại				
Chênh lệch tạm thời do đánh giá lại giá trị hợp lý và khấu hao của tài sản công ty mua vốn góp	24.275.868.775	-	(1.510.840.434)	-
Chênh lệch tạm thời do trích lập dự phòng ở Công ty con	4.082.769.366	4.266.491.048	(803.721.682)	2.323.874.879
Chênh lệch tạm thời liên quan đến lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	(21.122.308)	158.224.517	(179.346.825)	158.224.517
	28.337.515.833	4.424.715.565		
Thu nhập/(chi phí) thuế hoãn lại ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh			(2.493.908.941)	2.482.099.396

39. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Tập đoàn trong niên độ như sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1	Công ty CP Kingfoods	Bên liên quan của thành viên HĐQT
2	Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	Bên liên quan của thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
4	Bà Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT
5	Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT
6	Ông Johan De Geer	Thành viên HĐQT
7	Ông Johan Nyvene	Thành viên HĐQT
8	Ông Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT
9	Ông Nguyễn Phi Bằng	Thành viên HĐQT

Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
			VNĐ	VNĐ
Công ty CP Kingfoods	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Mua nguyên vật liệu	20.501.059.474	54.306.065.550
		Doanh thu bán hàng hóa	14.088.860.000	1.469.056.000
		Mua tài sản	4.140.077.102	-
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Mua nguyên vật liệu	2.943.000	307.004.222
		Doanh thu bán hàng hóa	-	18.247.000.000
		Lãi phải thu	1.244.553.327	-
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	Tạm ứng mua cổ phần của Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	-	98.320.840.000
		Tạm ứng mua cổ phần của Công ty CP Nafoods Tây Bắc	-	16.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có các số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các Thuyết minh số 8, 9, 10, 11, 20.

40. Báo cáo bộ phận

40.1 Theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại, hoạt động chính của Tập đoàn chủ yếu là kinh doanh thương mại, do đó không có báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày.

40.2 Theo lĩnh vực địa lý

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Miền Nam VNĐ	Miền Bắc, Miền Trung VNĐ	Xuất khẩu VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.621.940.747	131.249.612.302	1.562.454.292.621	1.733.325.845.670
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.435.754.231	75.743.153.905	1.156.402.543.298	1.263.581.451.434
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.186.186.516	55.506.458.397	406.051.749.323	469.744.394.236

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Miền Nam VNĐ	Miền Bắc, Miền Trung VNĐ	Xuất khẩu VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	171.353.103.204	153.879.016.386	1.441.275.156.034	1.766.507.275.624
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.069.898.489	73.138.184.288	1.166.446.845.282	1.390.654.928.059
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.283.204.715	80.740.832.098	274.828.310.752	375.852.347.565

41. Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tên	Chức vụ	Thù lao của HĐQT	Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	Tổng cộng
		VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	1.200.000.000	1.451.645.000	2.651.645.000
Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT	1.200.000.000	-	1.200.000.000
Johan Nyvene	Thành viên HĐQT	480.000.000	-	480.000.000
Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	80.000.000	-	80.000.000
Johan De Geer	Thành viên HĐQT	50.000.000	-	50.000.000
Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	100.000.000	-	100.000.000
Đặng Thị Thẩm	Thư ký HĐQT	60.000.000	-	60.000.000
		3.170.000.000	1.451.645.000	4.621.645.000

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tên	Chức vụ	Thù lao của HĐQT	Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	Tổng cộng
		VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	1.200.000.000	1.432.222.222	2.632.222.222
Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT	1.175.000.000	-	1.175.000.000
Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch thường trực	160.000.000	-	160.000.000
Johan Nyvene	Thành viên HĐQT	480.000.000	-	480.000.000
Nguyễn Tiến Chính	Thành viên HĐQT	240.000.000	-	240.000.000
Johan De Geer	Thành viên HĐQT	60.000.000	-	60.000.000
Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	120.000.000	-	120.000.000
Đặng Thị Thắm	Thư ký HĐQT	60.000.000	-	60.000.000
Diệp Thị Mỹ Hào	Nguyên Tổng Giám đốc	-	354.721.836	354.721.836
		3.495.000.000	1.786.944.058	5.281.944.058

42. Thuyết minh về các giao dịch không bằng tiền bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm, có những giao dịch không bằng tiền chủ yếu như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán	11.564.590.464	5.362.139.468
Bù trừ khoản tạm ứng mua cổ phần tại Công ty CP Nafood Tây Bắc và Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	254.778.800.000	-

43. Cam kết

Các khoản thanh toán theo các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một (1) năm	2.483.347.467	2.591.009.120
Trong vòng hai (2) đến năm (5) năm	4.505.467.576	6.764.036.479
Từ năm (5) năm trở lên	8.301.173.960	8.530.781.809
	15.289.989.003	17.885.827.408

44. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại được lập tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Các số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được mang sang từ báo cáo tài chính hợp nhất được lập tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã kiểm toán.

45. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tập đoàn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

46. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành.

Nghe An, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

A handwritten signature in blue ink is written over a horizontal line. The signature is stylized and appears to be "Nguyễn Thị Trang".

Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng

A handwritten signature in blue ink is written over a horizontal line. The signature is stylized and appears to be "Nguyễn Thị Mỹ Linh".

Nguyễn Thị Mỹ Linh
Người lập



**NAFOODS
GROUP
JSC.**

Website :

www.nafoods.com

HO :

47 Nguyễn Cảnh Hoan,
P. Quán Bàu, Tp. Vinh,
Tỉnh Nghệ An

Email :

info@nafoods.com

RO :

196A Nguyễn Văn Hưởng,
P. Thảo Điền, Tp. Thủ Đức,
Tp. Hồ Chí Minh

Tel :

+84 2837 447 666